

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Thư đầu năm

Những dự tính cho năm mới

Trước thềm năm 1998, chúng tôi kính gửi tới quý độc giả và thân hữu lời chúc một năm dương lịch mới an khang và thịnh vượng. Nhân dịp này chúng tôi xin chân thành cảm tạ các thân hữu xa gần, trong và ngoài nước, về các đóng góp tinh thần cũng như vật chất quý báu cho tờ báo. Nhờ những đóng góp ấy, *Thông Luận* mới tiếp tục giữ được vai trò của một diễn đàn chính trị hỗ trợ hữu hiệu các tranh đấu cho công cuộc dân chủ hóa đất nước.

Lá thư đầu năm cũng là dịp để bạn biên tập nhìn lại những việc đã làm trong năm qua hầu phác họa những dự tính và định hướng chính của tờ báo cho năm tới. Chúng tôi xin được trình bày với quý độc giả một vài suy nghĩ về hai vấn đề này.

Tiếp tục vận động dư luận ủng hộ tù nhân chính trị

Một năm vừa lại trôi qua và hàng ngàn tù nhân lương tâm ở Việt Nam đã phải chịu đựng thêm 365 ngày lao tù nghiệt ngã. Phải chăng nhờ tinh thần anh hùng, bất khuất trước bạo lực mà họ đã có khả năng chống lại thách thức của hàng chục năm tù đầy? Đoàn Viết Hoạt, 20 năm; Nguyễn Đan Quế, 19 năm; Thích Quảng Độ, 18 năm; Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sĩ, 15 năm; Nguyễn Đình Huy, 21 năm... Đó là những tù nhân được dư luận thế giới và cộng đồng hải ngoại biết đến. Ngoài ra còn rất nhiều người bị lãng quên, không được biết đến vì việc bắt giam bị chính quyền bưng bít. Các lãnh đạo Việt Nam có lẽ còn tàn bạo, coi rẻ mạng người hơn cả các đàn anh của họ ở Trung Quốc. Thật vậy, theo tiêu chuẩn cộng sản thì ông Ngụy Sinh Kinh, người tù chính trị vừa mới được thả ra ở Trung Quốc, còn "phạm tội" gấp mười lần hơn các người tù

nổi tiếng của Việt Nam. Nhưng ông ta "chỉ" bị kết án 15 năm tù và còn được thả trước khi mãn hạn! Không thể nói là các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh trước đây và bây giờ các ông Lê Khả Phiêu, Phan Văn Khải, Trần Đức Lương vì bận "quốc gia đại sự" nên không biết đến trường hợp của các tù nhân nổi tiếng vì đã rất nhiều lần các cơ quan nhân quyền quốc tế, các hội đoàn người Việt ở hải ngoại và các chính phủ Tây phương đã trực tiếp can thiệp yêu cầu trả tự do cho những người tù lương tâm nói trên. Gần đây nhất là các can thiệp của ngoại trưởng Mỹ, bà Madeleine Albright trong chuyến viếng thăm Việt Nam trước mùa hè 97 và của tổng thống Pháp, ông Jacques Chirac, trong cuộc họp thượng đỉnh Pháp thoại tại Hà Nội vào trung tuần tháng 11 vừa qua. Người ta có cảm tưởng là với hệ thống "tam đầu chế" để chia chác quyền lực từ đầu thập niên 90 đến nay, không thủ lĩnh phe nào dám lấy trách nhiệm vì sợ mang tiếng thiếu cứng rắn trong việc bảo vệ đảng. Những người tù vô tội trở thành vật tế thần trong cuộc tranh chấp phe nhóm đã kéo dài trong đảng cộng sản.

Thông Luận trong năm qua đã cố gắng làm hết sức mình trong cuộc vận động cho tù nhân chính trị tại Việt Nam. Đầu năm là những bài viết nhằm nhắc nhở tới những chiến sĩ dân chủ, những người con quả cảm của đất nước, trong mục "Không quên những tù nhân chính trị". Vào hè và cho tới cuối năm là những vận động dư luận và chính giới Pháp nhân dịp hội nghị thượng đỉnh Pháp thoại tại Hà Nội. Một hồ sơ về "Pháp thoại và nhân quyền" đã được phát hành, góp phần với hoạt động của các hội đoàn khác của người Việt hải ngoại trong việc tố cáo trước dư luận quốc tế về những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng tại Việt

Nam.

Bước đầu của tiến trình dân chủ hóa đất nước là việc tôn trọng những nhân quyền cơ bản, là việc trả lại tự do cho các tù nhân lương tâm. Áp lực của dư luận quốc tế và của cộng đồng hải ngoại Việt Nam cần được vận động, tăng cường nhiều hơn nữa để làm cho được công việc này. Hoàn cảnh năm tới sẽ thuận lợi hơn trước vì những ảo tưởng về mô hình phát triển kinh tế mà không cần dân chủ đã bị thực tế phủ nhận phủ phàng qua khủng hoảng tiền tệ nghiêm trọng ở các nước Đông Á cũng như tình trạng trì trệ rõ nét của kinh tế Việt Nam. Do đó, tranh đấu cho nhân quyền và đặc biệt cho các tù nhân chính trị tại Việt Nam vẫn là một mục tiêu ưu tiên trong năm tới của báo *Thông Luận*.

Thêm tin tức và bài viết về kinh tế, xã hội Việt Nam và các nước Á châu

Tình hình chính trị đất nước và những biến cố quốc tế liên quan đến Việt Nam đã được phản ánh tương đối đầy đủ trên báo *Thông Luận* trong năm qua nhất là về những tranh chấp nội bộ trong đảng cầm quyền. Phân hóa của đảng cộng sản là điều mà lãnh đạo đảng đã không còn khả năng che dấu như từ trước đại hội 8 vào năm 1996. Việc chia quyền giữa các phe phái tiếp diễn trong năm 1997. Quốc hội mới đã được "bầu" ra vào cuối tháng bảy trước sự thờ ơ của dân chúng. Có lẽ chỉ có đảng viên cấp cao mới lo ngại về khả năng "lên voi xuống chó" do sự đổi chác quyền và lợi giữa các phe phái. Cuối cùng, thế cân bằng giữa các phe được duy trì sau nhiều thương lượng vất vả. Ba nhân vật được đưa ra để "chính thức" thay thế các ông Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và Đỗ Mười thể hiện rõ tình trạng này. Xu hướng bảo thủ hay đúng hơn

bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của đảng một lần nữa lại thắng thế. Đảng Cộng Sản Việt Nam từ lâu không còn khả năng "đổi mới" nếu không có áp lực mạnh mẽ từ bên ngoài nghĩa là từ phía nhân dân, phía đối lập dân chủ Việt Nam và phía kinh tế, tài chính quốc tế. Các áp lực đó đã bắt đầu xuất hiện và có nhiều triển vọng sẽ gia tăng trong năm tới. Áp lực của nhân dân lao động đã thể hiện qua các đòi hỏi về dân sinh, dân quyền, chống sưu cao thuế nặng và áp bức. Điển hình là biến động rất lớn ở tỉnh Thái Bình trong mấy tháng mùa hè 97. Sau đó vào tháng 11 vừa qua là vụ biểu tình và xô sát tại xứ Trà Cổ thuộc tỉnh Đông Nai, cách Sài Gòn 50 cây số. Giáo dân của xứ Trà Cổ đã chống việc ủy ban nhân dân đã trưng dụng đất của giáo xứ một cách hết sức tùy tiện. Để ngăn chặn nguy cơ chống đối lan rộng ra các nơi khác, đảng đã nhượng bộ và có dấu nhem hai biến cố nói trên. Nhưng trong năm tới khó khăn kinh tế chắc chắn tăng lên gấp bội. Dầu tư giảm, đồng bạc phải phá giá, nạn thất nghiệp và chênh lệch nông thôn - thành thị gia tăng, tham nhũng, cửa quyền tiếp tục hoành hành, luân lý, đạo đức tiếp tục xuống dốc... Rất nhiều yếu tố có khả năng là ngòi nổ cho các tranh đấu về dân sinh, dân quyền.

Phong trào đối lập dân chủ của các trí thức và văn nghệ sĩ trong năm qua bị đàn áp thêm một mức. Bùi Minh Quốc, Bảo Cự, Hà Sĩ Phu bị quản chế từ tháng 8-1997. Nguyễn Thanh Giang và một số trí thức Hà Nội bị đe dọa. Nghị định 31/CP ngày 14-4-97 của ông Võ Văn Kiệt đã biến luật hành chính thành một thứ luật bổ sung đứng trên cả luật hình sự. Nó cho phép nhà cầm quyền quân thức bất cứ ai mà không cần phải đem ra tòa án giả vờ xét xử. Một cách nói nôm na hơn nó "mở rộng nhà tù ra cả nước" và là một biện pháp khủng bố để buộc tất cả mọi người dân phải ngoan ngoãn nghe theo đảng nếu không muốn bị tù dưới hình thức gọi là "quản chế hành chính". Báo chí từ trước đến nay đã nằm trong tay đảng nhưng đảng cũng không hoàn toàn tin các ký giả và các tổng biên tập do mình tuyển chọn vì họ có thể bị thực tế ảnh hưởng. Vì thế ông Phan Văn Khải đã ký thêm một nghị định mới nhằm kiểm soát các quan hệ của ký giả Việt Nam với các báo và ký giả nước ngoài.

Những nhận định tóm tắt ở trên đã được khai triển rất nhiều trên báo *Thông Luận* năm 97 với số lượng một phần nào lẫn áp các loại bài khác. Do đó, chúng tôi

dự định trong năm tới sẽ tăng cường số lượng các bài phân tích, nhận định và tin tức về tình trạng xã hội, kinh tế, giáo dục, y tế nghĩa là về dân sinh, dân quyền ở Việt Nam.

Mặt khác các bài viết hay tin tức về những biến cố quốc tế có liên hệ tới Việt Nam, nhất là về những nước ở Á châu, trong năm 97, đã có khá nhiều. Tuy vậy, chúng tôi nghĩ sẽ phải tiếp tục phát triển các bài viết này trong năm tới không những vì tầm quan trọng về chính trị, kinh tế và ngoại giao của các nước Á Đông mà còn để bù đắp một phần nào tâm lý thích Tây phương hơn Á Đông của người Việt. Điều không bình thường là hiểu biết của người Việt nói chung về các nước Á Đông và nhất là các nước láng giềng hết sức thiếu sót so với hiểu biết về các nước Âu Mỹ. Thiết tưởng Việt Nam không thể nào hội nhập kinh tế, thương mại với các nước láng giềng nếu người Việt không biết, không hiểu họ.

Thảo luận về các đề nghị trong *Thủ thách và Hy vọng*

Thông Luận đeo đuổi tham vọng là một diễn đàn chính trị trong công cuộc xây dựng dân chủ trên đất nước. Cho nên, ngoài những công việc trước mắt chúng tôi nghĩ cần có những nghiên cứu, trao đổi về những dự án tổ chức xã hội dân chủ cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện khó khăn ở Việt Nam. *Thông Luận* đã xuất bản và phổ biến gần 2000 cuốn *Thủ thách và Hy vọng* từ tháng 6-1996. Đó là một dự án chính trị dân chủ đa nguyên, một tài liệu để thảo luận nhằm tiến tới một đồng thuận hầu kết hợp hành động. Chúng tôi nghĩ đã đến lúc cần thảo luận để đào sâu thêm, bổ túc hay ngay cả bác bỏ một vài đề nghị trong dự án đó qua một mục mới gọi là "Diễn đàn về dân chủ đa nguyên". Chúng tôi sẽ tổ chức công việc này và mong được sự tham gia của độc giả và thân hữu xa gần.

Hỗ trợ tờ báo bằng Pháp ngữ *Infos-Débats*

Nhu cầu có một tờ báo về chính trị bằng tiếng Pháp để dành cho giới trẻ thạo tiếng Pháp hơn tiếng Việt và để tranh thủ dư luận các nước Pháp thoại đã được đặt ra từ lâu. Trừ những trường hợp đặc biệt, giới trẻ tại Pháp chẳng hạn, do điều kiện giáo dục và hoàn cảnh sinh sống, thường không thể đọc và hiểu các sách báo viết bằng tiếng Việt. Ý thức chính trị và sự quen luyến với đất nước của giới trẻ cũng

không giống như những người đã từng sinh sống ở Việt Nam. Công việc tranh thủ từng lớp này không dễ dàng vì lớp tuổi 20-30 nhìn vấn đề Việt Nam dưới cặp mắt khác với lớp tuổi 40-60. Do đó, tờ báo Pháp ngữ chỉ có thể thích hợp với giới trẻ nếu được đảm nhiệm bởi một ban biên tập gồm đa số những người thuộc lớp tuổi hai mươi, ba mươi với một chủ bút năng động và có ý thức chính trị cao. Nói cách khác, nếu có chung với *Thông Luận* mục tiêu dân chủ, nhân quyền, nội dung tờ báo Pháp ngữ không thể là bản dịch các bài viết của *Thông Luận* mà phải hoàn toàn độc lập. Điều kiện tối thiểu này đã được hội đủ và hai số đầu tiên của báo *Infos-Débats* đã được phát hành. Nếu vấn đề này trên báo *Thông Luận* chúng tôi muốn kêu gọi sự hỗ trợ của quý độc giả cho công việc dài hạn, khó khăn nhưng theo chúng tôi, rất quan trọng này. Đầu tiên là việc giới thiệu *Infos-Débats* với các con em của quý vị để chúng tôi có thể gửi báo biểu và mời mua dài hạn. Việc làm thứ hai là góp ý kiến và viết bài cho ban biên tập trẻ của tờ *Infos-Débats*.

Thể hiện tự do, dân chủ trong dân sinh, dân quyền

Năm 1998 sẽ là năm mà Đảng Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải thay đổi. Chính sách đổi mới kinh tế nhưng không đổi mới chính trị đã đi tới giới hạn của nó. Phát triển kinh tế đã khựng lại. Cơ cấu chính trị và Nhà nước cổ hủ sẽ không thể nào đáp ứng lại đòi hỏi mới của kinh tế thị trường. Nhất là vào lúc mà bối cảnh trong vùng hết sức khó khăn vì khủng hoảng về tài chính và tiền tệ tại nhiều nước. Tranh đấu cho dân sinh, dân quyền sẽ tiếp tục bột phát trong năm tới. Những người dân chủ Việt Nam sẽ có những cơ may thuận tiện hơn để thể hiện lý tưởng của mình trong các tranh đấu, đòi hỏi cụ thể. Chính nghĩa và thời gian đứng về phía dân chủ nhưng đòi hỏi phải có khả năng tổ chức để kết hợp hành động. Là một thành phần của đối lập dân chủ, *Thông Luận* sẽ tham gia tích cực vào cuộc vận động này.

Với nhận định lạc quan ở trên, một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm ơn quý độc giả, thân hữu và các vị ân nhân đã giúp chúng tôi làm những việc trong năm qua và hy vọng được cùng quý vị tiếp tục tiến bước trên con đường tranh đấu để góp phần vào tiến trình dân chủ hóa đất nước.

Vũ Thiện Hán

Dại hội cuối năm 1997 của ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam diễn ra trong một bối cảnh nghiêm trọng, với những chọn lựa nhức nhối.

Trước hết là một bối cảnh trong vùng rất bất lợi. Các nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam đều là những nước Châu Á đang gặp khó khăn. Họ sẽ không còn tiền để đầu tư vào Việt Nam nữa, đồng thời hàng hóa của họ sẽ sụt giá nặng tạo một áp lực cạnh tranh lớn cho hàng hóa Việt Nam. Khủng hoảng của các nước Đông Á còn làm sụp đổ chỗ dựa lý luận duy nhất của chế độ cộng sản Việt Nam, cái vẫn thường được gọi là "mô hình Châu Á" mà công dụng duy nhất cho tới nay là lý do để từ chối dân chủ. Những nguyên nhân đã được đưa ra, và nhắc lại, của cuộc khủng hoảng tại các nước Đông Á là: đầu cơ điên cuồng vào nhà đất, các công ty vay nợ vô trách nhiệm, các ngân hàng vay nợ rồi cho vay lại một cách liều lĩnh; tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, lẫn lộn giữa chính quyền và kinh doanh, toa rập chính quyền và các công ty lớn; thông tin thiếu và sai..., đều bắt nguồn từ một nguyên nhân chính: thiếu dân chủ. Thiếu dân chủ vì chưa thể hiện nổi dân chủ một cách đầy đủ trên thực tế do sự hiện diện của các thế lực tài phiệt quá áp đảo như trường hợp của Nhật và Đại Hàn, hoặc còn đang trên đường xây dựng dân chủ như Thái Lan và Philippines, hoặc thiếu dân chủ vì từ chối dân chủ như Mã Lai và Indonesia. Các nguyên nhân đó đều dễ nhận diện, bằng chứng là mọi người đều đã mau chóng nhìn thấy. Trừ trường hợp của Nhật Bản và Đại Hàn đang phải trả giá cho một chọn lựa kinh tế táo bạo đã từng mang lại những kết quả ngoạn mục, tại các quốc gia Châu Á khác, các nguyên nhân này đều đã có thể khắc phục được nếu có thảo luận dân chủ bộc trực và chính quyền luôn luôn gặp sự thách đố và cạnh tranh của một đối lập có tầm vóc.

Các nước Đông Nam Á, những con rồng mới, đều đã vươn lên nhờ đã dân chủ hơn trước, họ bối rối và khựng lại vì đã không tiếp tục dân chủ hóa theo đúng nhịp độ cần thiết. Nhưng chính quyền Việt Nam, mà mức độ dân chủ còn ở sát số không, đã dựa vào một số lập luận từ chối đầy mạnh hơn dân chủ của họ để bác bỏ luôn dân chủ. Sự sụp đổ của "mô hình Châu Á" là cuộc thảm bại ý thức hệ thứ hai của đảng cộng sản sau sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Sau đó là tổng kết một năm suy thoái.

Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản sẽ không thuyết phục được ai nếu tuyên bố, như họ sẽ tuyên bố, là kết quả năm 1997 vẫn tương đối khả quan mặc dầu tình hình phức tạp. Họ cũng có thể đưa ra, và chắc sẽ đưa ra, con số tăng trưởng 9%, nhưng sẽ chỉ làm cho những số liệu chính thức sau một thời gian tương đối có phần nào tin được trở lại bản chất trước đây, nghĩa là dối trá. Việt Nam ngày hôm nay, trước hết là Sài Gòn và Hà Nội, hoàn toàn không có bộ mặt của một quốc gia đang tăng trưởng. Đầu tư sút giảm trầm trọng, các ngân hàng trong tình trạng bảo động, các khách sạn vắng tanh; nhà đất xuống giá; hàng tồn kho ứ đọng, các công ty, nhất là các công ty quốc doanh, ngày càng lỗ thêm. Nếu một số công trình xây dựng đã khởi sự từ trước vẫn tiếp tục tiến hành thì đó là do quán tính hơn là do chủ động. Không nhìn nhận tình trạng suy thoái chỉ là trì hoãn nhìn nhận một sự thực đáng nào cũng sẽ phải thú nhận. Càng trì hoãn bao nhiêu kết cuộc sẽ càng bi thảm bấy nhiêu.

Và cũng không thể trì hoãn lâu được nữa. Những cuộc nổi dậy, tuy còn giới hạn trong tầm vóc và mục tiêu, tại Thái Bình và Đồng Nai và sắp tới tại nhiều nơi khác nữa báo hiệu một trận động đất chính trị sắp xảy ra.

Giữa lúc đó, giữa lúc phải đương đầu với những đe dọa ở mức độ chưa từng gặp về cả tầm vóc lẫn cường độ thì nội bộ đảng cộng sản lại phân hóa. Đảng cộng sản không có những nhân vật ngang tầm với đòi hỏi và cũng không thể đồng thuận trên những cấp lãnh đạo khá nhất. Trần Đức Lương, Phan Văn Khải đều không phải là những con người của tình thế, và họ cũng không được đưa lên do một đồng thuận mà trái lại vì đảng không có đồng thuận. Bây giờ đảng lại phải giải quyết việc thay thế các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt đã bị tuổi tác đào thải. Việc chọn lựa Lê Khả Phiêu vào chức vụ tổng bí thư và bổ nhiệm bốn nhân vật nổi tiếng bảo thủ khác vào bổ sung bộ chính trị không thỏa mãn được nội bộ đảng và lại càng không thỏa mãn giới kinh doanh và các nhà đầu tư vào giữa lúc mà các áp lực kinh tế đang gia tăng mạnh hơn bao giờ hết. Lần này khuynh hướng bảo thủ cứng rắn đã dốc toàn lực, họ sẽ không cưỡng lại được thực tại, thất bại không tránh khỏi của họ cũng sẽ là thất bại của khuynh hướng chống dân chủ.

Sau hơn hai mươi năm dò dẫm và trải qua nhiều thất bại bi đát nhưng cũng thu

thập được nhiều kinh nghiệm, đảng cộng sản không thiếu những đảng viên có khả năng và thiện chí nhưng cơ chế tập trung nặng nề của nó đã khiến những thành phần cỏi mỡ không trôi nổi được. Họ phải đợi sự thất bại hoàn toàn của các thành phần bảo thủ. Đó là điều sắp xảy ra, nhưng có thể kéo theo luôn sự sụp đổ của cả đảng cộng sản và sự đào thải của cả những con người đã chỉ có lỗi là không áp đặt được kịp thời đổi mới về dân chủ.

Những chọn lựa đúng không khó tìm ra. Dân chủ hóa sinh hoạt nội bộ đảng, khuyến khích những cạnh tranh nội bộ để phát hiện những tài năng mới. Dân chủ hóa sinh hoạt chính trị quốc gia để tham nhũng được tố giác và bài trừ, để các vấn đề được đặt ra một cách đúng đắn và tìm được những giải pháp đúng đắn, đồng thời cùng để mọi người có chỗ đứng và tiếng nói, và do đó tham gia tích cực vào sinh hoạt quốc gia. Giải tư mạnh bạo các xí nghiệp quốc doanh, chuyển giao cho nhà nước để giải tư các xí nghiệp của công an, quân đội; hoàn lại cho nhà nước các xí nghiệp của đảng. Bãi bỏ các giới hạn vô lý về doanh nghiệp, về ngân hàng, về báo chí và xuất bản. Tất cả những điều đó đều cần thiết có thể làm, dễ làm và có lợi cho đất nước, nhưng không được thực hiện vì động tới lòng tham của đảng cộng sản, trước hết là lòng tham quyền cố vị của những người lãnh đạo. Tất cả những điều phải làm đã không làm được chỉ vì đảng cộng sản cảm thấy quyền lực của mình *có thể*, cần nhấn mạnh là chỉ *có thể* thôi, bị đe dọa.

Đảng cộng sản Việt Nam đã rất may mắn. Họ đã nhờ một bối cảnh thế giới và Hoa Kỳ rất đặc biệt mà chiến thắng, đã nhờ sự kiệt quệ tinh thần và vật chất của nhân dân Việt Nam mà trụ được đến nay dù đã phạm vô số sai lầm nghiêm trọng. Nhưng họ đã phí phạm những may mắn đó và đang gặp sức chống đối ngày càng mạnh mẽ hơn của nhân dân Việt Nam đã dần dần hồi sức và đòi hỏi một chế độ mới. Không thích nghi với đà tiến của xã hội Việt Nam, họ đã quay lại ngăn chặn tiến hóa, tự đặt mình vào thế đối nghịch với dân tộc.

Đối với người Việt Nam, đảng cộng sản càng ngày càng hiện rõ như một trở ngại cho đất nước. Khi nhận thức đó đã chín muồi trong đầu tám mươi triệu người Việt Nam thì sẽ không còn một hậu vận nào cho đảng cộng sản ngoại trừ một sự sụp đổ thảm khốc.

Thông Luận

Lợi nhuận, con dao hai lưỡi

Trong cố gắng động nào để tìm kiếm những giá trị mới hầu đưa đất nước đi vào con đường phát triển, một giá trị được đề cao là lợi nhuận. Có người cho rằng điều kiện cần và đủ để phát triển, là phải đoạn tuyệt dứt khoát với những giá trị cổ truyền và hoàn toàn chấp nhận lợi nhuận như là một thành tố trong toàn bộ hệ thống giá trị phương Tây.

Lợi nhuận có công dụng kinh tế phải hiểu là giá trị thặng dư (plus-value). Tuy rằng ý nghĩa này đã bị Karl Marx chỉ trích và giảng giải rằng đó chỉ là sự bóc lột cần lao của chủ nhân, của tư bản. Cuộc tranh luận này đã chấm dứt và mọi người đều công nhận giá trị thặng dư là nền tảng của sản xuất, của công ăn việc làm, nói chung là của nền kinh tế thị trường.

Nhưng phải phân biệt hai loại lợi nhuận. Lợi nhuận đem lại do sản xuất hoặc lợi nhuận đem lại do các cuộc đầu cơ tài chính và chứng khoán. Loại lợi nhuận thứ nhất có tính chính đáng và đem lại hậu quả tốt cho nền kinh tế. Loại lợi nhuận thứ hai không có tính sản xuất và làm biến động hoặc khuynh đảo nền kinh tế thế giới. Khi nhà đại tài phiệt Sorros, tuy theo đúng các luật chơi của thị trường, đã đầu cơ tại các thị trường tiền tệ và thu lời được hàng tỷ USD, thì đó là một thứ lợi nhuận phản kinh tế. Khi các công ty không dùng tiền lời để tự tài trợ, hầu tăng gia sản xuất và công ăn việc làm, lại đem đầu cơ vào các thị trường chứng khoán với lý do tiền lời kiếm được ở các thị trường chứng khoán nhanh hơn và nhiều hơn, thì đó là một thứ lợi nhuận không có tính kinh tế. Các nước tư bản tiến tiến phương Tây đã đi vào con đường tìm kiếm lợi nhuận theo phương cách này và đã là nạn nhân của các cuộc khủng hoảng thị trường chứng khoán và tiền tệ.

Những khủng hoảng tại các nước châu Á, nhất là những khủng hoảng trầm trọng gần đây xảy ra tại hai nước giàu có, phát triển, Đại Hàn và Nhật Bản, là sự nối dài của những khủng hoảng nói trên của các nước phương Tây.

Tại Đại Hàn, cuộc khủng hoảng có những lý do tương tự như tại Nhật Bản. Các đại công ty (Chaebol tại Đại Hàn và Keiretsu tại Nhật Bản) là những tổ chức kỹ nghệ vĩ đại, được tài trợ bởi các ngân hàng, không qua các đường dây bình

thường của thị trường tài chính. Chính sách tài trợ này được thể hiện qua các tín dụng với lãi suất thấp, do chính phủ khuyến khích hoặc bảo đảm. Do đó, muốn kiếm lợi nhuận nhanh chóng, các Chaebol và Keiretsu đã mắc nợ tối đa.

Đường lối này có động cơ cốt lõi là tham vọng đạt đến một cách nhanh chóng trình độ phát triển cao của các nước kinh tế giàu mạnh phương Tây.

Thật vậy, cách đây 40 năm, Đông Á (kể cả Nhật Bản) chỉ đạt được 4% tổng sản lượng quốc gia thô (PNB, GNP) của toàn thế giới, trong khi đó, Bắc Mỹ đứng đầu với 40%. Vào giữa thập niên 90, hai miền này đứng ngang hàng với 25%. Trong khi đó nhịp độ phát triển của Đông Á đạt những vận tốc đáng kể. Các kinh tế gia cho rằng nước Anh và Hoa Kỳ cần 50 năm để tăng gấp đôi sức sản xuất của một người dân; trong khi đó Đại Hàn cùng như Trung Quốc chỉ cần 10 năm để đạt những kết quả tương tự. Nếu không có những biến cố quan trọng làm ngưng trệ cuộc phát triển kinh tế, tổng sản lượng quốc gia thô của Đông Á có thể qua mặt Bắc Mỹ và châu Âu trong khoảng 25 năm nữa.

Nhưng biến cố quan trọng đã xảy ra.

Nhân cuộc phi pháp qui hóa (dérèglementation, dérégulation) thị trường chứng khoán xảy ra vào năm 1986 tại Luân Đôn, được giới nhà nghề gọi là Big Bang, các đại công ty Nhật Bản (Keiretsu) đã đòi những cải tổ của thị trường chứng khoán để có thể tăng lợi bằng cách đem tiền lời và các tài khoản dự bị mà các nhà tài chính học gọi bằng chữ cái M, từ M1 đến M4, vào các cuộc đầu cơ tại thị trường này. Chính sách tiền lãi thấp cộng với tình hình kinh tế đang lên đã giúp cái bong bóng đầu cơ chứng khoán càng ngày càng lớn. Đồng thời, các đại công ty này lại đầu cơ vào địa ốc, và nhất là vào các sân golf. Nhưng vào năm 1989, khi Ngân Hàng Nhật Bản thay đổi chính sách lãi suất, thị trường chứng khoán Tokyo đã bị khủng hoảng nặng. Từ năm 1994, các cổ phần bắt đầu mất giá, nhất là các cổ phần thuộc khu vực tài chính. Hai cái bong bóng khổng lồ là chứng khoán và địa ốc bị xì, đã bắt đầu một cuộc suy thoái kinh tế.

Vì chạy theo lợi nhuận một cách quá

tham lam, các ngân hàng cho vay quá nhiều so với số trữ kim (provision) bắt buộc phải có. Khi kinh tế suy thoái, những món nợ ộp (créances douteuses) của các ngân hàng Nhật Bản được phóng tính vào khoảng hàng ngàn tỷ USD đã làm cho các ngân hàng bị suy yếu. Từ ba năm nay, hàng chục ngân hàng đã phá sản.

Hậu quả của cuộc khủng hoảng này đối với Nhật Bản chỉ có một ảnh hưởng giới hạn là tỷ số tăng trưởng kinh tế sẽ bị giảm xuống. Với khả năng ngân quỹ và dự trữ ngoại tệ sung túc, kinh tế Nhật Bản có đủ sức chịu đựng được cuộc khủng hoảng này. Trong khi đó, tình hình tại Đại Hàn khác hẳn và nguy ngập hơn. Đại Hàn đang nợ như chúa chổm, và với sự phá giá của đồng tiền Won, những món nợ này tính bằng USD càng gia tăng. Vào cuối tháng 12-1997, món nợ phải trả là 15 tỷ USD, trong khi đó dự trữ của Ngân Hàng Trung ương chỉ còn 5 tỷ, Ngân Hàng Thế Giới giúp 3 tỷ. Còn thiếu 7 tỷ. Thống Đốc Ngân Hàng Đại Hàn phải thân hành qua Tokyo để vay thêm tiền. Món nợ quốc tế của Đại Hàn được ước lượng vào khoảng 200 tỷ USD, trong khi đó, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế chỉ giúp 57 tỷ. Ngoài ra, sự thắng cử tổng thống của Kim Đại Trung lại làm cho giới kinh doanh, tài phiệt không lấy gì tin tưởng vì tân tổng thống chủ trương thân thiện với Bắc Triều Tiên, một nước đang khấn tận về kinh tế.

Tham vọng phát triển đất nước nhanh chóng rất chính đáng. Dùng các biện pháp tài chính du di để tăng vận tốc phát triển là một chính sách hợp lý, không dính dáng gì đến việc chế độ chính trị của nước này là độc tài hay dân chủ. Nước Nhật Bản không thể nào bị kết án một cách khiên cưỡng là thiếu dân chủ. Vấn đề được đặt ra là các nước này đã hoàn toàn chạy theo các giá trị phương Tây, đặc biệt là lợi nhuận, một cách mù quáng. Và cũng như một người học trò năng nổ, đầy nhiệt huyết, nhưng thiếu kinh nghiệm hoặc quá hăng say, các nước này đã không có một thái độ thận trọng cần thiết khi tiếp thu và thực hành các giá trị mới. Cuộc khủng hoảng tiền tệ và thị trường chứng khoán tại châu Á là cái giá phải trả của sự thiếu thận trọng đó.

Huỳnh Hùng

Mô hình phát triển Đại Hàn bị phá sản

Nguyễn Phi Phụng

Lần đầu tiên trong lịch sử Nam Hàn sau đệ nhị thế chiến, một nhân vật đối lập lên cầm quyền sau một cuộc tuyển cử hoàn toàn tự do dân chủ. Nhân vật này khá hi hữu ở Á Châu và trên chính trường thế giới. Đó là ông Kim Đại Trung (Kim Dae Jung), người đã đấu tranh cho tự do dân chủ hơn ba thập niên. Ông có lẽ là người nhân nại nhất trên thế giới với bốn lần ra tranh cử tổng thống. Ông cũng là người không giữ oán thù, một đức tính khá hiếm ở Á Châu. Ông đã liên minh với một đảng cánh hữu của cựu cục trưởng cơ quan tình báo Kim Chung Tiết (Kim Jong Pil), cánh tay mặt trước đây của cựu tổng thống Phác Chánh Hy (Park Chung Hee). Chính vị tổng thống này đã có ý định thủ tiêu ông trên biên cả nếu không có sự can thiệp của cơ quan tình báo (CIA) Mỹ. Một trong những việc làm đầu tiên của ông là cho phép ân xá hai cựu tổng thống, dịch thủ đã từng làm ông nhiều lần vào tù ra khám, và một số tù nhân chính trị.

Ông sắp lên nắm chính quyền vào lúc Đại Hàn đang lâm nguy vì cơn bão tố tiền tệ đang hoành hành ở một số nước Á Châu. Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) bắt buộc phải chi ra 57 tỷ USD để cứu vãn sự sụp đổ của xứ ông.

Đây là hậu quả của sự cấu kết "loạn luân" đã trở thành hệ thống trong nhiều thập niên giữa các chính trị gia, ngân hàng và các đại công ty (chaebol) như một tờ báo Âu tây đã nói. Sự phá sản mô hình phát triển Á Châu theo đó phát triển kinh tế không nhất thiết phải đi đôi với tự do dân chủ làm cho chúng ta càng tin tưởng hơn là không có con đường nào khác hơn là con đường tự do dân chủ.

Vài dòng lịch sử

Cũng như các nước thuộc nền văn minh Trung Hoa, Triều Tiên cũng như Việt Nam, trong thời kỳ phong kiến là một trong những chư hầu của các triều đại Trung Hoa. Triều Tiên lại còn bị ách đô hộ của Nhật Bản trong thời gian ngắn từ 1910 đến 1945. Người dân Triều Tiên bị Nhật Bản đàn áp khắc nghiệt và họ không ngừng đứng lên chống đối. Ngày 1-3-1919, nhân dân Triều Tiên đứng lên hưởng ứng lời kêu gọi của tổng thống Wilson theo đó các dân tộc đều có quyền tự quyết.

Một chính phủ lưu vong được thành lập ở Thượng Hải dưới sự lãnh đạo của ông Lý Thừa Vãn (Syng Man Rhee).

Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, người dân Triều Tiên tưởng lấy lại chủ quyền nhưng họ hoàn toàn thất vọng. Hai cường quốc Mỹ và Liên Xô đã thỏa thuận trên lưng họ ở hội nghị Yalta để phân chia vùng ảnh hưởng. Quân đội hồng quân Liên Xô có nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến thứ 38 trở lên; quân đội Mỹ đảm trách công việc này từ vĩ tuyến 38 trở xuống. Sự kiện này đã làm ảnh hưởng đến sự chia cắt hai miền sau này.

Ngoài ra ở hội nghị Mạc Tư Khoa vào tháng 12-1945, ba ngoại trưởng Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh lại quyết định đặt Triều Tiên dưới sự giám hộ của họ trong năm năm. Người dân Triều Tiên và các đảng phái chính trị trừ đảng cộng sản đều cương quyết chống lại sự áp đặt này. Trước sự phản ứng bất ngờ này, Hoa Kỳ đưa vấn đề thống nhất Triều Tiên ra trước hội đồng Liên Hiệp Quốc vào tháng 9-1947. Liên Hiệp Quốc cho thông qua một nghị quyết theo đó một cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trên toàn xứ để lập ra một quốc hội lập hiến và một chính phủ duy nhất cho hai miền. Nghị quyết của Liên Hiệp Quốc trở thành vô bổ vì ở phía bắc, Hồng Quân Liên Xô với 125.000 quân đã mang theo một đoàn quân "giải phóng" của Kim Nhật Thành (Kim Il Sung) do họ huấn luyện và nuôi dưỡng ở Mãn Châu và Tây Bá Lợi Á. Trong thời gian hai năm từ 1945 đến 1947, Kim Nhật Thành đã biến miền Bắc thành một quốc gia dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao Động mà ông là tổng bí thư. Vì lẽ đó, Bắc Hàn từ chối cuộc tổng tuyển cử được diễn ra trên phần đất họ kiểm soát. Cuộc tổng tuyển cử chỉ được tổ chức ở miền Nam vào tháng 5-1948.

Cộng Hòa Đại Hàn Dân Quốc chính thức ra đời vào ngày 15-8-1948 dưới sự lãnh đạo của Lý Thừa Vãn. Vài tuần sau đó, Bắc Hàn cũng cho thành lập Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên do Kim Nhật Thành lãnh đạo. Nước Triều Tiên trên thực tế bị chia đôi. Chính phủ Lý Thừa Vãn hăm dọa sẽ dùng vũ lực để "giải phóng" miền Bắc. Nhưng sự hăm dọa của ông không có cơ sở, lại làm cho Bắc Triều Tiên có cớ để xâm phạm Nam Hàn sau đó.

Quân lực của Nam Hàn lúc đó còn yếu kém so với quân lực của Bắc Triều Tiên. Nam Hàn chỉ có 60.000 quân và vài phi cơ chiến đấu so với 100.000 quân, 200 phi cơ và 240 xe tăng của Liên Xô để lại cho Bắc Hàn sau khi rút quân vào năm 1949.

Thêm vào đó, ngoại trưởng Mỹ Dean Acheson đã phạm sai lầm khi ông ta tuyên bố đầu tháng giêng 1950 là "vòng đai phòng thủ" của Hoa Kỳ ở Á châu chỉ có Nhật và Phi Luật Tân. Lời tuyên bố này đã được Stalin và Kim Nhật Thành chú ý. Theo tư liệu KGB đã để lại và được tổng thống Nga Boris Yelsin giao cho tổng thống Nam Hàn Kim Vịnh Tam (Kim Young Sam) vào năm 1994 trong chuyến viếng thăm chính thức, Kim Nhật Thành đã thông báo cho Stalin ý định chiếm Nam Hàn trong chuyến công du vào cuối năm 1949. Stalin không tin tưởng họ Kim sẽ thắng, chỉ khuyên tăng cường quân lực. Hơn một năm sau, vào tháng 4-1950, Kim Nhật Thành bí mật trở lại Mạc Tư Khoa thông báo cho Stalin biết là tình hình miền Nam đã "chín muồi". Stalin đồng ý trên nguyên tắc nhưng cho quyết định tùy thuộc ý kiến của Mao Trạch Đông. Kim Nhật Thành không đợi lâu lắm vì chỉ một tháng sau (ngày 15-5-1950), Mao trả lời sẽ can thiệp trong trường hợp Mỹ giúp Nam Hàn. Ngày 25-6-1950, quân đội Kim Nhật Thành vượt sang vĩ tuyến thứ 38. Chỉ trong hai ngày, Hán Thành (Seoul) bị quân Bắc Hàn chiếm. Một tháng sau, ba phần tư đất đai Nam Hàn bị quân Bắc Hàn chiếm đóng. Dư luận thế giới rất xôn xao trước sự sụp đổ sắp đến của Nam Hàn. Nhưng Stalin phạm hai sai lầm lớn. Ở Liên Hiệp Quốc, người đại diện Liên Xô đã tẩy chay các cuộc thảo luận từ tháng 2-1950 viện cớ là ghế thường trực xứ Trung Hoa vẫn bị Đài Loan chiếm giữ. Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cho thông qua hai quyết nghị được 53 xứ trên 59 chấp thuận (Liên Xô không làm phủ quyết vì vắng mặt). Nghị quyết thứ nhất đòi Bắc Hàn phải rút quân; nghị quyết thứ hai là gửi quân đội Liên Hiệp Quốc can thiệp vào cuộc chiến. Thực tế là quân đội Mỹ dưới sự thống lãnh của tướng Mc Arthur, người hùng ở chiến trường Á Châu trong đệ nhị thế chiến. Sai lầm thứ hai của Stalin là không đo lường được phản ứng của Âu Mỹ.

Quân đội Liên Hiệp Quốc đổ bộ ngày 15-9 ở hải cảng Nhân Xuyên (Inchon), chiếm lại Hán Thành ngày 26 và đuổi quân Bắc Hàn tới sông Áp Lục (Yalou) sau khi chiếm Bình Nhưỡng (Pyong Yang)

ngày 18-10. Kim Nhật Thành hốt hoảng kêu Bắc Kinh cứu trợ. Ba chục sư đoàn "chí nguyện quân" Bắc Kinh vượt sông Áp Lục (biên giới giữa Bắc Hàn và Trung Quốc) vào giữa tháng 10.

Theo tư liệu được thố lộ sau này, Chu Ân Lai đã chống lại sự can thiệp vào Bắc Hàn. Mọi quyết định đều do Mao lấy. Đầu tháng 1-1951, Hán Thành bị chiếm lại lần thứ hai mặc dù Mỹ có đề nghị đình chiến hai tuần trước đó. Chiến tranh Triều Tiên trở thành chiến tranh Trung Mỹ. Quân đội Bắc Kinh do tướng Bành Đức Hoài (Peng De Huai) thống lãnh có lúc lên đến 700-800 ngàn quân.

Vào giữa tháng 3, Hán Thành được lấy lại và quân Trung Cộng-Bắc Hàn bị đánh bật sang khỏi vĩ tuyến thứ 38. Nội bộ phía Mỹ bị lung củng vì có sự bất đồng ý kiến giữa tổng thống Truman và tướng Mc Arthur. Ông Truman đã không chấp nhận 30 000 quân Đài Loan do tướng Tưởng Giới Thạch đề nghị vào tham chiến. Điều này làm tướng Mc Arthur bất mãn. Vị tướng này bị cách chức ngày 10-4-1951 vào lúc chiến tranh còn ác liệt và được tướng Ridgway thay thế. Sự chiến tranh thế giới có thể bùng nổ, người đại diện Liên Xô ở Liên Hiệp Quốc Jacob Malik đề nghị đình chiến vào tháng 6. Hai bên thương lượng trong hai năm mới xong và lấy Bàn Môn Điếm (Panmunjom) ở vĩ tuyến thứ 38 làm giới tuyến. Sự phân chia giữa hai miền trở thành thực sự vào ngày 27-7-1953.

Tình hình chính trị Đại Hàn

Sau khi hai miền bị chia đôi chính thức, Nam Hàn trở thành "vòng đai phòng thủ" của Hoa Kỳ sau chuyến viếng thăm chính thức của ngoại trưởng Mỹ J.F. Dulles ở Hán Thành vào đầu tháng 8-53. Trong sáu năm liên tiếp từ 1954 đến 1960 Hoa Kỳ viện trợ cho chính phủ Lý Thừa Vãn 2,1 tỷ USD về kinh tế và 1,2 tỷ về quân sự. Ngoài ra, 50 000 quân Mỹ chiếm đóng thường trực ở Nam Hàn. Viện có có sự hăm dọa của Bắc Hàn, chính phủ Lý Thừa Vãn dần dần trở thành độc tài và tham nhũng. Đảng của ông, mặc dù bị thiểu số ở quốc hội, đã dùng mưu chước mua chuộc dân biểu để ông được ra ứng cử tổng thống lần thứ ba (1956). Vào cuối năm 1958, ông cho cảnh sát bắt hết các đại biểu đối lập ở quốc hội. Vào tháng 4-1960, nhân dịp có tuyển cử tổng thống, sinh viên học sinh và dân chúng xuống đường chống lại chế độ Lý Thừa Vãn. Ông ta bắt buộc phải từ chức và lưu vong ở Hawaii.

Nhân dân Triều Tiên lần đầu tiên, từ khi có hòa bình lập lại, hưởng không khí tự do dân chủ sau khi ông Yun Poson được bầu làm tổng thống mới. Nhưng không may mắn cho họ, thời gian này chỉ ngoài 9 tháng. Chính quyền mới không đương đầu nổi sự khó khăn về kinh tế và chính trị do chế độ của Lý Thừa Vãn để lại. Quân đội có cơ hội can thiệp vào đời sống chính trị trong 29 năm liên tục trong đó 18 năm do tướng Phác Chánh Hy (Park Chung Hee) thống trị. Ngày 16-5-1961, Phác Chánh Hy với sự trợ giúp của Kim Chung Tiết một trùm mật vụ, làm đảo chánh. Điều nghịch thường là ông Tiết trong năm 1973 đã tuân lệnh Phác Chánh Hy có ý định thủ tiêu trên biển cả tân tổng thống Kim Đại Trung. Ông ta hiện nay là chủ tịch đảng Tự Do Dân Chủ Liên Hiệp và cũng là người liên minh của Kim Đại Trung.

Việc làm đầu tiên của Phác Chánh Hy là cho tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 12-1962 để tu bổ hiến pháp cho tổng thống có nhiều quyền lực. Ông ta từ bỏ quân đội ra tranh cử tổng thống vào cuối năm 1963 và nhiều lần thắng cử cho đến năm 1979 trước khi bị một cục trưởng cơ quan tình báo ám sát. Chế độ của Phác Chánh Hy là chế độ độc đoán dưới bình phong dân chủ. Vào cuối năm 1972, ông cho giải tán quốc hội và tuyên bố thiết quân luật. Ông tuyên bố có ý định ban bố một hiến pháp mới trong đó nhiệm kỳ tổng thống được đưa lên năm năm và không có hạn định. Một phần ba dân biểu quốc hội sẽ do tổng thống bổ nhiệm.

Về phương diện ngoại giao, chế độ lấy chủ thuyết chống cộng làm nền tảng. Đại Hàn là nước Á châu duy nhất cho gởi quân đội vào Việt Nam tham chiến trong những năm 1962-1964. Kết quả là tất cả những người chống đối đều bị gán là thân cộng và bị bỏ tù. Ông Kim Đại Trung là người ở trong tình trạng này và bị chế độ Phác Chánh Hy đàn áp nhiều nhất.

Ra ứng cử tổng thống lần đầu tiên trong năm 1971, Kim Đại Trung, trước sự ngạc nhiên của mọi người chiếm 46% thăm chỉ thua Phác Chánh Hy độ một triệu phiếu. Tháng 8-1973, ông thoát chết sau khi bị cơ quan mật vụ của chính quyền bắt cóc ở Nhật Bản, nhưng sau đó lại bị 8 năm tù ở. Được thả ra trong năm 1979, ông bị bắt lại trong tháng 5-1980 với lý do "xúi giục" dân chúng nổi loạn tại quê hương nơi ông sinh trưởng, tỉnh Quang Châu (Kwang Ju). Trong cuộc nổi loạn

này có ít nhất 400 người bị tử thương và hơn 1000 người bị thương. Vì vụ này, ông bị kết án tử hình nhưng nhờ dư luận quốc tế can thiệp, bản án được giảm xuống 20 năm trước khi bị trục xuất sang Mỹ năm 1982. Nhưng điều ngược đời là chính trong thời gian cầm quyền của Phác Chánh Hy và các chính quyền quân nhân kế tiếp, kinh tế Nam Hàn phát triển mạnh, đời sống dân chúng được nâng cao. Phác Chánh Hy đã đặt nền tảng phát triển kinh tế Đại Hàn, có lúc được thế giới xem là "gương mẫu" của mô hình phát triển Á Châu mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong phần sau.

Trở lại tình hình chính trị Nam Hàn, sau khi Phác Chánh Hy bị ám sát tháng 10-1979, một chính quyền dân sự được thành lập vào cuối năm. Cũng như năm 1960, chính quyền dân sự không có đương đầu nổi với những khó khăn chính trị nên đến tháng 8-1980 thì bị hai tướng Toàn Đẩu Hoán (Chun Doo Hwan) và Lô Thái Ngu (Roh Tae Woo) đảo chánh. Tướng Toàn Đẩu Hoán đã được thế giới "chú ý" qua sự đàn áp dã man ở tỉnh Quang Châu vào tháng 5 trước đó. Trong 7 năm cầm quyền (1980-1987), vị tướng này không bao giờ được dân chúng ủng hộ. Nhiều vụ tai tiếng tài chính đã nổ ra song song với các cuộc biểu tình bạo động chống đối của dân chúng và sinh viên. Ông ta bị ám sát hụt nhân cuộc thăm viếng chính quyền quân phiệt Miến Điện ở Rangoon năm 1983. Một số bộ trưởng trong đoàn, trái lại, đã bị tử thương.

Vào cuối năm 1987, ông bắt buộc phải nhường chỗ cho Lô Thái Ngu ra tranh cử. Ông Lô thắng cử với 36,3% phiếu so với hai ứng cử viên đối lập Kim Vịnh Tam (28%) và Kim Đại Trung (27%). Phe đối lập thất bại vì đã không biết thỏa hiệp để có một ứng cử viên duy nhất. Tình trạng này cũng tương tự như cuộc tuyển cử vừa qua nhưng đối ngược lại. Theo hiến pháp Nam Hàn, tổng thống đương nhiệm Kim Vịnh Tam không được ra tranh cử. Ứng cử viên của đảng Tân Hàn Quốc, đảng của chính phủ là ông Lý Hội Xương (Lee Hoi Chang), ứng cử viên ly khai là ông Lý Nhân Tế (Rhee In Je). Nhờ đó mà ông Kim Đại Trung về đầu với 40,3% phiếu. Hai ứng cử viên kia được 38,7% và 19,2% phiếu. Sự sai biệt số thăm giữa hai người về đầu không đến 400.000 phiếu.

Trong bốn năm cầm quyền, chế độ của ông Lô Thái Ngu tương đối cởi mở hơn các chế độ trước mặc dù đã ếm nhem vụ thăm sát tại Quang Châu và các vụ tại

tiếng tài chánh. Nổi bật nhất là trên chính trường quốc tế, Liên Xô và Trung Quốc lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1990 và 1992. Lãnh tụ tối cao của hai nước này đã chính thức viếng thăm Hàn Thành (Seoul). Đại Hàn còn được chọn tổ chức Thế Vận Hội vào mùa hè năm 1988. Cuối năm 1992, một nhân vật dân sự được bầu làm tổng thống. Nhân vật này không ai khác hơn là ông Kim Vịnh Tam và đối thủ tranh cử là ông Kim Đại Trung. Hai người này cách 20 năm trước đó cùng phe đối lập chống chính quyền quân phiệt. Nhưng ông Tam đã trở mặt cho đảng của ông sáp nhập đảng chính quyền trong năm 1990. Thời gian cầm quyền của ông Tam cũng chỉ được đánh dấu bởi những tai tiếng về tham nhũng, sự phá sản của một số đại công ty và cuối cùng tình trạng nguy cơ của Đại Hàn hiện nay. Chúng ta hãy tìm hiểu tại sao mô hình phát triển của Đại Hàn đang ở trong tình trạng nguy ngập hiện nay.

Mô hình phát triển của Đại Hàn

Trong nhiều thập niên gần đây, Đại Hàn và Đài Loan được xem là mô hình phát triển "gương mẫu" của Á Châu. Đó là mô hình giữa kinh tế thị trường và tư bản nhà nước hay đúng hơn là kinh tế thị trường do một nhóm quân phiệt cấu kết với thương gia chỉ đạo. Đài Loan đã khôn khéo chuyển hướng sang tự do dân chủ ngay sau khi Tưởng Giới Thạch từ trần năm 1975. Đại Hàn đã chậm trễ hơn trong việc chuyển hướng nên không tránh được cuộc khủng hoảng tiền tệ hiện nay. Trong ba mươi lăm năm, Đại Hàn đã phát triển theo tốc độ lũy tiến. Năm 1953, thu nhập đầu người của Đại Hàn chỉ có 86 USD, đã tăng đến 329 năm 1960, 846 năm 1977, 5000 năm 1989 và 10.000 năm 1996 (30 lần so với năm 1960). Tổng sản lượng quốc nội từ 1961 đến 1995 đã tăng 154 lần (từ 2,8 tỷ USD đến 432 tỷ). Giá trị xuất nhập khẩu từ 70 triệu USD năm 1966 lên đến 21 tỷ năm 1976, 118 tỷ năm 1989, 158 tỷ năm 1992 và 260 tỷ năm 1995 (3700 lần!).

Những số tăng trưởng này đều được các xứ đang phát triển mơ ước.

Từ một xứ nghèo khó, Nam Hàn trở thành một xứ đứng vào hàng thứ 11 trên thế giới về sức mạnh kinh tế và đồng thời là thành viên của Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OCDE) vào năm 1996. Mô hình này có hai điều nghịch lý. Một mặt, chiến lược phát triển kết hợp với sự thăng tiến xuất khẩu và chế độ thuế quan bảo hộ

chặt chẽ, mặt khác nhà nước quản lý thị trường. Hoa Kỳ trong nhiều thập niên đã dung túng tình trạng này vì các chính quyền nối tiếp trung thành với họ trong bối cảnh chiến tranh lạnh. Cũng như các nước Âu Tây, Đại Hàn cũng bị "sốc" đầu hỏa trong giữa thập niên 70. Nhưng sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, kinh tế Âu Mỹ bị trì trệ, Đại Hàn bắt buộc phải mở cửa đón nhận hàng hóa nước ngoài kể cả hàng hóa của các xứ Á Châu đang lên.

Đặc tính thứ hai của mô hình Đại Hàn là kiểu mẫu quản lý do nhà nước quy đặt. Nhà nước cho lập những đại công ty dưới sự giám sát của chính quyền. Các đại công ty này dần dần thoát khỏi ảnh hưởng của chính quyền nhưng lại không tuân theo những quy luật của thị trường. Chính những lạm dụng của các đại công ty này đã làm Đại Hàn đang lâm vào cảnh khó khăn hiện nay. Tưởng cũng nên nhắc lại, Đại Hàn sau chiến tranh Triều Tiên là một trong những nước được Mỹ viện trợ nhiều nhất. Một số thương gia thân chính quyền trở nên giàu có nhờ buôn bán bột, vải và đường, ba nguyên liệu hiếm vào thời kỳ đó. Phác Chánh Hy có lúc tố cáo chế độ tham nhũng của Lý Thừa Vãn nhưng thay vì đưa những người tham nhũng ra trước tòa án, ông ta lại liên minh với họ để lập ra những đồ án theo ý muốn của mình. Đây là bước đầu của sự thành lập các đại công ty. Các ngân hàng do nhà nước kiểm soát được chỉ thị phải phục vụ chính sách phát triển của đại công ty trên mọi lãnh vực.

Sang năm 1972, nhà nước khuyến khích doanh nhân đầu tư vào công nghiệp nặng mặc dù thị trường nội địa chưa đáp ứng nhu cầu. Sự đầu tư quá mức đưa đến khủng hoảng. Chính quyền kế tiếp của Toàn Đẩu Hoán cho ngưng chỉ sự trợ giúp xuất khẩu và tư hữu hóa ngân hàng. Các đại công ty mất chỗ nương tựa. Ngược lại, nhà nước cho phép các đại công ty vay mượn ở các ngân hàng trên thế giới.

Nợ nước ngoài chính thức lên đến 44 tỷ USD từ năm 1986 trong khi tổng sản lượng quốc nội chỉ có 95 tỷ. Nhưng vẫn chúng nào tạt nẩy, các chủ hãng đại công ty quay sang mua chuộc các người có quyền lực ở chính quyền và ngân hàng. Họ vẫn được ngân hàng cho vay vô hạn định. Trung bình, nợ của các đại công ty lên đến ba hoặc bốn lần tích sản (actif). Chẳng hạn đại công ty Halla chuyên về hóa học vừa bị phá sản trong tháng 12 vừa

qua, nợ lên đến 20 lần tiền vốn trong khi tỷ số nợ trên vốn của một xí nghiệp bình thường không được vượt quá 50%. Đầu năm 1997, sự phá sản của đại công ty gang thép Hàn Bảo (Han Bo) không những gây ra một vụ tai tiếng tiền tệ mà còn làm cho chính phủ Lý Thọ Thành (Lee Soo Sung) phải từ chức. Đại công ty Hàn Bảo đứng vào hàng thứ 14 của các đại công ty Nam Hàn và thứ 2 về gang thép. Nợ của Hàn Bảo lên đến 6 tỷ USD trong đó 20% do ngân hàng Korea First Bank cho vay. Người ta đã khám phá ra rằng ngân hàng này đã dùng 65% số vốn để cho đại công ty Hàn Bảo vay. Ông giám đốc ngân hàng đã được Hàn Bảo "thù lao" 470 000 USD. Ông ta không phải là người độc nhất. Kim Hiền Triết (Kim Hyun Chul) người con trai của tổng thống Kim Vịnh Tam cũng bị kết án tù ở cùng với nhiều nhân vật chính quyền trong vụ tham nhũng 46 triệu USD có liên quan đại công ty này. Lý do là ông đã dùng thế lực của cha để làm áp lực cho các ngân hàng phải trợ giúp ngoài 7 tỷ USD. Tuy vậy đại công ty Hàn Bảo cũng không tránh được sự phá sản sau đó.

Sự cấu kết giữa các giới chính trị, ngân hàng và đại công ty đã đi vào hệ thống từ hơn thập niên. Trong năm 1996 dưới áp lực của quần chúng, ông Kim Vịnh Tam bắt buộc phải đưa hai cựu tổng thống trước ông ra tòa, đó là hai tướng Toàn Đẩu Hoán và Lô Thái Ngu. Tướng Hoán bị xử tử vì đã biển thủ 29 triệu USD và vì trách nhiệm trong vụ thảm sát Quang Châu. Tướng Ngu bị xử 22,5 năm tù vì đã biển thủ tới 650 triệu USD do các đại công ty "giúp đỡ" trong bốn năm cầm quyền. Dân chúng Nam Hàn có dịp chứng kiến trực tiếp các cuộc thẩm vấn các chủ hãng có liên quan đến vụ biển thủ của ông Ngu, những đại công ty có tên như Samsung, Daewoo, Hyundai, Hanbo, Lucky Goldstar, v.v.

Dư luận quần chúng còn nghi ngờ tổng thống đương nhiệm Kim Vịnh Tam cũng có "chia chác" nhưng chưa có chứng cớ. Ông ta chỉ công nhận đã có nhận tiền cho hoạt động chính trị chứ không cho riêng cá nhân. Có lẽ vì sợ bị phanh phui cho nên ông ta đã giảm "án" ông Hoán xuống tù chung thân và ông Ngu xuống 17 năm tù. Tóm lại, mô hình phát triển kinh tế của Đại Hàn do Phác Chánh Hy sáng lập hoàn toàn bị phá sản dưới chế độ Kim Vịnh Tam. Dân chúng Nam Hàn càng thêm hốt hoảng sau khi tổng trưởng kinh tế và tài chánh Lâm Xương Liệt (Ling Chang Yuel)

thủ nhận số nợ chính thức của Nam Hàn lên đến 200 tỷ USD chứ không phải là 110 tỷ như báo cáo trước đó. Tân tổng thống vừa thắng cử Kim Đại Trung bắt buộc phải than thở: "Tôi hoàn toàn chết ngất về tin này". Người ta đang lo ngại cho tương lai của các đại công ty trong những ngày sắp tới vì không ngân hàng nào còn dám cho vay mượn. Thiếu vốn đầu tư, các đại công ty không thể phát triển xuất khẩu. Hàng hóa sẽ chuyển sang bán ở thị trường nội địa trong lúc dân chúng Đại Hàn đang gặp khó khăn và nhiều người sắp bị thất nghiệp. Cũng không nên quên là 30 đại công ty Đại Hàn lớn nhất hiện nay kiểm soát 75 % nền kinh tế. Người ta dự đoán một cách bi quan rằng nạn thất nghiệp sẽ tăng lên gấp ba so với con số 3,6% dân số thất nghiệp hiện nay.

Sau nhiều thập niên đấu tranh cho tự do dân chủ, tân tổng thống Kim Đại Trung sắp lên cầm quyền vào lúc Nam Hàn đang có nguy cơ phá sản. Điều mỉa mai là ông phải liên minh với Kim Chung Tiết, một cựu cánh tay mặt của Phác Chánh Hy, người đã sáng lập mô hình phát triển đang bị phá sản. Ông thừa hưởng một xứ đang buông trôi và một xã hội khủng hoảng lo âu cho nạn thất nghiệp trầm trọng sắp tới. Một xã hội trong đó 50% dân số dưới 30 tuổi không có khả năng chịu đựng gian khổ như các thế hệ trước. Họ đã từng quen sống trong tiện nghi của phồn thịnh với thể tín dụng, điện thoại di động và sản phẩm nhập khẩu. Người dân Nam Hàn lại bị chạm đến lòng tự hào quốc gia vì nước của họ bắt buộc phải ngửa tay xin xỏ Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế cho vay 57 tỷ USD như một nước nhược tiểu. Họ lại càng căm hờn thái độ ngạo nghễ của người Mỹ và Nhật đã làm áp lực để Quỹ Tiền Tệ bắt buộc họ phải phục tùng quy lụy. Tình cảm dân tộc của họ sẽ có dịp biểu lộ mà hậu quả còn khó đo lường. Nhưng Nam Hàn cũng có những phương tiện dẫn đến thành công. Tiền tiết kiệm của dân chúng khá dồi dào với 30% tổng sản lượng quốc nội. Thế hệ mới đã được đào tạo lành nghề. Nam Hàn còn có nền tảng vững chắc về điện tử, xe hơi, công nghiệp nặng.

Liệu "sư tử già" với thành tích đấu tranh cho tự do dân chủ Kim Đại Trung có khả năng lèo lái con thuyền đang bị sóng gió hiện nay không?

Nguyễn Phi Phụng

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ và BẤT ỔN TẠI Á CHÂU

Trần Bình Nam

Hôm 3-12-97 chính phủ Nam Hàn thỏa thuận vay Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund - IMF) và các cơ sở tài chánh và quốc gia khác một ngân khoản 55 tỉ mỹ kim để cứu vãn hệ thống tài chánh và ngân hàng đang bị rối loạn. Ngân khoản giải tỏa gồm 35 tỉ mỹ kim trong đó IMF dẫn đầu với 21 tỉ, Ngân hàng Thế giới (World Bank) 10 tỉ, Ngân hàng Phát triển Á Châu (Asian Development Bank - ADB) 4 tỉ. Hai mươi tỉ mỹ kim còn lại sẽ giải tỏa nếu cần, gồm của Nhật Bản 10 tỉ, Hoa Kỳ 5 tỉ, Úc, Anh, Canada, Pháp, Đức 5 tỉ. Số tiền cho vay sẽ được dùng để Nam Hàn trả nợ đáo hạn. Cuối năm nay Nam Hàn phải trả 20 tỉ, năm 1998 trả 60 tỉ trong khi quỹ dự trữ ngoại tệ của Nam Hàn ráo cạn vì các đại công ty trong nước không thể trả nợ đáo hạn kỳ cho quỹ.

Điều kiện cứu vãn kinh tế Nam Hàn của quốc tế là Nam Hàn phải tiến hành một chương trình cải tổ kinh tế gồm cắt giảm chi tiêu trong lĩnh vực công, mở cửa cho hàng hóa và đầu tư nước ngoài và quan trọng hơn cả là giảm sự phát triển các chaebol (đại công ty kiểu Nam Hàn). Chính phủ Nam Hàn quan tâm nhất là nạn thất nghiệp khi giảm chi tiêu trong lĩnh vực công. Trong suốt mấy chục năm phát triển kinh tế tại Nam Hàn công ăn việc làm được bảo đảm, một khi kiếm được việc người thợ ít khi mất việc. Người ta không biết sau cuộc bầu cử tổng thống tháng 12-1997, nếu có bất ổn vì nạn thất nghiệp tân tổng thống Nam Hàn có giữ cam kết tiếp tục chương trình cải tổ kinh tế tài chánh với IMF không mặc dù các ứng cử viên tổng thống đều hứa sẽ làm. (Đương kim tổng thống Kim Young Sam, người ký thỏa thuận với IMF, theo hiến pháp không tái ứng cử).

Biến cố tài chánh của Nam Hàn và sự ra tay giúp đỡ của quốc tế không phải là một hiện tượng đơn độc, nhưng đáng lo nhất là Nam Hàn là một lực lượng kinh tế mạnh thứ nhì tại Á Châu (sau Nhật Bản). Ba năm trước Mexico đã được giúp 48 tỉ và mới đây Thái Lan được giúp 17 tỉ, Indonesia đang thương thuyết để được giúp 48 tỉ.

Theo nhận xét của Nicolas Kristof

viết trên tờ New York Times, các cơ sở tài chánh quốc tế và các quốc gia tiên tiến nhanh chóng nhúng tay giúp giải quyết các cuộc khủng hoảng tài chánh của các nước Á Châu vì các khủng hoảng này, ngoài khả năng tạo rối loạn kinh tế chung cho thế giới, còn có thể là nguyên nhân gây ra bất ổn định trong vùng Á Châu. Trong nhiều thập niên qua có một khế ước xã hội bất thành văn giữa dân tại các nước Á Châu và người cầm quyền. Dân làm ngơ trước tình trạng tham nhũng, bê bối gia đình, ngay cả độc tài và một hệ thống chính trị thối nát, miễn dân có điều kiện làm giàu. Tại Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình từng nói "làm giàu là điều vĩ đại nhất" và đã giúp ổn định Trung Quốc trong hơn 20 năm qua. Tại Việt Nam ai cũng ngạc nhiên tại sao một chính quyền quá nhiều khuyết điểm như chính quyền cộng sản hiện nay mà dân không có một phản ứng nào cả.

Tình trạng rối loạn kinh tế hiện nay tại Á Châu nếu làm mất điều kiện "dân làm giàu" có thể dẫn tới khủng hoảng vì khế ước giữa dân và người cầm quyền mất tính cách ràng buộc. Dân có thể nổi loạn, ngay cả khi thế giới nhanh chân đến cứu vãn.

Các chương trình cho Thái Lan, Nam Hàn vay, và trong tương lai cho Indonesia vay của quốc tế có những điều kiện ràng buộc, và khi áp dụng sẽ làm giảm đà tăng trưởng kinh tế các nước liên hệ. Mặc dù giảm, đà tăng trưởng vẫn còn lớn hơn chỉ số tăng trưởng của các nước phát triển trên thế giới; những điều này không ngăn được phản ứng của dân chúng của các tiểu long Á Châu vốn quen với đà tăng trưởng từ 9 đến 10% trong thập niên qua.

Nhiều nước Á Châu chưa nếm mùi khủng hoảng kinh tế trong 20 năm qua, riêng Thái Lan và Indonesia gần 30 năm. Lực lượng lao động còn quá trẻ để biết thế nào là khủng hoảng kinh tế, nên bất cứ một sự khó khăn kinh tế nào dù nhỏ cũng có thể sinh bất mãn. Hà Nội biết rõ điều này hơn ai cả. Bà Linda Yang, người Mỹ, chủ tịch Ngân hàng Phát triển Á Châu nghi rằng Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các quốc gia đóng góp giải quyết khủng hoảng tài chánh tại Á Châu cần thận trọng khi đưa ra các điều kiện cứu vãn để đà tăng trưởng

không bị thắng lại một cách đột ngột.

Rối loạn kinh tế tại Á Châu trước hết có thể tạo nên xung khắc chủng tộc tại một số quốc gia như Indonesia, Singapore, Mã Lai Á và một mức độ nào đó tại Việt Nam, vì thiếu số người gốc Hoa nắm gần hết sức mạnh kinh tế trong tay.

Trong thập niên 1960 xung khắc kinh tế giữa người bản xứ và người gốc Trung Hoa đã làm tan nát Singapore, Indonesia và Mã Lai Á. Tại Indonesia, 4% dân gốc Trung Hoa nắm 60 % tài sản quốc gia đã dẫn đến cuộc thảm sát từ 250.000 đến 300.000 người gốc Hoa sau cuộc đảo chánh năm 1965 do Đảng Cộng sản Indonesia âm mưu lật đổ Sukarno bắt thành. Đa số đảng viên Đảng Cộng sản Indonesia là người gốc Hoa. Từ đó đến nay xung khắc chủng tộc tại Indonesia lắng dịu, một phần vì cảm tức đã được thỏa mãn, một phần kinh tế phát triển cho dân gốc Indonesia cơ hội làm giàu dù ông chủ tiệm Trung Hoa bên cạnh có giàu sang hơn. Nhưng từ năm ngoái khi kinh tế Indonesia có dấu hiệu khủng hoảng, không khí chống người Hoa tái sinh. Những vụ đập phá tiệm và hành hung người gốc Hoa trở nên thường xuyên.

Các nước không có vấn đề đa chủng như Nam Hàn, Việt Nam lại có những vấn đề khác. Tại Nam Hàn, người ta lo ngại khủng hoảng kinh tế sẽ gây ra biểu tình xuống đường của sinh viên và thành phần trung lưu. Chương trình cứu vãn 55 tỉ mỹ kim đi đôi với kế hoạch cho thợ thuyền nghỉ bớt việc và giảm sự bành trướng của các chaebol làm chậm đà tăng trưởng cũng có thể là nguyên nhân thợ thuyền xuống đường. Mặt khác, bất cứ khủng hoảng xã hội nào tại Nam Hàn cũng có thể được Bắc Hàn hiểu lầm làm cho sự ổn định tại đó thêm một yếu tố bất định khác.

Người đã ghi nhận các chính phủ tại Á Châu hiện nay không mạnh như trước: Ấn Độ, Nhật Bản và ngay cả Trung Quốc và Việt Nam. Khủng hoảng kinh tế đã làm chính phủ Thái Lan sụp đổ, và người ta chờ đợi nhiều chính phủ khác sẽ ra đi vì kinh tế. Một chính quyền thay đổi, nhất là khi sự thay đổi không hoàn toàn hợp hiến, là nguyên nhân của sự bất ổn khó tiên liệu.

Tại Á Châu, Nhật Bản dù đóng góp 10 tỉ mỹ kim để cứu Nam Hàn (thật ra chỉ để giúp Nam Hàn có tiền trả nợ cho mình) cũng không tránh được cơn sốt khủng hoảng kinh tế Á Châu. Chính quyền của thủ tướng Ryutaro Hashimoto vốn đã yếu nay với sự sụp đổ cuối tháng 11 của nhà môi giới Yamaichi, thị trường lớn thứ tư

của Nhật Bản và sự đóng cửa trước đó của nhà môi giới Sanyo và ngân hàng Hokkaido Takushoku làm cho chính quyền Nhật càng yếu hơn. Đối lập tại quốc hội Nhật đang áp lực thủ tướng Hashimoto từ chức.

Tuy nhiên cũng khó tiên đoán ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế tại Á Châu đối với các chính quyền hiện tại vì đối lập cũng đang bị phân hóa. Nhật Bản, quốc gia có một nền dân chủ hoàn chỉnh, và trong hơn ba thập niên sau khi bại trận (1945) dân Nhật mặc nhiên để Đảng Tự do Dân chủ (Jiminto) cầm quyền dưới chiếc dù nguyên tử của Hoa Kỳ đổi lấy sự phồn thịnh kinh tế, mặc dù dân Nhật thừa biết hệ thống chính trị của Nhật là một hệ thống chỉ đẹp bên ngoài nhưng thối nát bên trong. Từ năm 1989 kinh tế khó khăn dân Nhật bất mãn, kết quả năm 1993 chính quyền của Đảng Tự do Dân chủ ra đi sau 38 năm cầm quyền. Nhưng đối lập của đảng Tự do Dân chủ không tìm thấy một công thức nào khá hơn để giải quyết sự trì trệ kinh tế nên năm 1996 Đảng Tự do Dân chủ trở lại cầm quyền, dù trong một tư thế chính trị yếu hơn trước. Chưa bao giờ người ta thấy dân Nhật chán chường chính trị - phản ánh bởi tỉ số cử tri Nhật đi bầu thấp chưa từng thấy - như trong những năm qua.

Quốc gia báo hiệu nhiều bất ổn nhất có thể là Indonesia, dân số 200 triệu người. Tuy chưa nhận được kế hoạch cứu vãn của IMF như Thái Lan và Nam Hàn, trước sau Indonesia cũng thông qua con đường này. Dấu hiệu bất mãn đối với người thiểu số gốc Hoa bắt đầu xuất hiện. Tổng thống Suharto 76 tuổi năm tới định ra ứng cử một nhiệm kỳ bảy năm nữa và ông sẽ sắp xếp người kế nhiệm trong thời gian đó. Tuy nhiên tuổi già và xáo trộn kinh tế trước mắt chưa chắc cho phép ông xếp đặt theo ý muốn người kế nghiệp chính trị của mình.

Trung Quốc cũng là một yếu tố bất định. Mặc dù Giang Trạch Dân chúng tỏ là một lãnh tụ có khả năng, cuộc cách mạng giải tư của ông là một vấn nạn lớn. Thành công thì làm sao để thành công. Và không thành công rối loạn sẽ như thế nào. Số dân ước chừng 10 triệu người ở thôn quê về thành thị kiếm việc nếu không có việc làm phản ứng ra sao khó lường trước được cho dù hệ thống an ninh của Trung Quốc rất chặt chẽ và sau lưng công an còn có bộ đội.

Bên cạnh Trung Quốc là Việt Nam. Vụ Thái Bình tháng 5/97 và vụ giáo dân

Đồng Nai mới đây là những dấu hiệu dân Việt Nam bắt đầu bày tỏ bất mãn với khế ước "anh tự do cầm quyền, tôi tự do làm ăn" vì nền kinh tế Việt Nam càng lúc càng có dấu hiệu bệnh hoạn. Đảng cộng sản Việt Nam nhanh chóng thay thế nhân sự trong tháng 9-1997, và cũng như Trung Quốc công bố kế hoạch giải tư để đổi lấy sự yểm trợ kinh tế của các cơ sở tài chánh quốc tế như một phương thuốc tạm thời.

Nhưng hình như sóng gió trước mắt lớn hơn các nhà cầm quyền tại các nước Á Châu chờ đợi.

Trần Bình Nam

Tài liệu tham khảo :

1. New York Times, 4 Dec 97 (Package of Loans worth \$55 Billion is set for Korea)
2. New York Times, 30 Nov 97 (Buffeted Asian Economies Raise Fears of unrest)
3. The Economist, 29 Nov - 5 Dec 97 (Reality Hits Japan)

Giới thiệu báo mới

Nguyệt san Thông Luận mới có một bạn đồng hành bằng Pháp ngữ với tên gọi là *Infos-Débats*, tắt là *ID*.

ID sẽ được xuất bản hai tháng một lần. Số đầu tiên vào tháng 10-1997.

ID nhằm các độc giả Pháp thoại người Việt Nam và ngoại quốc.

ID có tham vọng là một phát ngôn viên cho những tiếng nói bị đàn áp ở Việt Nam.

ID muốn góp phần vào công cuộc vận động cho tự do, dân chủ ở Việt Nam

ID muốn trở thành một diễn đàn thật sự đa dạng về mọi vấn đề liên quan đến con người, xã hội, đất nước.

ID có một ban biên tập gồm nhiều khuynh hướng và tuổi tác khác nhau, đặc biệt nhiều người trẻ thạo tiếng Pháp hơn tiếng Việt.

ID có hình thức tổ chức nhẹ nhàng và mở rộng để mong có được sự tham gia của các bạn bè Pháp thoại người ngoại quốc cũng như người Việt.

Giá báo một năm (6 số) là 60 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hay chi phiếu xin đề "Vietnam Fraternité"

Địa chỉ liên lạc:

**c/o M. Diep Tuong Bao
124 bis rue de Flandre
75019 Paris. France**

Dùng dằng nửa đổi, nửa ò

* Bệnh nặng không thuốc * Nợ đòi tứ phía * Trọng tài và nhạc trưởng ? * Tận cùng của nghịch lý * Độc đoán hết thời *

Bước vào năm 1998, một không khí lo lắng, bất ổn, vô định bao trùm đất nước. Hai phiên họp cuối năm của quốc hội "mới", của ban chấp hành trung ương đảng đều tẻ nhạt, chẳng gây nên chú ý cho người dân trong nước và dư luận thế giới. Người họp kẻ lẻ đủ thứ bệnh xã hội: đổi mới mất đà, đầu tư giảm sút, phát triển khựng lại, nông thôn xơ xác, tham nhũng lộng hành, ngân hàng cổ lỗ, đồng tiền mất giá, giáo dục y tế xuống cấp, ngân sách thất thu... Không một biện pháp mới mẻ nào ngoài lời hô hào suông: đoàn kết, phấn đấu cho một xã hội công bằng, văn minh (!). Khẩu hiệu cười vào mũi của thực tại buống bình.

Nợ đòi tứ phía

Chính quyền mắc nợ hơn chúa chổm. Nợ nước Nga hơn 10 tỷ đô la lưu cữu, chưa biết trả bao nhiêu cho vừa, nếu tính cả lãi. Nợ treo đầy thì Vịnh Cam Ranh chưa khỏi phục hẳn chủ quyền. Moscou đưa 17 tỷ đô la, Hà Nội nói 1,6 tỷ rồi 6 tỷ đô la; hai bên lắc đầu. Câu lạc bộ Luân Đôn giảm 50% nợ thương mại cũ kỷ quá 8 năm lên đến 850 triệu đô la (tính cả lãi mẹ đẻ lãi con, nợ gốc chỉ 314 triệu đô la), nghĩa là dân ta vẫn phải ề cổ ra mà trả 425 triệu (chưa tính lãi từ nay trở đi). Cái trông nợ với WB (Ngân Hàng Thế Giới) và IMF (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) còn kinh khủng hơn, vì bắt buộc phải theo những "khuyến cáo" của họ, vì khuyến cáo nhẹ nhàng của hai ông chủ lớn có giá trị như những nghiêm lệnh. Rồi còn món "nợ" hứa hẹn với Mỹ để được hưởng danh nghĩa "tối huệ quốc" trong buôn bán, như cho công dân tự do xuất cảnh, cho công đoàn tự do hoạt động, không dùng trẻ con và người tù làm sức lao động hàng xuất khẩu. Và còn món nợ "nhân quyền", trót ừ ảm, vâng dạ với bà Albright, với ông Chirac, với Nghị Viện Châu Âu... Nặng hơn cả là món nợ mồm, hứa hão với dân diệt trừ tham nhũng, cải thiện đời sống nông dân, xây dựng xã hội có kỷ cương và luật pháp...

Đầu năm dương lịch, cuối năm âm lịch, cảnh đảng cộng sản và chính quyền bị núm áo đòi nợ đủ loại mà không có cách gì chi trả, thật khốn khổ và khôi hài. Các quan lớn vẫn cười vì túi riêng căng phồng

đô la. Dân khốn khổ, xã hội điều tàn, nhưng các ngài vẫn phát. Triết lý sống chết mặc bay đang gặp thời; chẳng ai biết xấu hổ khi chính những "đế quốc và thực dân" cũ lại đang đòi công bằng và tự do cho công dân nước mình.

Trọng tài và nhạc trưởng

Gần đây, người đứng đầu đảng tìm ra được thí dụ sống động để bênh vực cho lập trường cứng rắn độc đảng. Trả lời phóng viên quốc tế, ông Đỗ Mười đắc chí cao giọng: trận bóng đá có một trọng tài, dàn nhạc chỉ có một nhạc trưởng, một nước có một đảng là lẽ tất nhiên. Ví đất nước với sân bóng và sân khấu đã là khiến cường, người lãnh đạo giáo điều chẳng hiểu gì về cơ chế dân chủ rất phức tạp để lựa chọn người trọng tài và người nhạc trưởng. Có phải ai cũng thổi còi và cầm gậy chỉ huy được đâu. Còn lâu! Trọng tài phải được đào tạo kỹ, am hiểu luật, thính tai, sáng mắt, phản ứng nhanh chuẩn xác, có trọng tài phụ giúp đỡ, chịu giám sát của các hội đồng, của đông đảo người xem, của công luận. Không thể vừa thổi còi vừa đá bóng, hay không có luật... như sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Đảng cộng sản đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, bị nhân dân chán ngán, chỉ trích, bị dư luận chê cười, vẫn cứ ngồi ỳ một cách lỳ lợm, lại còn ngụy biện để cầm còi vĩnh viễn. Thử hỏi ở tất cả các nước trên thế giới, các đảng cầm quyền viện lý sự "Đ.M" ra để cầm quyền vĩnh viễn thì tình hình sẽ ra sao? Có họa là rờ hết cả.

Có lẽ vì sắp phải già từ chức tổng bí thư, ngài Đỗ cố sáng tạo một chân lý để đòi cho hậu thế. Thật đáng cho vào sách giáo khoa chính trị của một đảng luôn sáng tạo, luôn có cách giải quyết riêng của mình, không giống ai hết, với lời tổng kết: *ta có cách của ta*.

Cách của ta: tận cùng các nghịch lý

Chính bệnh kiêu ngạo "ta là tài giỏi nhất", bắt cần học ở ai về chính trị đang đưa đất nước đến lầm tai ương và nghịch cảnh. Những kẻ tham lam lắm mưu đen trở nên giàu sụ. Kẻ làm giàu phi pháp lại đứng ngoài luật pháp. Khi bị kết án, chúng mua "tự do" bằng vàng, bằng tiền.

Người sống ngay thật thì nghèo hèn. Quan tòa xử án không theo luật mà theo chỉ thị mật. Người có cống hiến trong đấu tranh bị bỏ mặc. Cơ quan chống ma túy thì chuyên buôn và phân phối ma túy. Cơ quan hải quan có nhiệm vụ chặn hàng lậu thì chủ mưu nhập hàng điện tử với lời ghi trong hóa đơn là bột nhựa, miễn thuế, như vụ Tân Trường Sanh vừa bị khai ra ở Vũng Tàu. Tình hình thêm loạn vì trong thời mở cửa, đảng sa sút đến độ không tiếp thu nổi những lời phê bình, góp ý của xã hội, sợ mất quyền, mất chức, mất đặc lợi, mất uy tín, liền quay trở lại trị những người trung thực. Những người ngay thật, có tâm huyết, gắn với thời đại như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Hộ, Bùi Minh Quốc... thì bị săn đuổi, bịt mồm, tống vào tù trong khi hơn chục ngàn kẻ phạm pháp đã bị kết án thì ung dung tự do... Một ký giả Pháp quen biết Việt Nam từ lâu vừa đi Hà Nội về, ngao ngán nhận xét: bên đó, với đô la, mua được đủ thứ, chức vụ, văn bằng, hộ chiếu, giấy khai sinh, giấy kết hôn, giấy nhập cảnh... Họ đổ dồn đến độ rồi sẽ có thể bán cả lăng, cả phủ chủ tịch, cả đến Đền Hùng nữa chưa biết chừng. Thật đau lòng cho đất nước. Một trí thức Hà Nội viết thư sang Paris thổ lộ: thị trường tự do theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên thực tế là chủ nghĩa tư bản kiểu Tú Bà cộng với chủ nghĩa xã hội kiểu Sở Khanh.

Dùng dằng nửa đổi, nửa ò

Công cuộc đổi mới đã hơn mười năm. Lê ra cần trân trọng những thành tựu đáng kể do toàn dân làm nên, mạnh dạn tiến bước theo hướng hòa nhập với thế giới, giải quyết các cơ sở quốc doanh yếu kém, bài trừ mạnh nạn tham quan ô lại, xây dựng nền tài chính và ngân hàng mạnh... thì họ run chân, dừng lại, ỳ ra trên một số mặt rất cơ bản. Những vụ án lớn vẫn dỏ dăng, như vụ buôn lậu ma túy, vụ Minh Phụng, vụ Tamexco, có vụ chưa dám xử như vụ Liên Hiệp Dệt Nam Định, vụ Tân Trường Sanh... Họ lườm nguýt các phóng viên phương Tây, không cho đến các vùng đất cấm: Thái Bình, Đồng Nai, Thanh Hóa, Khánh Hòa vì sợ công luận. Họ bỏ

từ nhà báo Nguyễn Hoàng Linh viện cớ phi lý: tiết lộ bí mật quốc gia. Toàn những việc trái khoáy với xu thế đổi mới và xây dựng luật pháp.

Rõ ràng nguy cơ đe dọa đổi mới nằm ở *sức ỳ* của bộ máy lãnh đạo chứ chẳng phải ở nguy cơ *diễn biến hòa bình*. Dân Thái Bình, Đồng Nai và ở nhiều vùng nông thôn nhận rõ điều ấy. Ngành ngoại giao hiểu biết ít nhiều về thế giới càng rõ điều ấy. Ngay ở trong đảng cộng sản, đông đảo đảng viên thường, ở cơ sở, thấp cổ bé miệng, hiểu biết rõ điều ấy và ngày càng đối lập với bộ máy lãnh đạo cổ hủ, ỷ ạch nhích lên theo sức ép. Chính các đảng viên thường, có lòng yêu nước, thương dân, tiếp thu nhanh những thông tin mới mẻ của thế giới đang lên tiếng phê phán ngày càng mạnh sự lãnh đạo chập chờn, không nhất quán, nửa tỉnh nửa mê hiện nay của bộ chính trị. Cũng chính một số *đảng viên thường, đảng viên trẻ* ở cơ sở gần bó với các *đảng viên cựu chiến binh*, các *đảng viên hưu trí* đã lãnh đạo những cuộc đứng dậy rầm rộ, bền bỉ, *đầy khí thế và mưu lược* của bà con nông dân ta ở nông thôn sông Hồng và một số vùng Trung bộ, Nam bộ hiện nay.

Những suy nghĩ tươi tắn đầu năm

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam đang *khựng lại* như một cỗ xe đang bon chạy bỗng yếu máy, đuối hơi. Một nguyên nhân là từ khi bắt đầu đổi mới - hồi 1986, đại hội 6 của ông Sáu - đổi mới vẫn là bám càng nước đàn anh, do thời thế bó buộc để thoát bết tắc của nghèo đói và lạc hậu. Học theo perestroika nhưng không dám học theo glasnost (tính công khai, chân thật). Điều khốn khổ là do học mót nên không có ai là *kiến trúc sư* của đổi mới ở Việt Nam cả. Chính lúc này, khi đổi mới *khựng lại*, cần có một sự *lãnh đạo mới*, sáng suốt, kiên nghị, quả đoán để vượt khó, hòa nhập mạnh mẽ với thế giới và thời đại, xây dựng hệ thống tài chính ngân hàng trong sạch và năng động, sớm giải quyết các cơ sở quốc doanh yếu kém, cổ vũ đồng bào bỏ vốn ra làm ăn sinh lợi trên cơ sở luật pháp thật nghiêm minh, trừng phạt tận gốc nạn tham nhũng, đầu tư mạnh hơn vào giáo dục, y tế để bồi dưỡng sức dân.

Những người "mới" được chọn bởi cơ cấu đã lão hóa trong guồng máy quốc gia không thể đáp ứng đòi hỏi ấy. Hai cuộc họp cuối năm của quốc hội "mới" và trung ương đảng "mới" do đại hội 8 bầu ra vẫn tỏ ra là không mấy may ngang tầm với trách nhiệm và tình thế. Sau một số cuộc

tranh giành ảnh hưởng khá gay gắt, ông Đỗ Mười không thể ở lại sang năm mới 1998 như ước muốn; ông Lê Khả Phiêu ngồi vào ghế tổng bí thư quả rộng so với tầm vóc và hiểu biết, vì ông vốn là cán bộ chính trị trong quân đội, ít am hiểu về kinh tế, văn hóa và ngoại giao, ngay uy tín trong quân đội vẫn còn là vấn đề cần vun đắp. Dư luận trong và ngoài nước đều nhận xét đưa một ông tướng lên cầm đầu đảng là trái với xu thế của châu Á và thời đại, huống gì lại là một ông tướng có tiếng về "sức ỳ bảo thủ". Dù sao ở ông tướng này tư duy không đến nỗi cần như ở các vị bảo thủ thất thập cổ lai hy, và do thế còn yếu nên có thể dễ buộc phải nhường bộ trước những sức ép từ nhiều phía của tình thế.

Năm mới 1998 đã đến. Nam Hàn vừa đưa lên vị trí tổng thống một tù nhân chính trị, từng bị kết án tử hình. Cambốt chuẩn bị cuộc bầu cử dân chủ đa nguyên có gần mười đảng tham dự với sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc. Thủ tướng Thái Lan mới nhận chức trên cơ sở Đảng Dân Chủ liên minh với sáu đảng khác. Tổng thống Clinton tiếp chiến sĩ dân chủ Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh trong Nhà Trắng. Ở mọi khu vực, sức mạnh của thời đại, của dân chủ đang thắng sức ỳ cố hữu của độc đoán. Lối thoát cho đất nước chỉ có thể là dân chủ hóa, hòa nhập với thế giới để tiến mạnh lên phía trước.

Bà con ta ở hải ngoại nên nhận định rõ tình hình trong nước, những *thuận lợi mới*, những *yếu tố mới* trong cuộc đấu tranh cho dân chủ. Độc đoán là trở ngại lớn nhất, nguồn cơn của muôn vàn trở ngại khác trên con đường phát triển của đất nước. Độc đoán là một sức ỳ ghê gớm, sức ỳ tội lỗi, nhưng nó không có sức sống.

Cộng đồng người Việt ở nước ngoài hãy tận dụng lợi thế hùng hậu của mình (lòng yêu nước, tri thức, kinh nghiệm, vốn liếng...) để có mặt nhiều hơn ở trong nước, gặp mặt, tiếp xúc cho bà con trong nước, cổ vũ bà con và những người cộng sản ngay thật, lương thiện (*phân biệt với bọn đảng viên tham quan, ô lại*), thúc đẩy dư luận các nước ủng hộ sự nghiệp dân chủ hóa đất nước; chúng ta những người Việt yêu nước và dân chủ ở trong và ngoài nước kết hợp với nhau hoàn toàn có đủ sức mạnh để lay động và đẩy lùi sức ỳ của một tập đoàn rất hạn hẹp lãnh đạo già nua cổ hủ ở trong nước, mở đường cho đất nước tiến lên.

Phương hướng rõ ràng để hành động là cơ sở của niềm lạc quan đầu năm này.

Bùi Tín

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Ông Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048 Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Bắc Mỹ
có thể liên lạc qua địa chỉ:
Thong Luan
P.O. Box 7592
Fremont, CA 945537 - 7592

Ngân hay chi phiếu xin đề tên
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam:**
Stichting Mensenrechten voor Vietnam

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào
trương mục của hội: giro nr 6234112.
Postbus 40083

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến nó

Lê Khả Phiêu thay Đỗ Mười làm tổng bí thư đảng cộng sản

V.L.N.

Theo tin từ Hà Nội thì cuối cùng tướng Lê Khả Phiêu đã được vào chức tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ông Lê Khả Phiêu năm nay 66 tuổi, ngày sinh chính thức là 27-1-1931. Ông gia nhập đảng cộng sản năm 1949 và được bầu vào Trung Ương Đảng từ 1991, khá mới so với các ủy viên Bộ Chính Trị khác (sau cả Nguyễn Tấn Dũng được vào Trung Ương Đảng từ 1986). Nhưng ông đã lên rất nhanh. Ông được chỉ định đứng đầu Tổng Cục Chính Trị của quân đội, được vào Quân Ủy Trung Ương và Bộ Chính Trị từ năm 1994. Từ sau Đại Hội VIII, ông là một trong năm ủy viên thường vụ bộ chính trị và được phong một chức vụ rất mới là thường trực Bộ Chính Trị, với chức vụ này ông thực ra là người điều khiển đảng. Việc ông sẽ thay thế ông Đỗ Mười được mọi người chờ đợi. Tuy nhiên từ hai tháng gần đây, một nhân vật mới xuất hiện như đối thủ của Lê Khả Phiêu trong ghế tổng bí thư: Nguyễn Văn An. Ông Nguyễn Văn An, 60 tuổi, là ủy viên bộ chính trị và giữ chức vụ rất quan trọng là Trưởng Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng. So với ông Phiêu, ông An có thể yếu là không có chân trong Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị nhưng lại có ưu thế là trẻ hơn, hiểu biết hơn ông Phiêu về vấn đề gay gắt đang đặt ra cho đảng cộng sản là vấn đề nông nghiệp. Theo một vài nhận xét, ông An cũng có trình độ học vấn cao hơn và có tinh thần cởi mở hơn. Hơn nữa ông An lại là người gốc miền Bắc, vị thế này cũng có phần quan trọng trong ưu tư thăng bằng địa phương vì hai ông Trần Đức Lương và Phan Văn Khải là người Trung và người Nam. Ông Lê Khả Phiêu cũng có thể tự nhận là người miền Bắc vì ông sinh ở Thanh Hóa, một tỉnh muốn coi là thuộc miền bắc hay miền trung cũng được, dù ông Nguyễn Văn An có thể được coi là "Bắc kỳ chính cống" hơn.

Sự nghiệp của ông Lê Khả Phiêu hoàn toàn trong quân đội, tuy vậy ông chỉ giữ các chức chính trị, làm chính ủy đại đội, rồi chính ủy tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn và quân đoàn. Trong tiểu sử của ông không thấy nói ông từng giữ một chức vụ chỉ huy quân sự trực tiếp nào. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, dẫn tới kết quả sau cùng là chiến thắng ngày 30-4-1975, ông

làm chính ủy quân đoàn II, thuộc chiến trường miền Trung. Cả hai cuốn sách viết về biến cố này, cuốn *Đại Thắng Mùa Xuân* của đại tướng Văn Tiến Dũng và cuốn *Những Chặng Đường Lịch Sử Của B2 Thành Đồng* của thượng tướng Trần Văn Trà, đều không ghi công trạng nào của ông.

Lê Khả Phiêu đã được thăng thưởng nhanh chóng nhờ sự đỡ đầu của tướng Lê Đức Anh từ năm 1978, khi ông trở thành phó chính ủy quân khu 9 (miền tây Nam Phần) mà ông Lê Đức Anh là tư lệnh kiêm chính ủy. Ông Lê Khả Phiêu theo ông Lê Đức Anh tham gia cuộc chiến Cam-bốt và dần dần trở thành phó tư lệnh chiến trường Cam-bốt, rồi được ông Lê Đức Anh nâng đỡ đưa vào Bộ Chính Trị.

Không có tài liệu nào nói về học vấn của ông Lê Khả Phiêu, ngoài việc ông từng được đưa đi Liên Xô huấn luyện về quân sự. Để bênh vực ông Lê Khả Phiêu, Trung Quốc đã cử Lý Thụy Hoàn, ủy viên thường trực bộ chính trị sang thăm chính thức Việt Nam trước đại hội ban chấp hành trung ương và bày tỏ một cách lộ liễu sự ủng hộ đối với ông Lê Khả Phiêu. Điều này sẽ là một trở ngại lớn cho uy tín ông Phiêu trong những ngày sắp tới vì ông sẽ bị coi là người do Trung Quốc áp đặt.

Một điểm yếu khác của ông Lê Khả Phiêu là ông là một tướng lãnh. Đây là lần đầu tiên mà một tướng lãnh được bầu vào chức vụ tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam và cũng là sự kiện ít có trong các đảng cộng sản khác. Sự kiện này lại xảy ra vào một lúc không thuận lợi chút nào vì xu thế chung của thế giới là không đưa quân đội lên cầm quyền nữa. Đã thế, trong suốt sự nghiệp của ông và ngay cả trong bảy năm gần đây, từ 1991 khi ông trở thành nhân vật nổi, ông Lê Khả Phiêu chưa chứng tỏ được một khả năng nào phù hợp với đòi hỏi đổi mới và phát triển đất nước. Ông cũng có tiếng là một nhân vật bảo thủ, việc ông trở thành nhân vật quyền lực số một của Việt Nam chắc chắn không được giới đầu tư coi là một yếu tố khích lệ.

Có lẽ từ lâu đã nhận ra thế yếu của mình, ông Lê Khả Phiêu đã có vài cử chỉ hòa dịu với các thành phần dân chủ. Cụ thể là ông đã gặp ông Hoàng Minh Chính

hai lần và tỏ ý ủng hộ một hội nghị ba bên giữa đại diện đảng cộng sản, đại diện trí thức dân chủ trong nước và đại diện trí thức dân chủ hải ngoại. Tuy vậy, không biết do thế lực không đủ mạnh của ông Phiêu hay do sự thiếu thành thực của chính ông, những sự kiện khó hiểu vẫn xảy ra. Ông Hoàng Minh Chính và một số thân hữu của ông Chính bị phiền nhiễu và bị cắt điện thoại. Ông Chính lên Đà Lạt nhưng không được phép gặp nhóm trí thức Đà Lạt (gồm Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc) mặc dầu đã có sự đồng ý trước của ông Lê Khả Phiêu. Ông Võ Văn Kiệt trước khi rời chức thủ tướng vẫn còn ký những nghị định đàn áp dân chủ 31/CP và 51/CP. Và mới đây đảng cộng sản còn đưa ra một loạt chỉ thị bóp nghẹt báo chí. Những hành động này có sự đồng ý của ông Phiêu hay không còn là dấu hỏi.

Ông Lê Khả Phiêu thay ông Đỗ Mười đã quá 80 tuổi và mắc bệnh parkinson nặng. Ông Đỗ Mười đã nhiều lần ngỏ ý được nghỉ hưu nhưng đảng chưa tìm được người thay thế ổn thỏa.

Ông Đỗ Mười, người làng Thanh Trì, gần Hà Nội và nổi tiếng về nghề làm bánh cuốn, nhưng cá nhân ông Đỗ Mười lại làm một nghề khác: nghề thiến heo. Ở nghề này ông còn giữ được đặc tính của một con người bạo tay, ông làm mà không cần lo âu tới hậu quả. Đỗ Mười đã từng tham gia đắc lực vào chiến dịch cải cách ruộng đất làm hàng chục ngàn người chết oan, rồi cũng tham gia đắc lực vào việc sửa sai cải cách ruộng đất. Ông từng đứng đầu một chiến dịch có cái tên dữ dằn là "đánh tư sản" phát động năm 1978, rồi cũng chính ông cổ vũ cho kinh tế thị trường. Ông là một con người suy nghĩ và hành động một cách giản dị. Cũng có lẽ vì thế mà ông ít kẻ thù trong đảng và đã liên tục leo hết các nấc thang quyền lực trong đảng để trở thành con người khó thay thế trong tình trạng phân hóa nội bộ của đảng, mặc dầu khả năng của ông rất giới hạn và, hơn nữa, ông lại còn mắc bệnh tâm thần. Bùi Tín trong cuốn hồi ký *Mặt Thật* kể rằng ông Đỗ Mười đã từng phải điều trị bệnh loạn trí tại bệnh viện 108 và có lần giữa đêm leo lên cây bàng ngồi ngất ngư.

(Xem tiếp theo trang 30)

V.L.N.

Đề nghị đầu năm gửi ông Nguyễn Anh Liên và các đồng chí của ông về phương pháp diệt trừ tham nhũng

BA ĐIỀU CẦN PHẢI LÀM NẾU THỰC TÂM MUỐN GIẢI QUYẾT "QUỐC NẠN"

Tôn Thất Thiện

Trong một bài trước trong báo này về việc bài trừ tham nhũng (*Thông Luận* số 110, tháng 12-97), tôi có đề cập đến những nhận xét của ông Nguyễn Anh Liên, ủy viên ban kiểm tra trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) về những căn do của nạn tham nhũng đang lan tràn và ngày càng gia tăng ở Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và những đề nghị mà ông đã đưa ra để giải quyết vấn đề.

Tôi ghi nhận rằng sự phân tách của ông Liên về các căn do của vấn đề là đúng tuy không đúng hoàn toàn và tôi nhấn mạnh rằng những đề nghị của ông không thi hành được vì vấn đề chính ở đây không phải là sự thiếu tài năng của nhân viên và cán bộ ĐCSVN được đề bạt vào những chức vụ có quyền lực, mà là vấn đề bản chất của thể chế: đảng viên và cán bộ của ĐCSVN ở mọi cấp, từ dưới lên trên, trắng trợn tham nhũng vì thể chế hiện tại của Việt Nam tạo điều kiện để họ tung hoành. Ngày nào thể chế này còn được duy trì thì nạn tham nhũng vẫn sẽ tiếp tục là một "quốc nạn" vô phương cứu chữa.

Về phương diện cụ thể, nếu những người còn trong ĐCSVN còn ít nhiều sĩ khí muốn thanh toán nạn tham nhũng làm ó uế họ thì có ba việc lớn họ tuyệt đối phải làm:

- Loại bỏ dân chủ tập trung cùng địa vị độc quyền độc tôn của ĐCSVN và áp dụng chế độ pháp trị đối với mọi đoàn thể và cá nhân

- Thiết lập chế độ phân quyền và một hệ thống tư pháp độc lập

- Bảo đảm tự do báo chí

Loại bỏ dân chủ tập trung

Như tôi đã nhấn mạnh trong bài trước, những biện pháp mà ủy viên ban kiểm tra trung ương Nguyễn Anh Liên đề nghị không thi hành được vì ông không muốn hay đúng hơn, ông không thể động đến nguyên tắc dân chủ tập trung. Như ông Nguyễn Hộ đã giải thích, gia nhập ĐCSVN là tự biến mình thành tù nhân của đảng. Đòi hỏi gắt gao nhất trong các điều lệ của

đảng là triệt để tôn trọng kỷ luật đảng và nguyên tắc dân chủ tập trung. Trong thực tế, mọi đảng viên phải tuyệt đối chấp nhận đường lối của đảng và tuân phục mệnh lệnh của cấp lãnh đạo. Không làm đúng như vậy là "chệch hướng" và bị đảng trừng trị thích đáng. Thế nào là "trùng trị thích đáng" thì những người đã bỏ cộng sản như Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, Vũ Thư Hiên, Hoàng Minh Chính, v.v. đã nói rõ trong những tác phẩm của họ.

Ba vi phạm mà nhóm lãnh đạo ĐCSVN hiện coi như "chệch hướng" trầm trọng nhất là

- Không chấp nhận tuyệt đối nguyên tắc dân chủ tập trung

- Phủ nhận sự cần thiết về độc quyền độc tôn lãnh đạo của ĐCSVN

- Chủ trương một đường lối khác đường lối đã được trung ương đảng - nghĩa là nhóm nắm thực quyền trong ban chấp hành - ấn định.

Vi phạm ba điều trên đây bị coi như chống đảng, mà chống đảng thì như ông Vũ Thư Hiên đã thuật trong *Đêm giữa ban ngày* là phạm tội lớn nhất trong các tội và sẽ bị xử trị một cách ghê gớm. Do đó, tuyệt đối chỉ một số nhỏ dám đặt mình vào tình trạng đó và cũng dễ hiểu là tại sao một đề nghị căn bản của ông ủy viên ban kiểm tra trung ương là "*không giao chức vụ lãnh đạo và quản lý cho bất cứ người nào không tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ*".

Nhưng nếu duy trì nguyên tắc này thì sẽ không có sự cải tổ nào đáng kể về thể chế được và nếu thể chế không cải tổ căn bản thì những đề nghị mới và đúng về đường lối không thể có được. Ai ngo ngoe đề nghị cái gì khác với đường lối hiện tại dù đề nghị có hay đến mấy, là bị chụp cho cái mũ "chệch hướng" cực kỳ nguy hiểm dẫn vào lao tù và bị sự hành hạ thẳng tay, tàn nhẫn của những tên cai ngục vừa ngu dốt, vừa xác lác, vừa độc ác ghê tởm như tên cai ngục Huỳnh Ngự đã được Vũ Thư Hiên mô tả một cách sinh động trong *Đêm giữa ban ngày*.

Một trong những cải tổ căn bản cần thiết bậc nhất cho việc tận diệt tham

nhũng là chấm dứt tình trạng các cấp, nhất là cấp ủy, bao che nhau từ dưới lên trên từ cấp xã đến cấp trung ương, kể cả chức vị then chốt trong việc bài trừ tham nhũng là chức ủy viên ban kiểm tra trung ương. Một điều mà trong cùng như ngoài đảng, mọi người đều biết là trong các cuộc điều tra, tố giác, không được động đến cấp trung ương và đảng. Tất nhiên, đảng viên, cán bộ nào tham nhũng mà được các cấp này bao che thì tha hồ bất chấp kêu ca, khiếu nại, tố cáo ...

Với tình trạng ấy, không có chế độ pháp trị vì pháp luật, đường lối chủ trương chống tham nhũng chỉ áp dụng đến cấp trung mà thôi, còn các nhân viên cao cấp của đảng, nhà nước và quân đội thì được hưởng quyền miễn tố. Các lãnh tụ của đảng và đàn em của họ nằm ngoài và trên pháp luật. Họ được hiến pháp (điều 4 và 13) bao che. Pháp luật không áp dụng với họ. Thật là khác với các quốc gia sống dưới chế độ pháp trị.

Ở Hoa Kỳ, ông Bill Clinton, tuy là tổng thống đương nhiệm vẫn bị quốc hội điều tra vì bị nghi là phạm luật về việc nhận tiền đến từ ngoại nhân trong lúc vận động tuyển cử. Ông còn bị tư nhân (tức bà Paula Jones) đưa ra tòa về tội lạm dụng quyền thế để ép tình một nhân viên dưới quyền. Đó là chưa nói đến biết bao nhiêu trường hợp thượng nghị sĩ, dân biểu thống đốc tiểu bang, tướng lãnh, bị điều tra hay truy tố về tham nhũng và lạm quyền. Ở Gia Na Đại, một cựu thủ tướng, ông Brian Mulroney, phải ra tòa vì bị tố cáo là ăn tiền dút lót nhưng được trắng án. Ở Ý, một cựu chủ tịch hội đồng bộ trưởng, ông Silvio Berlusconi bị án tù về tội tham nhũng. Ở Pháp, một số tổng trưởng và dân biểu cũng bị điều tra gắt gao và có người bị án tù. Ở Nga, một nhân vật rất có thể lực, phó thủ tướng Anatoli Chubais đã bị tước mất một số quyền hành vì bị tố cáo là có quan hệ mờ ám với một ngân hàng.

Ngay cả những quốc gia Nam Mỹ hăng có tiếng là độc tài và tham nhũng cũng đã áp dụng những chính sách bài trừ tham nhũng gắt gao và trong những năm

qua, một số quốc trưởng đương nhiệm hay thôi đã bị ra tòa và kết án. Ở Á Đông thì ngoài trường hợp cựu tổng thống Ferdinand Marcos bị tòa án kết tội và tịch thu gia sản còn có trường hợp hai cựu tổng thống Đại Hàn, Toàn Dấu Hoán và Lô Thái Ngu bị tòa án xử tù vì tham nhũng và lạm quyền và con trai của đương tổng thống Kim Vịnh Tam bị bỏ tù vì tội tham nhũng.

Các quốc gia đó là những quốc gia có chế độ pháp trị tôn trọng nguyên tắc không ai, không tổ chức, đảng phái, cá nhân nào được đứng ngoài và nằm trên pháp luật. Các chính trị gia, viên chức nhà nước cũng như tư nhân phải thận trọng : họ bị kèm chế, bắt buộc phải tôn trọng luật pháp. Như vậy, tham nhũng và lạm quyền mới bị loại, hay ít nhất cũng bị giới hạn không thể lan tràn dễ dàng được.

Phân quyền và tư pháp độc lập

Trong những trường hợp kể trên, từ Hoa Kỳ đến Nam Mỹ, Âu châu và Á châu, những bị cáo gồm có những nhân vật giữ các chức vụ rất cao trong guồng máy quốc gia và có người còn đương nhiệm nhưng không ai trốn tránh pháp luật được vì những quốc gia đó áp dụng thể chế pháp trị cùng cơ cấu tam quyền phân lập. Sự kiện này có hai hậu quả quan trọng :

- Tất cả các cá nhân hay đoàn thể đảng phái đều bình đẳng trước pháp luật và không ai được đứng ngoài và đứng trên pháp luật

- Chính phủ không sử dụng quyền hành pháp tùy tiện được vì quyền lập pháp không thuộc về họ mà nằm trong tay quốc hội ; và quan trọng hơn cả, quyền giải thích luật pháp và phán xử người này hay người nọ có vi phạm luật pháp hay không, tội gì, nặng hay nhẹ, thuộc về các tòa án ; ngoài ra, các viên chức tư pháp hoàn toàn biệt lập và độc lập với hành pháp và lập pháp.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện tại thì ngược lại. Nguyên tắc cầm quyền phân lập bị gạt bỏ và thay thế bằng nguyên tắc *"quyền lực nhà nước thống nhất"*, chỉ có *"sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp"* nhưng không có sự phân quyền. Kết quả là mọi quyền hành nằm trong tay đảng, nghĩa là nhóm nắm thực quyền trong bộ chính trị.

Cùng với nguyên tắc đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội về mọi phương diện, nguyên tắc dân chủ tập trung và bảo vệ *"tổ quốc xã hội chủ nghĩa"* bằng mọi giá mọi

cách là một sự tuyệt đối, ưu tiên của tất cả ưu tiên, trong chế độ này, các tòa án chỉ là những cơ quan thừa hành của lãnh đạo đảng và như tất cả các đảng viên và cán bộ của đảng và coi việc việc bảo vệ đảng như một nhiệm vụ tuyệt đối. Nói một cách khác, tư pháp nằm ngay trong hệ thống tạo ra tham nhũng và phải buông tay thay vì thi hành luật pháp một cách độc lập, công minh và bình đẳng.

Hậu quả của tình trạng này là các quan tòa xã hội chủ nghĩa có xử các vụ tham nhũng thì như ông Nguyễn Anh Liên than thở, phải xử đảng viên và cán bộ nhẹ hơn công dân thường, xử đảng viên và cán bộ cao cấp nhẹ hơn đảng viên đảng viên cán bộ thấp cấp, còn các đảng viên và cán bộ thượng cấp chóp bu thì họ phải coi như *off limits*, không được động đến để bảo vệ uy tín của đảng. Trong điều kiện nêu trên như ông Nguyễn Khắc Viện đã công khai tố giác : *"Các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương nắm hết quyền hành. Bộ chính trị, ban bí thư, ban tổ chức trung ương văn hóa tư tưởng quyết định mọi việc cụ thể ; hội đồng bộ trưởng quốc hội, các bộ, các ngành chỉ là thừa hành. Ở tỉnh thì mỗi bí thư tỉnh ủy là một lãnh chúa, quyết định tất cả, kinh tế tổ chức văn hóa ; cấp huyện, xã cũng vậy [...]* Với danh nghĩa đảng mà tham nhũng trù dập ai tố cáo là *đề nhất"* (Kiến nghị gửi chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Nguyễn Hữu Thọ ngày 6-1-1991).

Bảo đảm tự do báo chí

Đoạn trên có đề cập đến trường hợp các viên chức cao cấp nhất của một số quốc gia bị truy tố trước các tòa án và có người bị xử tù. Có tình trạng này nhờ các quốc gia đó áp dụng chế độ pháp trị, cơ cấu phân quyền và tư pháp độc lập. Nhưng còn một điều kiện nữa, không thể thiếu, để ba điều kiện kia có thể thi hành được, đó là tự do báo chí.

Báo chí là tai mắt của dân, làm nhiệm vụ cảnh báo dư luận và cảnh cáo chính quyền về những vi phạm luật pháp của những cơ quan và viên chức nhà nước. Không có báo chí điều tra, phanh phui những vi phạm luật pháp, những lạm dụng quyền hành, thì những hành vi ám muội có hại cho quyền lợi dân tộc và xứ sở sẽ không được đưa ra ánh sáng cho dư luận cứu xét, phê phán và đòi chính quyền có biện pháp đáp ứng.

Trong những trường hợp nói trên, nhờ có báo chí phanh phui, dư luận mới biết đến những vụ tham nhũng và lạm dụng chức vụ, bần tăn xôn xao, buộc các cơ

quan có thẩm quyền phải cứu xét, điều tra, làm sáng tỏ sự thực và ấn định những trừng phạt thích đáng.

Nhưng báo chí chỉ có thể làm những nhiệm vụ này một cách chu đáo, hữu hiệu, nếu họ không bị ngăn cản, đe dọa và được hoàn toàn trong công cuộc tìm tòi và nói lên sự thực. Về phương diện này, có một sự kiện đáng được lưu ý : ông Nguyễn Khắc Viện trước kia đã nhắm mắt theo ĐCSVN, nghĩa là chấp nhận sự kèm chế báo chí nhưng sau lại có thái độ ngược lại. Nghĩ cho kỹ, đều nay không làm chúng ta ngạc nhiên lắm. Trong những năm trước khi ông qua đời ông Viện đã ý thức cho rằng một nền dân chủ thật sự và một chính quyền lành mạnh là điều cần thiết cho sự thăng tiến của Việt Nam và điều kiện số một để bảo đảm cho dân chủ thực sự và chính quyền lành mạnh là tự do báo chí. Cho nên trong kiến nghị gửi ông Nguyễn Hữu Thọ (nhưng thực ra cho toàn ĐCSVN) nhắc trên, ông đã nhấn mạnh điểm này. Trong đề nghị thành lập một mặt trận dân chủ nhân dân mà ông đưa ra, ông không chủ trương bạo động nhưng ông hô hào phải vận dụng mọi hình thức đấu tranh dân chủ và *"nhất là đòi hỏi cho kỳ được tự do báo chí, tự do tư tưởng"*.

Những ai ưu tư về tương lai xứ sở phải đồng ý với ông Viện. Đặc biệt là trong cuộc tranh đấu bài trừ tham nhũng, ngày nào mà báo chí ở Việt Nam không được tự do điều tra, báo cáo với dư luận những điều họ nghe được, thấy được, kiểm tra được về những vụ tham nhũng : ai tham nhũng, ở đâu, tới mức nào, tại sao không bị đưa ra pháp luật, v.v. thì nói đến bài trừ "quốc nạn" tham nhũng chỉ là nói chơi cho vui mà thôi. Tham nhũng sẽ tiếp tục tung hoành, lan tràn, ngày càng trầm trọng, ngày càng lôi dân Việt Nam và nước Việt Nam sâu hơn xuống bùn dơ bẩn hôi thối, làm cho những người đã hy sinh cuộc đời của mình để xây dựng một nước Việt Nam tốt đẹp hơn, đáng yêu đáng kính hơn, phải đặt một câu hỏi đau đớn.

Câu hỏi đau đớn đó là : "mình đã hy sinh tranh đấu cho ai ?" và họ sẽ phải kết luận - một kết luận cũng không kém đau đớn - rằng sự hy sinh của họ không những vô nghĩa mà còn có hậu quả oái ăm là đã giúp công vào việc tạo dựng một chế độ mang danh xã hội chủ nghĩa nhưng thực chất lại là một xã hội tư bản man rợ cực kỳ thối nát.

Tôn Thất Thiện

Cơ cấu của giai cấp thượng lưu tại các nước Nho giáo

Diệp Tường Bảo

Khổng giáo đã du nhập nước ta từ đầu đệ nhị thiên niên kỷ với sự hình thành của những triều đại lớn. Vừa là một học thuyết chánh trị nhằm đào tạo giai cấp lãnh đạo, vừa là một đạo lý nhơn bản đề đến với dân gian, Nho giáo đã ăn sâu vào tâm tánh và nề nếp người Việt hơn bất cứ tôn giáo nào khác. Vì thế, thảo luận về Khổng giáo là một công việc đáng và cần phải làm vì chúng ta không thể hy vọng cải cách xã hội Việt Nam mà không thay đổi một số cách thức tư duy. Tuy nhiên, người ta khó có thể bàn cãi chặt chẽ về ảnh hưởng của Nho học trên tiến trình chánh trị của những nước Hán hóa mà chỉ dựa vào những châm ngôn của Khổng Tử và các nhà hiền triết Nho giáo khác. Điều quan trọng là nhận ra chỗ đứng và vai trò của giai cấp kẻ sĩ trong cấu trúc xã hội của những nước này. Chỉ như thế chúng ta mới có thể hy vọng giải thích các hướng tiến khác biệt giữa bốn nước Nho giáo là Triều Tiên, Nhật Bản, Trung Hoa và Việt Nam.

Quý tộc và công bộc

Lịch sử thế giới cho thấy vai trò then chốt của những tinh hoa của dân tộc trong các diễn biến chánh trị. Không có sự tham gia tích cực của thành phần thượng lưu, những cuộc khởi nghĩa bình dân khó có thể vượt khỏi tầm vóc những cuộc nổi loạn không có ngày mai và các chánh biến chỉ là những đổi thay chánh quyền không có tác động trên số phận đất nước. Sự khác biệt căn bản giữa cuộc cách mạng 1789 với những cuộc bạo động nông dân ở Pháp trước đó là sự tham gia tích cực của từng lớp tư sản trí thức đã biết tổng hợp những yêu sách cục bộ và nhứt thời của dân chúng trong một dự án chánh trị quốc gia. Nhờ sự đóng góp của từng lớp quý tộc, hai cuộc cách mạng hòa bình 1215 và 1688 đã chi phối định mệnh nước Anh một cách sâu rộng và lâu dài hơn tất cả những thay đổi triều đại, chủng tộc thống trị hay cả biến cố cộng hòa 1749. Trên bình diện xã hội học, người ta có thể xem sự nảy sanh của Phật giáo ở Ấn Độ như một phản ứng của đẳng cấp quý tộc vô công chống ách thống trị tinh thần của các nhà bà la môn.

Tinh hoa của dân tộc hay giai cấp thượng lưu là thành phần xã hội được hưởng nhiều lợi thế - quyền lực, của cải,

giáo dục - nhứt. Một cách nghịch thường, đặc tánh này là nguyên nhơn của hai thái độ hoàn toàn đối lập với nhau. Một mặt, lợi ích và quyền thế là những điều kiện khách quan để mua chuộc sự trung thành của giai cấp thượng lưu đối với chế độ đương quyền. Mặt khác, trình độ tri thức, phương tiện vật chất và sự gần gũi với chánh quyền lại khiến cho thành phần tinh hoa là từng lớp xã hội có nhiều xu hướng và khả năng dấy động những cuộc cải cách chánh trị nhứt. Yếu tố quyết định giữa hai thái độ là phương cách tranh thủ quyền hành của giai cấp thượng lưu.

Chiến lược thứ nhứt là chinh phục một số quyền lực cục bộ và tuyển chọn nhơn vật đại diện nhà nước trung ương. Tiến trình này đưa đến những thành phần thượng lưu có cơ sở chánh trị, lãnh thổ và kinh tế. Họ hợp thành những nhà quý phái có khả năng điều khiển lãnh vực của mình, kiểm soát hay chống đối chánh quyền trung ương và truyền giao quy chế của mình cho con cháu. Đường lối thứ hai là nhận lãnh quyền lực từ nhà nước trung ương. Xuất thân từ trường hợp này, những tinh hoa của dân tộc mà toàn thể tư cách tùy thuộc ở chỗ đứng trong bộ máy hành chánh. Địa vị xã hội của giai cấp bề tôi rất bấp bênh vì đó là một phương pháp để nhà độc tài ngăn ngừa những cuộc đảo chánh. Quan lại thường xuất thân từ dân dã và có thể trở lại số phận khởi thủy bất cứ lúc nào tùy theo ý muốn của người cầm quyền.

Đó là những lý do giải thích vì sao lịch sử ghi nhận rằng quý tộc đã đóng một vai trò tích cực trong những công cuộc dân chủ hóa hơn là kẻ sĩ. Đây là một nhận định có vẻ nghịch lý vì quan lại được tuyển lựa theo những công thức dân chủ hơn quý tộc nhưng thực tế này được kiểm chứng hầu như trong mọi trường hợp. Riêng đối với các nước Hán hóa, dữ kiện này cho phép chúng ta phân biệt hai nhóm quốc gia, Nhật Bản và Triều Tiên một bên, Việt Nam và Trung Quốc bên khác.

Từng lớp vô sĩ ở Nhật Bản

Trong suốt lịch sử Nhật Bản, hoàng đế chỉ là nhơn vật tượng trưng cho chánh quyền của những gia tộc (*uji*) thắng trận. Vào thế kỷ thứ IX, chánh quyền Fujiwara đã tìm cách chế ngự các dòng dõi quý tộc

khác và thay thế họ bằng một giai cấp công bộc theo mô hình Trung Quốc nhưng đã hoàn toàn thất bại. Ý định của các lãnh tụ Fujiwara là bẻ gãy sức mạnh của các nhà quý tộc bằng cách quốc hữu hóa ruộng đất để phân chia cho những gia đình nông dân chấp nhận nộp thuế và thi hành nghĩa vụ quân dịch. Như thế, chánh quyền trung ương sẽ vừa giảm được sức mạnh của các gia tộc vừa thay thế các đạo binh quý tộc bằng một quân đội nhà nước. Song, sau khi bộ luật cải cách ruộng đất được ban hành, một liên minh giữa một số điền chủ quý tộc đủ mạnh để giữ được đặc quyền tiếp tục làm chủ số ruộng của mình. Với thời gian, những ngoại lệ này ngày càng trở thành phổ cập và lan rộng đến cả dân gian. Trong lúc đó, quân đội quốc gia không phát triển được vì ai nấy đều tìm mọi cách để thoát khỏi chế độ tòng quân làm cho nhà nước không có khả năng thiết lập an ninh ở những nơi xa xôi. Tình trạng bất an ở địa phương lại đưa đến sự kết nghĩa giữa các thành phần nông dân và điền chủ để cùng chung bảo vệ đất đai. Danh hiệu "tôi tớ" (*samurai*) mà thành phần thứ nhứt tự đặt cho mình phải không làm chúng ta quên đi thực chất tự nguyện của mối liên kết giữa những *samurai* và các nhà đại danh (*daimyo*) : thay vì đánh gục hệ thống tộc đoàn, kết quả của chánh sách Fujiwara là củng cố chế độ lãnh chúa và đưa tinh thần vô sĩ đạo lên thành gương mẫu cho cả quốc dân Nhật Bản. Tám trăm năm sau, người hùng thống nhứt Nhật Bản, Tokugawa Hideyoshi không quên bài học của sự thất bại của nhà Fujiwara : thay vì tìm cách tiêu diệt các đại danh đã chống ông, Hideyoshi chỉ cố gắng vô hiệu hóa những người này bằng cách chuyển dời họ xa khỏi trung tâm. Nhưng vào cuối thế kỷ XIX, chính những áp xâ "đàng ngoài" (*tozama*) đó là nơi phát xuất phong trào Phục hưng Hoàng gia Minh Trị, đánh đổ chế độ tướng quân (*shogun*) và thay thế nó bằng chánh thể quân chủ lập hiến.

Chế độ "quý cốt" ở Triều Tiên

Trường hợp Cao Ly không đưa đến những kết luận rõ rệt như Nhật Bản vì dân tộc Triều Tiên đã mất chủ quyền từ cuối thế kỷ XIX đến sau Đệ nhị Thế Chiến trong lúc giai đoạn ấy là thời kỳ của sự gia tốc của lịch sử. Tuy nhiên, chúng ta vẫn nhận xét nhiều điểm tương đồng trong cấu trúc chánh trị của hai nước này, đặc biệt là tánh chất yếu kém của chánh quyền trung ương. Từ thời nguyên thủy đến thế kỷ VII, không gian Triều Tiên chia ra làm ba vương quốc Koguryo, Paekche và Shilla.

Mỗi vương quốc là một liên bang gồm có từ ba đến sáu bộ lạc mà vị vua do các tù trưởng bầu cho một nhiệm kỳ nhất định. Kể cả sau khi ngôi vua trở thành thế tập, hội đồng bộ lạc vẫn tiếp tục nắm giữ một số chức năng trọng yếu như việc bổ nhiệm vị thủ tướng (*taedaero*) chẳng hạn. Vào năm 676, vương quốc Shilla thống nhất được bán đảo Cao Ly và kể từ đó các triều đại Triều Tiên nối tiếp đã có tham vọng áp dụng chủ thuyết Khổng giáo để cai trị đất nước nhưng đã không thực hiện được ý muốn. Họ đã không bao giờ thiết lập được một tầng lớp công chức được tuyển lựa hoàn toàn qua khoa cử mà luôn luôn phải thỏa hiệp với những quý phái xuất thân từ ba vương quốc cũ. Mãi đến đầu thế kỷ XV, tất cả chức tước chánh yếu đều ở trong tay quý tộc và được phân chia theo "hệ thống quý cốt" (*kolpumje*): thành phần cao nhất mang tên "thánh cốt" (*songol*) và chỉ những người xuất thân từ đẳng cấp này mới có thể được tuyển làm vua; tầng lớp kế tiếp là đẳng cấp "chánh cốt" (*chinol*) nắm giữ độc quyền trên mọi chức vụ hàng bộ trưởng, tướng lĩnh hay thống đốc. Nho học đã du nhập bán đảo Triều Tiên từ cuối thế kỷ VII nhưng người ta phải chờ tới thế kỷ XI để thấy sự ra đời của một tầng lớp quan viên thực sự. Tuy nhiên, những cuộc xung đột đẫm máu giữa hai đẳng cấp quý tộc và kẻ sĩ (1498, 1504, 1519, 1545) sẽ kéo dài tới triều Yi (1392-1910) dù rằng đó là thời kỳ cực thịnh của Nho học ở Triều Tiên. Song, ưu thế của giai cấp kẻ sĩ trong xã hội Cao Ly mới được thành lập và chưa được củng cố thì đã bị lung lay bởi những cuộc xâm lăng đến từ Nhật Bản (1592, 1598) và Mãn Châu (1627, 1638). Cuộc chiến thứ tư kết thúc một cách vô cùng bi thảm cho Triều Tiên và hậu quả gây nên trầm trọng đến nỗi làm cho người Hàn bắt đầu xét lại một số cơ sở ý hệ. Trường phái "Thực học" (*Shilhak*) này sanh trong giai đoạn đó, được coi như bản đạp tư tưởng của phong trào canh tân diễn ra ở Đại Hàn hơn ba thế kỷ sau đó. Trên bình diện chánh trị, các triết gia Thực học cổ vũ cho việc xóa bỏ những kỳ thị đẳng cấp và ... cho những kẻ sĩ bất tài dôi nghề! Bên cạnh những ý kiến có tính chất cách mạng nhưng rời rạc ấy, công trình chủ yếu của trào lưu Thực học là đặt cơ sở cho một nền kiến thức tân thời bằng cách phát triển và hiện đại hóa các môn sử, địa, nông và y học.

Kẻ sĩ ở Trung Quốc

Khác với Cao Ly và Nhật Bản, nhà

nước Trung Quốc đã tiêu diệt được rất sớm giai cấp quý tộc. Dưới các thời đại nhà Thương (thế kỷ XVI - thế kỷ XI tr. C.N) và nhà Tây Chu (1027-770 tr. C.N), chánh quyền được tổ chức theo hệ thống tôn thất trong đó dòng họ nhà vua chiếm giữ tất cả chức vụ quan trọng ở trung ương cũng như tại địa phương. Như thế thì ngay từ thuở đầu, quý tộc Trung Hoa không là những thành phần tách biệt với nhà vua mà là một bộ phận của chánh quyền hoàng gia. Trong khoảng thời gian thế kỷ VIII - thế kỷ III tr. C.N, Trung Quốc lâm vào loạn lạc và chánh sách của phe chiến thắng là tàn sát những quý phái bại trận hoặc sáp nhập họ vào bộ máy hành chánh. Dưới triều Tần (221-206 tr. C.N), chiến lược đàn áp giai cấp quý tộc được đưa lên hàng quốc sách. Song, sai lầm của vị hoàng đế Trung Hoa thứ nhất là không dành cho những người này một lối thoát nào vì cùng lúc ông cũng đàn áp kẻ sĩ. Cuối cùng thì tánh chất cực kỳ nghiệt ngã của chế độ nhà Tần đã khiến họ không trụ được lâu dài.

Nhà Hán kế tiếp không quên bài học lịch sử: trong lúc họ tiếp tục đè bẹp thành phần quý tộc, họ chấp nhận thỏa hiệp với giai cấp kẻ sĩ. Nội dung của khế ước là mỗi trung thành của kẻ sĩ đối với nhà vua đổi lại độc quyền trên toàn thể chức vụ hành chánh. Trong hơn hai thiên niên kỷ, giao kèo này tỏ ra hoàn toàn thích ứng với quyền lợi của đôi bên. Qua các thay đổi triều đại, kẻ sĩ bao giờ cũng phụng sự tận tình nhà vua đương quyền và khái niệm "thiên mệnh" tỏ ra vô cùng thuận tiện để biện minh cho những cuộc đảo chánh. Sự ổn định đó đã cho phép tầng lớp kẻ sĩ thình thoảng có được một vài cơ sở quyền lực nhưng họ sẽ không bao giờ thoát khỏi được hoàn toàn số phận phục vụ nhà vua bởi vì phương pháp duy nhất để duy trì cương vị quan lại là có mặt trong bộ máy nhà nước một cách đều đặn. Trong khoảng thời gian thế kỷ III tr. C.N - thế kỷ X s. C.N, thế lực của kẻ sĩ biến đổi ngược lại sức mạnh của chánh quyền trung ương. Trong những giai đoạn chia cắt (Tam Quốc, 220-280; Lục Triều 316-580), tầng lớp Nho sĩ đạt tới một mức độ tự trị gần như ngang hàng với quý tộc như trong các thời kỳ thống nhất (nhà Hán 206 tr. C.N - 8 s. C.N và 23-220; nhà Tấn, 280-316; nhà Tùy, 581-618; nhà Đường, 618-907), họ phải trở lại tư cách bầy tôi nguyên thủy. Cuối cùng thì chức năng ấy trở thành vai trò vinh viễn của kẻ sĩ kể từ thế kỷ X dưới nhà Tống.

Quá trình Nho hóa của Việt Nam

Việt Nam đã tiến triển theo một đường hướng tương tự với Trung Quốc. Từ hình thức liên bang bộ lạc, nước ta dần dần trở thành một nhà nước tập quyền trong đó từng lớp kẻ sĩ đóng một vai trò ngày càng lớn để cuối cùng lần bước hoàn toàn đẳng cấp quý tộc. Vào thời dựng nước, Văn Lang là một hợp bang gồm có mười lăm bộ lạc và vua Hùng thứ nhất là một tù trưởng do các đồng nhiệm tuyển cử. Nhà nước hình thành dưới thời Đông Sơn là một thể chế tản quyền: triều đại vua Hùng cai trị đất nước qua trung gian của những lạc hầu trên bình diện dân sự và các lạc tướng về mặt quân sự. Hệ thống này tồn tại tới thời Âu Lạc và kéo dài tới cả những giai đoạn đầu tiên của nền độc lập, dưới các chế độ Khúc, Dương và Ngô. Tuy nhiên, nhu cầu tập trung quyền hành để phòng thủ ngoại xâm một cách hiệu lực hay thực hiện những công trình thủy lợi to lớn đã khiến nhà Lý du nhập mô hình cai trị của Trung Quốc. Ý kiến đầu tiên của các vua Lý và Trần là sử dụng đạo Phật để thống nhất dân tộc Việt Nam về mặt tinh thần và Nho học nhằm xây dựng một hệ thống hành chánh vững mạnh. Do đó, dưới các triều Lý và Trần, giai cấp thượng lưu Việt Nam chia ra làm nhiều thành phần, quý tộc, quan lại và tăng sĩ. Chương trình khoa cử gồm có ba học thuyết Phật, Lão và Khổng. Vào lúc đó, cương vị quý tộc còn lẫn át quy chế kẻ sĩ: tất cả chức vụ chủ chốt đều ở trong tay quý tộc và các lãnh chúa có quyền có những đội binh riêng biệt. Song, trong khoảng thời gian thế kỷ II tr. C.N - thế kỷ X s. C.N, các dòng dõi quý tộc nguyên thủy đã hầu như hoàn toàn bị chế Trung Hoa tiêu diệt qua những cuộc đàn áp các phong trào kháng chiến mà biến cố hai bà Trưng là một thí dụ điển hình. Do đó, quý tộc dưới các triều đại Lý và Trần không là một tầng lớp độc lập với chánh quyền trung ương mà là những dòng họ hoàng tộc. Dưới nhà Trần, tầng lớp Nho sĩ ngày càng đông đảo và đẩy lùi từ từ thế lực tăng sĩ trên lãnh vực chánh trị cũng như tư tưởng và văn hóa. Vào cuối đời Trần, thái độ hung hăng của phe Nho sĩ đối với thành phần tăng lữ cũng như ý muốn loại trừ những người này ra khỏi phạm vi quyền hành xuất hiện một cách rõ ràng. Ưu thế của đạo Phật giảm dần để rồi nhường chỗ hẳn cho Nho giáo dưới triều Lê. Kể từ lúc đó đến cuộc xâm lăng của Pháp vào thế kỷ XIX, kẻ sĩ trở thành giai cấp thống trị duy nhất của Việt Nam và Nho giáo là học thuyết độc tôn

được dùng để đào tạo kẻ sĩ.

Vai trò của những tầng lớp xã hội khác

Khổng Tử là một nhà quý tộc rơi vào tình trạng thất sủng tìm kiếm chỗ đứng trong xã hội mới. Dòng dõi Khổng Tử là một đại biểu của các quý phái bại trận (họ Khổng gần bó với triều Thương bị quân Chu đánh đổ) được phe chiến thắng trọng dụng (thân phụ Khổng Tử cai trị một thị trấn của nước Lỗ, một công quốc do nhà Chu thành lập). Đây là yếu tố khách quan duy nhất có thể giải thích tâm trạng hoài cổ trong công trình của Khổng Tử vì lịch sử chứng minh rằng nhà Tây Chu mà ông luyện tiếu đã là một chế độ quân sự dựa vào những biện pháp ác độc đi ngược hoàn toàn chủ nghĩa nhơn trị mà ông chủ trương. Trong suốt cuộc đời, tham vọng cao nhất của Khổng Tử là tìm kiếm một quân vương để phò nhưng ông đã không bao giờ có ý làm chủ sự nghiệp của mình. Từ đó, phục vụ chế độ đương quyền trở nên một đặc tính di sản của kẻ sĩ. Vì thế, phủ nhận thái độ khuất phục của kẻ sĩ cũng vô lý như quả trách thái độ đó. Kẻ sĩ phụng sự vua chúa như nông dân trồng trọt hoa màu hay tu sĩ tôn sùng đấng chí tôn. Với tất cả thiện chí, kẻ sĩ không thể cho những gì mà họ đã không bao giờ có, những gì mà tất cả nền giáo dục của họ xem là tội lỗi : tinh thần chống đối, đầu óc phản kháng, nhứt là đối với triều đại mà mình phò.

Lịch sử các nước Hán hóa cho thấy rằng những phong trào quật khởi bao giờ cũng là công trình của những thành phần đứng ngoài chánh quyền. Phong trào Phục hưng Hoàng gia Minh Trị đã do những vô sĩ xuất thân từ các ấp xã "đàng ngoài" dấy động. Ở Cao Ly, thành phần nòng cốt của cuộc kháng chiến chống Nhật là sinh viên và quân nhơn bị chế độ đô hộ Nhật Bản giải thể. Ở Trung Quốc và Việt Nam, các triều đại lớn thường do những người bình dân táo bạo sáng lập : Đinh Bộ Lĩnh, Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Nguyễn Huệ ở nước ta, Lưu Bang (nhà Hán), Chu Nguyên Chương (nhà Minh) ở phương Bắc. Những cuộc khởi nghĩa phục quốc Lam Sơn và Tây Sơn ở Việt Nam hoặc Thái bình Thiên Quốc ở Trung Hoa là những phong trào phát xuất từ những liên minh giữa các đẳng cấp nông dân, công nhơn và thương gia.

Rượu cũ trong bình mới

Một số sử gia đã đưa ra giả thuyết cất nghĩa sự hiện hữu của chế độ quý tộc ở

Cao Ly và Nhật Bản qua gốc tích chăn nuôi của những dân tộc đến từ Trung Á. Lý do là vì chăn nuôi là một sinh hoạt phát huy chủ nghĩa cá nhơn hơn là trồng trọt. Mục súc thích ứng với quyền tư hữu vì khác với hoa màu, thú nuôi là một sở hữu khó có thể kiểm soát và tịch thu. Chăn nuôi cũng là một nghề nghiệp đánh dấu những thành bại cá nhơn một cách rõ ràng và mau chóng hơn là canh tác : một cơn dịch tễ có thể tiêu diệt một bầy thú mà không tác hại đám gia súc láng giềng, trong lúc khí hậu ảnh hưởng đến những đất trồng một cách ngang nhau.

Sự khác biệt căn bản giữa Triều Tiên và Nhật Bản một bên và Trung Quốc và Việt Nam bên khác nằm ở tánh chất nhứt nguyên của giai cấp thống trị cùng hệ thống tư tưởng của hai nước sau. Sự thiếu vắng của một giai cấp thượng lưu và một học thuyết chánh trị có khả năng thay thế kẻ sĩ và Nho giáo đã khiến các triều đại chiến thắng luôn luôn phải quay về ý hệ Khổng-Mạnh và tầng lớp kẻ sĩ để củng cố chế độ. Vì thế mà Trung Quốc và Việt Nam chỉ thay đổi các triều đại nhưng giữ nguyên những hệ thống chánh trị và tư duy. Điều này xuất hiện một cách đặc biệt rõ ràng khi chúng ta nghiên cứu nội dung của hai cuộc cách mạng "vô sản" Trung Hoa và Việt Nam mà mục tiêu công khai là đổi mới xã hội trong lúc thực tế chứng tỏ sự tồn tại của nhiều nét điểm phong kiến.

Trước hết là thái độ của các đảng cộng sản Trung Hoa và Việt Nam đối với đạo Khổng. Vì Nho học vốn là một chủ thuyết thuận lợi đối với chánh quyền, họ đã chống đối dữ dội tư tưởng này trong thời kỳ tranh đấu và xây dựng chế độ mới nhưng lại tìm cách phục hồi nó khi không còn chánh thống tư tưởng nữa. Trở thành bá chủ nước Trung Hoa, Mao Trạch Đông giống như Tần Thủy Hoàng, đã có tham vọng bất chấp từng lớp trung gian để cai trị dân chúng trực tiếp. Nhìn từ khía cạnh đó, mối thỏa hiệp của Đặng Tiểu Bình với giới kinh doanh sau thâm kịch Cách mạng Văn hóa rất giống giao kèo giữa nhà Hán và kẻ sĩ. Ở nước ta, ý muốn dựa vào một tầng lớp tư sản chuyên gia để biểu còn xuất hiện rõ ràng hơn nữa. Bộ luật về giáo dục mới được ban hành nhấn mạnh nhiều lần bốn phạm "bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa" của ngành giáo dục. Hệ thống tuyển lựa công chức cao cấp ngày nay giống chế độ khoa cử thời xưa ở chỗ chúng không nhằm đánh giá kỹ năng của những ứng cử viên mà là kiểm soát tánh cách

"phải đạo" của những cán bộ tương lai.

Một điểm chung khác giữa những chánh thể Trung Quốc và Việt Nam hiện tại và các chế độ phong kiến là thái độ ngờ vực quyền tư hữu. Chánh sách ruộng đất của các triều đại Trung Hoa và Việt Nam là phân chia đại bộ phận ruộng đất cho công xã và ban cấp phần còn lại cho quý tộc tôn thất và quan lại cao cấp. Bản chất của người nông dân khai thác đất đai công xã trong thời phong kiến không mấy khác quy chế tá điền của nhà nước hiện nay. Mặt khác, trong số ruộng nương ban cấp cho các nhà quý tộc và quan lại, chỉ một phần nhỏ là thuộc quyền sở hữu, phần còn lại chỉ được hưởng dụng và phải hoàn trả sau khi chết. Giờ đây, để thúc đẩy những nền kinh tế bạc nhược, Bắc Kinh và Hà Nội đã phải thừa nhận quyền hưởng dụng đất đai nhưng vẫn không chịu hợp pháp hóa quyền sở hữu vì đó là một phương pháp để họ tiếp tục bắt chẹt người dân. Song song, chánh sách "Đổi mới" đã là cơ hội để Đảng Cộng sản Việt Nam chia năm xẻ bảy tài sản quốc gia và tiếp tục lũng đoạn nền kinh tế thị trường còn phôi thai. Ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, từ ngữ "gia đình cách mạng" ngày càng mang nặng ý nghĩa "quý tộc tôn thất".

Rất có thể là một lần nữa, thành phần then chốt của cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc sẽ là mối liên minh giữa giai cấp công nhơn và thành phần trí thức. Điều mà trí thức có thể làm ngay từ bây giờ là bắt đầu ghi nhận một số chỉ dẫn trên "những tấm biển chỉ đường của trí tuệ". Thâm tín thứ nhứt là tư bản và dân chủ là hai mặt của chiếc huy chương vì cả hai chế độ dựa vào những nguyên tắc đa nguyên, chọn lựa và hợp đồng. Nhận định thứ hai là nếu Khổng giáo là một triết lý mà ai nấy có thể hưởng ứng hay không trong phạm vi tư nhơn, nó dứt khoát là một chủ thuyết chánh trị lỗi thời : đã đến lúc mà chúng ta phải hiểu rõ rằng trật tự xã hội không thể bảo đảm bằng những thứ bậc tiền nghiệm mà chỉ có thể xây dựng trên mối đồng thuận lấy dân chủ làm nền tảng. Chúng ta cũng phải tin chắc rằng quốc hồn quốc túy không phải là một cổ vật bất di bất dịch để trưng trong viện bảo tàng mà là một sinh vật tiến hóa liên tục và chỉ có thể nảy nở ở những xã hội tự do và giàu mạnh. Kẻ thù của nó không phải là cải cách và canh tân mà là nghèo khổ và lạc hậu. Dân chủ và phát triển quả thực là hai ưu tiên tối trọng của Việt Nam.

Diệp Tường Bảo

Sức sống thời gian, sức sống không gian

Nguyễn Thanh Giang

Từ một vòm granít Sông Chảy, một mảng nhô Kon Tum của đại địa khối Indosini với lồi chồm những mảnh địa khối nhỏ rời rạc, núi lửa đã phun, biển đã tiến và thoái, phù sa đã bồi đắp thiên nhiên tạo nên một dải đất cong cong hình chữ S với diện tích trên 32 vạn kilomet vuông. Rồi động đất lại xé những đường đứt gãy kiến tạo cỡ hành tinh với những địa mảng Sông Đà, địa lũy Sông Ba... Đến khi vua Hùng kiến lập giang sơn, khai mở bờ cõi thì các vua chúa tham tàn từ phương bắc không ngừng nhăm nhe dòm nghe và đã tâm uy hiếp. Suốt hơn nghìn năm, đất nước này đã chịu bao phen chia cắt, tách nhập. Từ Nam Việt của Triệu Đà, Giao Chỉ bộ thời Hán đến An Nam đô hộ phủ đời Đường... phần lãnh thổ ở phía bắc luôn luôn bị phong kiến ngoại bang chiếm giữ. Bọn thực dân láng giềng, không chỉ tàn bạo khi đàn áp để thôn tính lãnh thổ mà còn hết sức thâm hiểm trong âm mưu Trung Hoa hóa dân ta. Chúng lệnh cho đàn ông Việt Nam phải để tóc dài, phụ nữ Việt Nam phải bó chân, không được mặc váy, phải ăn mặc giống hệt người Trung Quốc. Vậy mà cái khối dân tộc nhỏ bé ở phương nam lúc bấy giờ mới gồm khoảng dăm bảy triệu người đã không chỉ nhiều lần "đánh một trận sạch sạch kình ngạc", làm bật vĩa Bắc Triều, mà còn kiên cường chiến thắng âm mưu đồng hóa của người Tàu. Về vấn đề này, học giả Hoàng Văn Chí có kể câu chuyện sau:

Một chính khách Nhật Bản tên là Ki Tsuyoshi nhân bữa tiệc thiết đãi Tôn Dật Tiên tại Tokyo vào năm 1911, bất ngờ nêu câu hỏi: "Ông nghĩ gì về người Việt Nam?". Tôn Dật Tiên đáp: "Người Việt Nam về bản chất là người nô lệ. Họ đã từng bị chúng tôi cai trị, bây giờ bị người Pháp cai trị... Họ không thể có một tương lai sáng sủa cho lắm". Tsuyoshi khoát tay: "Tôi không đồng ý với ông về điểm này. Tuy hiện nay chưa độc lập nhưng họ là bộ tộc duy nhất trong số các bộ tộc Bách Việt chống lại quá trình Hán hóa thành công. Một dân tộc như thế sớm muộn gì cũng giành được độc lập".

Thật vậy, trong khi tất cả các bộ tộc ban đầu sống ở phía nam sông Dương Tử đều bị người Hán đồng hóa một cách dễ

dàng thì người Việt Nam là một ngoại lệ độc nhất vô nhị.

Ảnh hưởng sâu đậm nhất chi phối nền chính trị-văn hóa-xã hội Việt Nam mà người Trung Hoa xác lập được là việc truyền bá tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, thực tế không phải là người Trung Hoa đã đồng hóa được Việt Nam bằng Nho giáo mà chính là Việt Nam đã đồng hóa Khổng giáo. Trong khi Khổng tử tuyệt đối hóa "trung thần bất sự nhị quân" thì người Việt Nam sẵn sàng ngả theo tôn chỉ "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Trong khi Khổng tử khẳng định "khắc kỷ phục lễ vi nhân" thì trí thức Việt Nam quả quyết "thiện căn ở tại lòng ta". Vua quan các triều Đinh, Lê, Lý, Trần đều chủ trương "tam giáo đồng nguyên". Thật ra là cha ông ta đã xây dựng riêng cho nước mình một giáo lý tổng hòa tinh chiết từ ba đạo: Phật, Nho, Lão. Vua Trần Nhân Tông sau hai lần đánh bại Nguyên-Mông vào các năm 1285-1288 thì về tọa sơn tại Yên Tử, lập nên dòng tu Trúc Lâm Thiền dung hợp Phật giáo với Khổng giáo.

Những công trình nghiên cứu sâu xa gần đây của học giả hiện đại còn nêu nhiều dẫn chứng cụ thể chứng minh rằng nền văn hóa Việt Nho mới chính là tiền đề khởi thủy cho Khổng giáo. Theo hai sử gia Trung Quốc Vương Đồng Linh và Chu Cốc Thành và một số học giả phương Tây như Eberhard và Eickstedt thì các bộ lạc nông nghiệp có tên là Bách Việt - tổ tiên của dân tộc Việt Nam, Lào, Thái Lan, Miến Điện hiện nay - đã từ phương Tây dọc theo bờ sông Dương Tử tràn sang Trung Quốc từ hàng ngàn năm trước khi các bộ lạc người Hoa men theo bờ sông Hoàng Hà kéo đến. Chính dân Bách Việt đã tạo dựng nên nền văn hóa Việt Nho. Một số nhà nghiên cứu như Kim Định đã xác định rằng tinh thần Việt Nho được cấu thành bởi ba nguyên lý cơ bản: nguyên lý lưỡng nhất, theo đó cái riêng hàm chứa cái chung và số nhiều cũng là đơn nhất, tình là động mà động cũng là tĩnh; nguyên lý nhân chủ, theo đó con người là kết hợp của trời và đất, nên con người là chủ vũ trụ; nguyên lý an vi, theo đó mỗi hành vi con người đều chi phối bởi nội tại chứ không phải do những tác nhân bên ngoài

điều khiển.

Cái thời Bắc thuộc xa xưa ấy đã chìm vào dĩ vãng, hơn nửa thế kỷ cũng đã bỏ lại đằng sau một thời thuộc Pháp. Nhưng suốt mấy thập kỷ gần đây, đất nước lại bị phân chia, nửa này xây dựng chủ nghĩa xã hội, nửa kia theo chủ nghĩa tư bản. Từ 30 tháng 4 năm 1975, đất nước mới thu về một mối. Cũng như non sông đã từng "đứt thoi lại nối, thấp đà lại cao", lịch sử đã "bị cực", rồi sẽ "thái lai". Hy vọng cái cộng đồng 76 triệu người này sớm muộn rồi cũng sẽ tìm được con đường đi tới giàu mạnh, văn minh, tự do, hạnh phúc nhờ cái tinh thần Việt Nam trường tồn. Tinh thần Việt Nam cho ta tự hào và, đương nhiên, cũng cho ta tin tưởng.

Nhưng, phải chăng tinh thần Việt Nam đã và chỉ cần tồn tại với thời gian? Hình như không mấy dân tộc trên Trái Đất phải trả lời với câu hỏi này như chúng ta. Thật vậy, đến nay, ngoài dân Do Thái, chắc chẳng dân tộc nào phải ly tán tha phương khắp hành tinh như dân tộc ta. Cho đến cuối thiên niên kỷ thứ hai, chúng ta không chỉ có 76 triệu mà là 78 triệu người Việt Nam. Trong đó 2 triệu người (2,6% dân số) không được hái chum khế ngọt trên mảnh đất tổ tiên ông bà mình đã từng phá thạch khai sơn mà rải rác ngụ cư trên khắp năm châu, ở chừng 80 nước.

Có ai cảm được giọt nước mắt đồng cảm khi một đêm nào nằm trong vắng lặng, dù giữa choáng lộn những tiện nghi sang trọng, nhưng biết rằng tổ quốc xa lắm lắm - bằng cả cái thăm thẳm dày của hơn sáu ngàn kilômét đường kính Trái Đất, dưới lưng mình - và đọc những vần thơ sau đây:

Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc

Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non

(Cao Tần)

Thế nào rồi chúng ta cũng sẽ quên đi

Quên mà nhớ những khoảng trời lưu lạc

Một nửa đời chấp vạ vẫn so le,

Chân càng đi lòng càng muốn trở về

Hết tuyệt vọng lại điên cuồng hy vọng

Hết còi lên than lại bùng lửa sống

Nhớ mà quên khốc lại cũng như cười...

(Nguyễn Hồi Thủ)

Nỗi hoài niệm quê hương ấy không chỉ mang mang trong các vần thơ mà còn ấp ủ trong nhiều tên sách dày mỏng khác nhau: *Thành phố trong hồi tưởng, Chuyện quê Nam, Chuyện miệt vườn, Cây trái quê mình, Trông vời quê hương, Làng xưa phố cũ, Gành Ráng, Hà Nội những ngày tháng cũ, Xóm cũ, Hà Nội trong mắt tôi, Sông Mỹ sông Việt...* Nỗi hoài niệm quê hương réo rắt trong bao nhiêu bài hát về Sài Gòn: *Sài Gòn áo xanh nón lá, Sài Gòn năm xưa, Sài Gòn niềm nhớ không tên, Sài Gòn bây giờ buồn không em, Khi xa Sài Gòn, Đêm qua mơ thấy Sài Gòn...* Cùng với đầy ắp những hoài niệm đó, nhạc sỹ Phạm Duy đã phổ nhạc cho nhiều bài thơ Hoàng Cầm trong "Hoàng Cầm ca", viết hàng loạt "Rong ca" trên cơ sở thanh âm ngũ cung, tam cung, thất cung. Nhạc sỹ là người đầu tiên đưa nhạc Việt Nam vài đĩa hát la-de. Tháng 12 năm 1988, một nhà xuất bản đĩa hát Pháp đã tung ra thị trường đĩa hát quốc tế la-de *Rêves et Réalités* về nhạc cổ truyền Việt Nam.

Tôi đã từng man mác buồn thương nhớ cùng *Tristesse* của Chopin nhưng những hoài niệm ngổn ngang trong thơ, văn, nhạc, họa... Việt Nam ở nước ngoài thì nhiều khi dỗi dặt tâm tư tôi qua nhiều trạng thái lẫn lộn của nỗi chua xót ngậm ngùi với niềm vui tin óng ánh tự hào. Cái gì đã níu kéo những tâm hồn tha phương mạnh mẽ đến thế? Cái gì thiêng liêng dai dẳng đến độ "dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng" trong mối tương tư hơn cả trai gái tương tư như vậy? Cái gì nung nấu trái tim vọng quốc đến độ bùng bùng khắc khoải dường như không tìm thấy ở đâu hơn nữa?... Rồi đây, nhất định cần những công trình nghiên cứu công phu và nghiêm túc của các học giả uyên thâm về nỗi nhớ quê hương, tổ quốc của con người Việt Nam. Chắc chắn sẽ phát hiện được nhiều nét khác biệt so với những con người thuộc các quốc gia khác, nhưng, điều lý thú hơn là, có lẽ sẽ chứng minh được một cách thuyết phục về độ nồng nàn, sâu lắng khác thường của nó nữa. Phải chăng vì cái mệnh mang xa vắng của bến sông vắng tiếng sáo Trương Chi, cái trầm buồn của tiếng mưa rơi trên những mái tranh thường vọng lời ru "cái cò, cái vạc"... đã thấm đậm vào gien tâm tư của rất nhiều thế hệ truyền nối? Phải chăng vì chữ nhân, chữ nghĩa, chữ tình?... Có tất cả, tất cả, nhưng dứt khoát yếu tố chi phối quyết định phải là cái khí thiêng sông núi,

cái hồn dân tộc, cái tinh thần Việt Nam với sức sống thời gian-không gian rất đặc biệt của nó.

Tôi may mắn có dịp ghé qua nhiều hiệu sách ở Hoa Kỳ. Thật mừng khi thấy có những hiệu sách đầy ắp sách tiếng Việt. Sách nghiên cứu lịch sử có, sách nghiên cứu về đạo có, sách dạy nội trợ có, tiểu thuyết có, thơ có... Xin nêu tên một vài tên sách làm ví dụ: *Cây cỏ Việt Nam* (5 tập) của Phạm Hoàng Độ, *Địa lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa* của Vũ Hữu San, *Tiền tệ Việt Nam* của Phạm Thăng, *Âm nhạc Việt Nam* của Trần Quang Khải, *Sứ điệp Trống Đồng* của Kim Y Phạm Lê Oanh, *Quốc Triều hình luật* của Nguyễn Ngọc Huy, *Hương sắc quê mình* của Lăng Nhân, *Thờ cúng và lễ bái* của Thăng Hoan; *Dấu vết văn hóa Việt trên đường Bắc Mỹ* của Phạm Quốc Bảo v.v... Tất cả đều in bằng giấy rất tốt, nhiều cuốn bìa đẹp, trang trọng. Bìa sách nói chung không đến nỗi lóa lờ như sách ở nhà thời kỳ mấy năm trước đây. Còn một điều ghi nhận nữa làm tôi thấy yên lòng là sách tiếng Việt cho các em thiếu niên và nhi đồng cũng không đến nỗi quá ít.

Bài thơ sau đây không chỉ làm tôi quý mến:

In my heart

I looked into my heart and saw

The daylight

How it was shining like a shooting star

I broke the day and saw the night

How the moon had stars all around it

And how the stars were surrounded

by

Angels from heaven

I looked under the night

And I saw something very valuable

My family.

Tôi thật sự khâm phục em bé Việt Nam mà làm được một bài thơ tiếng Anh hay đến thế. Cháu tên là Như Kha, con một gia đình trí thức Việt Nam ở Washington DC. Bài thơ này cháu làm lúc 8 tuổi. Tôi sẽ càng vui sướng bội phần nếu bản chuyển ngữ sau đây cũng chính là của cháu:

Trong trái tim em

Nhìn tìm thấy nắng rõ ràng

Như sao băng vút dặm vàng xa xa

Em ngồi đập vỗ ngày ra

Thấy đêm sao nở hằng hà quanh trăng

Quanh sao bay những thiên thần

Em đưa mắt ngó bần thần dưới đêm

Thấy gì vừa quý vừa êm

Vừa tha thiết quá trong em: gia đình.

Ra nước ngoài nhiều khi nghe thấy một người nói tiếng Việt đã mừng lắm huống chi đọc được những dòng chữ Việt Nam giữa trời đất nước người. Không phải chỉ có những dòng sách báo thôi đâu, cả những biển chữ rất lớn, rất đẹp treo ngang mặt người, treo tận trên cao. Không chỉ ở các thủ phủ của những quận cư người Việt đông đúc như Quận Cam ở California, Houston ở Texas, mà ngay giữa các phố lớn của Washington, Chicago tôi cũng gặp những biển hiệu như thế. Sao nhỉ? Sao giữa đất nước người mà bà con mình cứ ngang nhiên, cứ kiêu hành kẻ thật to những biển chữ: Lạc Hồng, Cửu Long, Diễm xưa... Những lúc ấy tôi chợt nghĩ về những tấm biển treo ngay giữa đường phố Hà Nội, Đà Lạt, Vũng Tàu... mà sao lại cứ phải là *Le Coq d'Or*, là *shop*, là *showroom*...? Báo chí trong nước cũng có một vài thái độ chưa ổn đối với tiếng Việt. Nhiều danh từ cũng đã quá quen thuộc đối với tuyệt đại đa số đồng bào rồi mà sao lại cứ phải viết trong bài báo tiếng Việt là "*cầu thủ đại hội đã fair play*", là "*các fan cuồng nhiệt*"... Nói viên thuốc, hộp sữa quá hạn thì ai cũng hiểu. Cùng lắm nói "*quá đắt*" cũng được, can chi phải viết thành "*quá date*". Nhiều từ nước ngoài đã được Việt hóa lâu đời nên cứ mặc nhiên xem nó là tiếng Việt đi, có sao đâu. Chắc chẳng ai thấy cần chính xác hóa lại bằng cách viết xà phòng thành *savon*, bít tết thành *beefsteak*. Thật thích thú khi nghe người nước ngoài sử dụng trực tiếp các từ ngữ: *phở, cái non, ao dai*... trong câu nói của mình. Hẳn là họ sẽ cũng phải phiên âm trực tiếp những từ ngữ trên bằng tiếng nước mình khi viết.

Ta có diễm phúc rất lớn là có được Chữ Quốc Ngữ. Diễm phúc này không phải quốc gia nào, dân tộc nào vùng có. Ngay cả Mỹ. Hơn thế nữa, nhiều nhà ngôn ngữ học quốc tế lại còn lấy làm lạ rằng, vì sao trong cái bát quái trận đồ chữ tượng hình tượng ý khối vuông ở Châu Á và hệ chữ khoa đầu (sanskrit) ở Đông Nam Á lại chỉ có Việt Nam khôn ngoan biết dùng tự mẫu La tinh? Nhà văn Hoàng Tiến trong công trình nghiên cứu *Chữ Quốc Ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ 20* đánh giá rằng: "*Cho nên người Việt Nam chuyển được sang hệ thống ghi âm bằng mẫu tự la tinh, thật là một đại hạnh cho dân tộc... Điều mà nhiều nước muốn làm nhưng không được*".

Ông cho rằng "du nhập một thứ chữ từ bên ngoài, biến nó thành thứ chữ của chính mình, để tự khẳng định và chống lệ thuộc, đó là trường hợp chữ Nôm xưa kia và chữ quốc ngữ hiện nay".

Đáng vui mừng lắm chứ! Đáng tự hào lắm chứ! Phát minh ta Chữ Quốc Ngữ, đấu tranh cho sự sinh tồn và phát triển không ngừng của Chữ Quốc Ngữ qua suốt chiều dài lịch sử, vượt lên hết năm châu bốn biển cùng tất cả các cộng đồng người Việt là biểu hiện trí thông minh trác việt, lòng tự tôn xứng đáng, sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam, của tinh thần Việt Nam.

Một hôm, tôi được mời ăn tối tại gia đình một trí thức Việt kiều. Cảm giác ám cúng đầu tiên khi tôi bước vào ngôi biệt thự có cây tường vi, cây đại trước cửa, có mùi hương trầm lan tỏa từ đầu tầng trên là các cháu nhỏ không bắt tay tôi mà khoanh tay cúi chào thật lễ phép. Bữa ăn kéo đến quá khuya khi tôi chợt phát hiện các cháu thuộc khá nhiều ca dao Việt Nam. Đến nỗi khi tôi đánh đố, xuống tên "Gánh vàng đi đổ sông Ngô" thì có cháu đọc nối được "Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Tương". Thì ra các cháu vẫn trau dồi Việt văn ở nhà và ở trường. Nơi cháu học có tới 1.000 học sinh tuổi từ 5 đến 20. Ở San Jose, ngoài Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang còn có trường Rạng Đông dạy tiếng Việt từ vô lòng đến hết bậc tiểu học. Trường này khai giảng từ cuối 1995.

Tại nam California, nơi quần tụ của khoảng 300.000 người Việt Nam thì có tới 52 trường dạy Việt ngữ. Ở Los Angeles có 17 trường, Quận Cam có 22 trường, quận San Diego có 7, quận Riverside có 3, quận San Bernadino 2, quận Ventura 1. Số thầy tham gia giảng dạy là 733. Tổng số học sinh là 6.929 em (số thống kê năm 1996).

Ở tiểu bang Hawaii chương trình dạy Việt ngữ được chính quyền tiểu bang hỗ trợ thông qua chính sách Bảo tồn khả năng ngoại ngữ Á Châu và Thái Bình Dương. Từ năm 1996, các em học Việt ngữ đạt điểm thi cũng được cấp tín chỉ như đối với các môn học chính quy khác.

Ở Pháp, nơi đã có một cộng đồng người Việt định cư tương đối lâu đời, Việt ngữ được Bộ Giáo Dục Pháp công nhận là sinh ngữ phụ trong các kỳ thi tú tài hoặc trong các kỳ thi tuyển vào các trường đại học lớn.

Số người Việt Nam sinh sống ở Nhật có khoảng 7.000, một phần tập trung ở

hai thành phố lớn Tokyo và Osaka, phần còn lại phân tán ở các địa phương dọc bờ biển Đông của Nhật từ bắc xuống nam. Hoàn cảnh xã hội tại đây rất không thuận lợi đối với việc duy trì tiếng Việt. Mặc dầu vậy, từ năm 1989 Trung Tâm Việt Ngữ mang tên nhà cách mạng Việt Nam nổi tiếng ở Nhật, Phan Bội Châu, cũng đã được thành lập do một số trí thức trẻ chủ trương.

Ở Canada, các khóa học hè đặt tên là "Khóa học Văn Học Việt Nam", là "Quê hương mến yêu"... đã được tổ chức vào những năm 1985-1988. Nội dung học ở các khóa này là Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, các tác phẩm văn học chữ Nôm thế kỷ 19, văn thơ yêu nước của Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... Các bài giảng còn đề cập đến những tư tưởng có ảnh hưởng đến xã hội và văn chương Việt Nam như Nho, Phật, Lão giáo. Từ chỗ xúc tiến các lớp lễ tế của các chùa, các Hội Tiếng Việt, đến nay cộng đồng người Việt ở Canada đã vận động để ngôn ngữ Việt Nam được chính phủ sở tại công nhận chính thức và được xếp ngang hàng với tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha. Nhờ đó nhiều lớp dạy tiếng Việt đã được Bộ Giáo Dục Canada trực tiếp tổ chức cho các em học sinh trung học từ lớp 10 đến lớp 12. Môn khóa học, học sinh được cấp một tín chỉ tương đương với tín chỉ toán, vật lý, địa lý... trong chương trình học của các em.

Trong các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, cộng đồng ở Úc có tổ chức khá chính quy và chặt chẽ. Tại đây đã sớm hình thành những ban đại diện cộng đồng thuần nhất cấp tiểu bang, cấp lãnh thổ, cho tới tận cấp liên bang thống nhất theo một hệ thống dọc. Ban Chấp Hành Cộng Đồng Úc Châu Toàn Liên Bang cứ hai năm lại mở đại hội và được bầu lại. Tại hai thành phố lớn Sydney và Melbourne có đến 6 nghị viên Hội Đồng Địa Phương là người Việt Nam. Trong đó có một người là thị trưởng và một phó thị trưởng là nữ. Có người làm giám đốc hệ thống phát thanh đặc biệt (SBS Radio), có người là chủ tịch Hội Đồng Sắc Tộc Sự Vụ Bang. Có lẽ vì có tổ chức chặt chẽ, lại có nhiều nhân vật tham gia lãnh đạo chính quyền sở tại nên tiếng Việt ở Úc cũng trở nên có thể. Từ năm 1986, hầu hết các trường đại học Úc Châu đã tích cực giới thiệu Việt ngữ như một môn học chính trong chương trình Cử nhân và Thạc sỹ. Đi tiên phong là South Australian College

in Advanced Education, tiếp theo là Victoria College (nay là Dean University), v.v... Năm 1991, Viện Đại Học Kỹ Thuật Hoàng Gia Melbourne (RMIT) bắt đầu mở thêm các môn về văn hóa và lịch sử nền văn minh Việt Nam ở cấp cử nhân. Ngoài ra, Viện Đại Học này còn mở thêm ngành Đông Dương Học, trong đó bộ môn Việt Nam hàm chứa các nội dung giảng dạy và nghiên cứu nhiều lĩnh vực như: lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế, triết học, văn học... Việt Nam. Các môn này được giảng dạy hoặc bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng Việt ở cấp cử nhân và cao học. Từ năm 1996, trường đại học Melbourne còn liên kết với trường đại học RMIT tổ chức các khóa học về ngôn ngữ và văn học Việt Nam. Sinh viên Melbourne được gửi đến RMIT hoặc các giáo sư RMIT thường kỳ được mời sang đại học Melbourne để giảng dạy về Việt Nam học. Ngay từ 1981, trường đại học RMIT đã liên tục xuất bản "Tập san nghiên cứu Việt Nam" bằng tiếng Anh.

Cộng đồng người Việt ở Úc có khoảng 130.000 người, là cộng đồng sắc tộc có dân số đông thứ tư tại Úc, sau cộng đồng Italia (có 255.000 người), Nam Tư (có 160.000 người), Hy Lạp (có 135.000 người). Mặc dù dân số không đông, lại là một cộng đồng sắc tộc hình thành muộn nhưng sau quá trình vận động kiên trì và rất vất vả, đồng bào ta ở đây đã đạt được một thành tích rất đáng ca ngợi là Việt ngữ đã được chính quyền sở tại công nhận như một sinh ngữ chính thức, được giảng dạy ở cấp tiểu học và trung học tại các bang Nam Úc, Victoria và New South Wayles.

Ngoài những hoạt động tích cực cổ vũ cho việc học tập và củng cố tiếng Việt, cộng đồng Việt Nam Liên Bang Úc Châu cứ định kỳ hai năm lại tổ chức Đại Hội Văn Hóa Giáo Dục Toàn Liên Bang. Địa điểm đại hội được bố trí luân phiên qua các bang. Đại hội lần thứ nhất diễn ra tại Nam Úc vào năm 1988, đại hội lần thứ hai tại Queensland, đại hội lần thứ ba tại New South Wayles, đại hội lần thứ tư mang chủ đề "Tuổi trẻ Việt Nam và văn hóa dân tộc" được tổ chức tại bang Victoria...

Nhiều người khi nghĩ đến các cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài chỉ kỳ vọng vào khả năng đóng góp kinh tế và khoa học, công nghệ. Thật ra đấy chỉ là phần nổi. Còn một phần đóng góp khác lớn lao hơn, đáng trân trọng hơn, mang tầm chiến lược hơn. Chính phần đóng góp này mới

quyết định khả năng huy động có thể trước mắt và sức duy trì ở tương lai những tiềm năng lớn hơn cả những đóng góp kinh tế và khoa học kỹ thuật mà anh ta đang kỳ vọng. Thật vậy, cứ nghĩ mà xem, thời gian trôi đi rất nhanh? Cái ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã cách đây non một phần tư thế kỷ. Nhiều thành viên trong các cộng đồng Việt Nam không còn nhau cất rón trên đất tổ đã trưởng thành. Vài chục năm nữa thì chính con cái họ cũng ở tuổi vị thành niên. Nếu họ không còn biết tiếng Việt, không còn trân trọng nền văn hiến 4.000 năm, không duy trì được bản sắc dân tộc tổ tiên, nếu họ bị Mỹ hóa, Tây hóa, Úc hóa hoàn toàn thì còn có gì để kỳ vọng ở họ hơn những người ngoại quốc? Cho nên ta phải cảm ơn cái tinh thần Việt Nam bền vững, cảm ơn tất cả những ai ý thức được một cách sâu sắc và chủ động đóng góp cho việc duy trì và phát triển cái phần hồn bất diệt này. Ta đã từng gắn những huân chương cao quý, từng dành những lời ngợi ca tuyệt đích cho những công trình đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tất cả những điều ấy, xét cho cùng, mới chỉ biểu hiện thái độ năng niu, trân trọng phần những đóng góp vào sự tăng cường sức sống thời gian của tinh thần Việt Nam. Sao chưa đặt vấn đề suy tôn xứng đáng những cộng đồng, những cá nhân bằng ý chí kiên cường, bằng trái tim nồng nhiệt đã và đang phấn đấu bền bỉ, thầm lặng cho sự trường tồn của sức sống không gian của tinh thần Việt Nam?

Người Nhật sau thảm bại ở chiến tranh thế giới lần thứ hai đã quyết tâm phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật với tâm niệm rằng mỗi chiếc ô tô xuất khẩu sẽ mang được một lá cờ Nhật Bản cắm ở nước ngoài. Sao không kiêu hãnh chính đáng rằng mỗi người Việt Nam đang nói tiếng Việt, đang duy dưỡng văn hóa Việt trong bản thân, trong gia đình, trong cộng đồng mình ở ngoài bờ cõi đều là những lá cờ Việt Nam nhỏ phất bay đâu đó khắp hành tinh Trái Đất.

Sau bao nhiêu cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, sau bao nhiêu mất mát hy sinh, có lẽ trời đất đã đền bù cho ta thêm cái mô-đun không gian giao hòa vào mô-đun thời gian để tăng cường sức sống bội phần cho tinh thần Việt Nam.

Và ta có thể tự hào tung hô "Tinh thần Việt Nam muôn năm!".

Nguyễn Thanh Giang (Hà Nội)

Dân chủ đa nguyên

Nguyễn Văn Hòa

LTS: Nguyễn Văn Hòa là một trí thức trẻ lớn lên trong chế độ cộng sản. Hiện tị nạn tại Đức và sinh hoạt trong nhóm Thiện chí.

Dân chủ, có hay chưa ở Việt Nam?

Đại đa số những người ở hải ngoại, từng được sống trong xã hội dân chủ, sẽ khẳng định là chưa.

Những người cộng sản mác-xít lê-nít đang cầm quyền hoặc những người gắn bó mật thiết với đặc quyền đặc lợi ở trong nước thì lại nói có, không những thế mà còn "gấp triệu lần" dân chủ trong xã hội tư bản và các nước phương Tây. Ngay cả trong thời kỳ này khi mà hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hoàn toàn sụp đổ, bởi chính lực lượng dân chủ ở các nước đó, thì bộ máy tuyên truyền ở Việt Nam vẫn quen miệng chê bai, mắng mỏ thiên hạ "thiếu dân chủ" và "có ác ý" chống phá nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mưu đồ thực hiện "diễn biến hòa bình".

Một số người không khẳng định hay chưa khẳng định, nhưng gián tiếp cho rằng có song chưa đủ, chưa mạnh, họ đòi hỏi chính quyền phải "mở rộng dân chủ", phải "thực hiện mạnh mẽ dân chủ".

Phần còn lại, chiếm hầu hết người dân trong nước, thờ ơ với dân chủ do phải lo toan làm ăn kinh tế, tránh xa chính trị và ngay cả dân chủ là cái gì họ cũng chẳng cần tìm hiểu, hoặc không được phép tìm hiểu. Những từ nghe lạ tai như "dân chủ nhân dân", "bàn bạc dân chủ", "dân chủ kiểu Phương Tây", "dân chủ xã hội chủ nghĩa", "tập trung dân chủ", "dân chủ tập trung" v.v... người ta thường thấy trên báo chí trong nước vốn đã nghèo nàn về thông tin mà còn đầy rẫy những ngoa từ, hư từ chung chung, thật giả lẫn lộn nhằm dụng ý tuyên truyền một phía, ca ngợi chế độ. Nguyên nhân có hiện tượng trên một phần là do trình độ dân trí còn thấp nhưng phần khác còn do đứng ở các góc cạnh và quyền lợi khác nhau, cũng có khi bị thói quen nhìn qua lăng kính ý thức hệ độc tài hoặc cực đoan mà thành.

Dân chủ chuyên chở nhiều nội dung và giá trị quan trọng của nhân loại. Muốn làm sáng tỏ vấn đề trên cần phải căn cứ vào lý luận, không thể dùng cảm tính, thiếu khách quan làm mất đi tính thuyết phục vốn đã có sẵn của dân chủ.

Dân chủ, từ lý luận đến thực tiễn

Dân chủ là gì? Dân chủ được định nghĩa là mô hình tổ chức và hoạt động nhà nước nhằm đáp ứng mọi nguyện vọng và mong muốn của nhân dân.

Rõ ràng chính thể nhà nước dân chủ phải thể hiện trách nhiệm rất lớn cùng sự năng động, tỉnh táo, nhạy bén và hiệu quả cao nhất đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Khác với chính thể dân chủ, nhà nước cộng sản nói chung và cộng sản Việt Nam nói riêng, luôn tuyên truyền là nhà nước "của dân, do dân và vì dân", nhưng thực tế những người lãnh đạo chưa có thói quen lắng nghe ý kiến của dân, nguyện vọng của dân như thế nào. Quyền lực là ma lực cuốn hút họ. Nhà nước cộng sản là chính thể cai trị bằng vũ lực và mệnh lệnh. Có nghĩa là cấp dưới phải tuyệt đối phục tùng cấp trên, nhân dân phải tuyệt đối chấp hành đường lối của đảng cộng sản và nhà nước, mọi ý kiến phê phán đều bị quy kết là chống đảng, chống nhà nước.

Ngày nay dân chủ là chính thể được công nhận về mặt lý luận có giá trị nhất của nhân loại trên trái đất. Trải qua hơn ba trăm năm hình thành và phát triển nhà nước dân chủ loài người đã có đủ thời gian kiểm chứng tính ưu việt của mô hình tổ chức và quản lý đó. Thông thường đã là cái có giá trị thì hay có cái giả xuất hiện đi kèm, mà cái càng có giá trị thì mức độ tinh vi của cái giả càng cao. Bốn yếu tố cơ bản (4 điều kiện nhận diện) sau đây là những điều kiện thực tiễn chính trị của một quốc gia dân chủ thực sự:

1. Quyền làm chủ của nhân dân:

Nhà nước phải chịu trách nhiệm trước quốc hội hay qua bầu cử tổng thống. Chính quyền phải xuất phát từ bầu cử tự do và lấy sự tín nhiệm của quốc dân làm nền tảng chính đáng. Thực tế ở Việt Nam, nhà nước tạo lên quyền lực cho đảng cộng sản, mà quốc hội "đảng cử dân bầu" là nơi "rửa" một cách hợp pháp quyền lực đó. Giống như các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước kia, hiến pháp của Việt Nam qui định quốc hội là tổ chức dân cử và là cơ quan quyền lực cao nhất. Nhưng

thực chất nơi có quyền lực cao nhất trong chính thể nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phải quốc hội mà tập trung ở một nhóm người trong bộ chính trị. Thành phần đại biểu quốc hội trước kia 100% là đảng viên cộng sản, ngày nay trước sức ép của dư luận con số đó giảm xuống còn 80-90%. Quốc hội hầu như chỉ làm chức năng thông qua chiếu lệ các nghị quyết, quyết định của đảng cầm quyền.

2. Tự do công nhận nhân cách và tự do của công dân: Tự do còn đồng nghĩa với không bị ràng buộc, trói buộc. Tự do ở Việt Nam được qui định không thành văn là thứ tự do trong khuôn khổ, mọi thứ như đã được định sẵn từ trên xuống dưới. Người dân không có quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng (duy nhất chỉ được tôn thờ đảng cộng sản và Hồ Chí Minh là thần thánh), v.v... Mọi người dân chỉ được phép nói những gì đảng nói trên báo đảng và theo tinh thần đường lối, chính sách của đảng và nhà nước. Cả dân tộc Việt Nam như chìm đắm trong "môi trường thói miên" dưới đũa thần tà giáo. Duy nhất chỉ có những người lãnh đạo trong bộ máy cầm quyền là được phép tự do hành động và phát ngôn một cách tùy thích. Từ chính sách đề nên tự do trong nhiều thập kỷ qua, ngày nay ở Việt Nam sự phản kháng đòi tự do và nhân quyền đang là một bức xúc đáng quan tâm.

3. Bình đẳng: Sự đối xử công bằng tuyệt đối với tất cả công dân qua hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mọi người sinh ra đều bình đẳng, đặc biệt là bình đẳng trước pháp luật. Không có bất cứ cá nhân hay tổ chức nào đứng ngoài pháp luật. Nhưng ở Việt Nam đã có ngoại lệ, đảng cộng sản Việt Nam tự cho mình quyền lãnh đạo chỉ huy toàn diện, tuyệt đối toàn bộ vận mệnh và đời sống xã hội, đặt tổ chức đảng đứng ngoài pháp luật. Hệ thống pháp luật còn để rất nhiều lỗ hổng để đồng tiền xâm thực và không với tới được những kẻ lãnh đạo chớp bu. Với luận điệu "giữ uy tín cho đảng" và "bảo vệ lãnh tụ", luật pháp chỉ có thể "đánh từ vai trở xuống".

4. Luật pháp hóa nhà nước: công nhận sự bình đẳng của công lý là sự cấu thành cho lập pháp, hành pháp và tư pháp, nghĩa là như cách nói ở Việt Nam, đảm bảo tam quyền phân lập. Hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp ở Việt Nam không được chấp nhận sự bình đẳng của công lý. Hệ thống ấy tồn tại với chức năng "chuyên chính cách mạng" của đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chính từ

khuyết tật ngay từ khi thai nghén nên hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp ấy bị tha hóa trước sự xâm thực của uy lực đồng tiền.

Đến đây chúng ta hoàn toàn có cơ sở kết luận rằng ở Việt Nam cái mà người ta gọi là cái "dân chủ gấp triệu lần" thực ra chỉ là lớp sơn giả quét lên một chế độ độc tài mang màu sắc của xã hội đen. Bản chất chính thể cộng sản Việt Nam không có một điều kiện nào chúng tỏ thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

Thế kỷ 20 chứng kiến một cú lừa lịch sử và vi đại. Hơn một phần ba nhân loại hoài vọng vào một chế độ "dân chủ gấp triệu lần" dẫn đến thiên đường cộng sản. Nhưng đó chỉ dẫn đến "thiên đường mù" vì chế độ ấy là giả trăm phần trăm. Cho đến năm 1990, một bộ phận nhân dân ở Đông Âu đã phản tỉnh. Nhưng tiếc thay nhân dân Việt Nam còn chìm đắm trong mê lộ của đảng cộng sản Việt Nam.

Dân chủ, xa xỉ hay cần thiết?

Mâu thuẫn và bất công là thuộc tính cố hữu phát sinh trong mỗi cộng đồng nhân loại. Người lãnh đạo giỏi là người biết giải tỏa những thuộc tính ấy trong quốc gia của mình, không để mâu thuẫn chồng chất mâu thuẫn, bất công nối tiếp bất công. Giải quyết mâu thuẫn bất công cho một nhóm nhỏ đã khó, cho cả quốc gia hàng chục triệu người càng khó gấp triệu lần. Như thế vẫn chưa đủ, việc xây dựng một chính thể nhà nước biết tổ chức khắc phục tận gốc những nguyên nhân tạo nên mâu thuẫn và bất công cho mọi thành viên trong xã hội là một chiến lược vô cùng quan trọng. Mô hình dân chủ ra đời chính vì lẽ đó. Tình hình xã hội Việt Nam hiện nay mâu thuẫn, bất công chồng chất như núi, tích tụ từ hàng chục năm nay và chính quyền cộng sản Việt Nam không chứng tỏ có khả năng giải quyết được. Quả bom mâu thuẫn - bất công đang có nguy cơ đe dọa bùng nổ khi áp lực vượt quá giới hạn. Vậy thì không thể nói rằng dân chủ đối với Việt Nam là "đồ xa xỉ" được. Càng không thể nói "dân trí của ta còn thấp" chưa thể áp dụng dân chủ. Đã là con người ai cũng có những ước mơ, nguyện vọng chính đáng cho mình. "Dân trí thấp" có ước mơ, nguyện vọng ở mức bình thường, "dân trí cao" thì ước mơ, nguyện vọng ở mức tương xứng trong xã hội phát triển. Có lẽ nào lãnh đạo trong các quốc gia "dân trí thấp" lại hành xử như các ông vua bắt nhân dân phải lựa xem những người có chức có quyền cần cái gì, muốn cái gì ở họ.

Thật là một nghịch lý trong thế kỷ 20 và càng lộ bịch khi điều này còn xảy ra trong thế kỷ 21.

Dân chủ kiểu anh hay kiểu tôi?

Ở nhiều quốc gia, đặc biệt trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa cũ, vấn đề nhân quyền luôn cộm lên như người bạn đồng hành bất đắc dĩ trong việc duy trì quyền lực cá nhân và của bộ máy lãnh đạo. Đây là thực tế không thể chối cãi và là mối lo ngại cho những người lãnh đạo ở Việt Nam. Chính họ đã nhận thấy "khi các nước Phương Tây dùng ngọn cờ nhân quyền để tiến công chủ nghĩa xã hội, các nước xã hội chủ nghĩa thường tỏ ra lúng túng, bị động, chỉ đối phó khi bị công kích, đánh đầu đồ đầy...". Việc tìm cách bôi nhọ "dân chủ Phương Tây" vì đã tiến công vào "dân chủ xã hội chủ nghĩa" là lá bài của bộ máy tuyên truyền ở Việt Nam.

Mỗi quốc gia có những hình thái và điều kiện khác nhau về các mặt văn hóa, giáo dục, kinh tế, quan hệ xã hội, tập quán, tôn giáo. Do vậy, việc đưa mô hình tổ chức và hoạt động kiểu nhà nước dân chủ vào từng quốc gia sẽ bị ảnh hưởng phần nào của những hình thái và điều kiện nói trên. Song dù thế nào chăng nữa, nếu là nhà nước dân chủ, thì tất nhiên phải thỏa mãn đầy đủ 4 điều kiện cơ bản của dân chủ. Đó là chuẩn mực để đánh giá thật giả, không thể nói bừa rằng "dân chủ kiểu nhà tôi" khác với "dân chủ kiểu nhà anh" được. Chẳng khác gì một kiểu ngụy biện, lừa bịp.

Dân chủ là một mô hình tổ chức và quản lý nhà nước có giá trị của nhân loại trong hiện tại cũng như trong tương lai nhất định. Việc vận dụng mô hình ấy vào mỗi quốc gia như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất là một vấn đề cần xem xét trên nhiều bình diện và đặc thù của mỗi quốc gia. Hiệu quả cao nhất ở đây chỉ có thể hiểu là đáp ứng mọi nguyện vọng và yêu cầu chính đáng của đông đảo quần chúng nhân dân và quyền lợi cũng như lợi ích của cả dân tộc.

Dân chủ đa nguyên trong xã hội hiện đại

Khi khảo sát về dân chủ, ta có thể rút ra nhận xét, mô hình dân chủ mới chỉ giải quyết chủ yếu về quan hệ dọc. Trong xã hội hiện đại với sự phát triển của kỹ nguyên tin học, những mối quan hệ ngang ngày càng phong phú và đa dạng. Bức tranh xã hội chỉ có thể phản ánh đầy đủ chỉ

khi giải quyết trọn vẹn toàn bộ các quan hệ ngang dọc và ngược lại, từ mối quan hệ ngang dọc mới tạo lên đủ độ cứng rắn cần thiết cho bức tranh xã hội hiện đại. Từ cơ sở lý luận trên, dân chủ đa nguyên hình thành đảm bảo sự chắc chắn về lý luận và thực tiễn của mô hình tổ chức và quản lý xã hội hiện đại.

Đa nguyên luận là thuyết tôn trọng nhiều luận điểm, nhiều cách đặt và tiếp cận vấn đề khác nhau. Tôn trọng sự tồn tại thực tiễn khách quan cũng là một sự khách quan. Trong thế giới loài người, mọi người cảm nhận nhân sinh quan và thế giới quan một cách khác nhau. Tôn trọng những tập hợp thế giới quan và nhân sinh quan này và những tập hợp thế giới quan và nhân sinh quan kia chính là tôn trọng tính đa nguyên trong một xã hội đa dạng. Từ trong môi trường đa nguyên ấy, tạo lên sự đấu tranh cọ sát tự nhiên, lành mạnh để rồi cái đúng, cái tiến bộ tồn tại và cái sai, cái lạc hậu bị loại bỏ.

Chính vì lẽ đó, dân chủ đa nguyên là một mô hình kiểu mẫu trong thời đại ngày nay của nhân loại. Mô hình này tạo lên sự phát triển tự nhiên và lành mạnh của xã hội. Dân chủ đa nguyên phát huy tối đa khả năng vốn có của con người trong xã hội để nó nảy sinh và phát triển, tạo nên môi trường làm chủ xã hội của thành viên trong đó. Đồng thời dân chủ đa nguyên loại trừ mọi khả năng mầm mống độc tài và những mâu thuẫn đối kháng trong xã hội.

Dân chủ đa nguyên là tài sản trí tuệ rút ra từ quá trình đấu tranh và phát triển của xã hội loài người. Hiểu nó và vận dụng như thế nào lại là chuyện khác nhưng cũng vô cùng quan trọng. Đó là trách nhiệm của mỗi người, không loại trừ ai.

Chế độ độc tài cộng sản trong nước độc quyền lãnh đạo, lại muốn độc quyền cả trách nhiệm lo lắng cho tương lai dân tộc. Đảng cộng sản Việt Nam sợ sẽ mất quyền lực trong chế độ dân chủ đa nguyên. Thế nhưng không ai có thể quay ngược bánh xe lịch sử được. Chúng ta hoàn toàn tin dân chủ đa nguyên sẽ là hiện thực ở Việt Nam. Chế độ độc tài đảng trị của đảng cộng sản Việt Nam sẽ sụp đổ trong tương lai. Tương lai ấy là bao lâu nữa hoàn toàn phụ thuộc vào nỗ lực tranh đấu của lực lượng dân chủ ở trong và ngoài nước.

Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ dân chủ đa nguyên ở Việt nam!

Nguyễn Văn Hòa

Tạp ghi

Một vài ý kiến về khai phá tư tưởng

Khi bàn về "Những đề tài về cá tính miền Nam", Sơn Nam cho rằng: "*Chúng ta cần nghiên cứu, tìm hiểu vì vấn đề chưa được giải đáp thỏa mãn. Vì chưa thỏa mãn nên còn tranh luận với nhau, tranh luận vì thiếu sót tài liệu, thiếu vài bằng cứ nào đó. Bởi vậy, những bài nghiên cứu vẫn phải viết theo kiểu 'nhặt báo' (journalistique), lối hành văn này có thể 'cường tự đoạt lý', kết luận hơi sớm, nhìn phiến diện hoặc đưa ra giả thuyết trước rồi trưng bày tài liệu sau, hoặc dùng một tài liệu yếu kém, chưa đáng tin cậy để suy diễn mệnh mông.*

Chúng tôi thấy nhiều học giả Mỹ vẫn dùng lối văn này, nhờ vậy mà họ gây được không khí học hỏi và tranh luận (như David Riesman, C. Wright Mills, H. Marcuse)" (1).

Nhiều người cho rằng viết theo lối "cường tự đoạt lý" thì chẳng có gì khác cách viết của những người lãnh đạo trong các chế độ độc tài hay cộng sản: họ luôn luôn tùy tiện viết cho đúng với lý thuyết, với ý thức hệ của họ.

Thật ra, khác nhau nhiều lắm.

Trong các chế độ độc tài hay cộng sản, đằng sau những từ ngữ, câu nói, bài viết là những nhà tù, những họng súng, chứ không phải là những cuộc tranh luận. Trong các chế độ đó, mọi người phải chấp nhận và phục tùng ý kiến của một số người, những người cầm quyền, nếu không muốn bị thủ tiêu hay đầy đọa. Không có ai có quyền đi tìm kiếm sự thật, biện minh cho sự thật; và khả năng tìm kiếm sự thật cũng rất hạn hẹp vì thiếu tài liệu và nhân chứng.

Trái lại, tại các nước tự do dân chủ thì mọi người đều có quyền phát biểu ý kiến của mình, không ai có quyền cũng như có khả năng ép buộc người khác đồng ý với mình. Tại các nước này, đằng sau những câu nói, bài viết là những cuộc tranh luận, nếu chúng xứng đáng để bàn và có những vấn đề để bàn đến. Nhờ những cuộc tranh luận mà dân trí được mở mang, những bế tắc được khai thông. Và, như Sơn Nam nhận định, lối viết "*cường tự đoạt lý*", tại các nơi chấp nhận luật chơi dân chủ, gây được không khí học hỏi và tranh luận.

Nhiều người cho rằng cần phải tránh những cuộc tranh luận để đoàn kết. Nhưng

"không tranh luận" không phải là một điều kiện để đoàn kết. Và tranh luận cũng không làm mất đi tinh thần đoàn kết, nếu tranh luận trong tinh thần tìm kiếm sự thật. Thật ra, chúng ta không đoàn kết là vì chúng ta ngại tranh luận. Vì không tranh luận nên chúng ta không thật sự hiểu nhau, và do đó không thật sự tin nhau. Chúng ta không nên vì chán ghét những cuộc tranh luận nhằm bôi nhọ, phỉ báng cá nhân mà bác bỏ luôn những cuộc tranh luận nhằm soi sáng những vấn đề của đất nước. Chúng ta nên kết án những cuộc tranh luận với mục đích thấp kém và đề cao những cuộc tranh luận với mục đích cao cả.

Nhiều người cũng cho rằng làm chính trị cần phải dè dặt và thận trọng để được mọi người quý mến. Ai cũng muốn có nhiều người quý mến mình, nhất là những người chính trị dân chủ; vì quần chúng không thích thì sẽ không ủng hộ.

Nhưng bốn phận cao cả của người làm chính trị là phải nói lên những điều mà chính họ thấy có lợi cho đất nước, dù biết rằng sẽ đụng chạm đến một số người hay là trái ngược với cả dư luận. Đó là một thái độ can đảm chính trị, như Jean-Francois Deniau đã định nghĩa: "*Can đảm trong chính trị là dám nói những gì mình nghĩ trước người khác, và hay hơn người khác, ngược lại dư luận đương thời.*" (2).

Một tâm lý đáng lo ngại hiện nay là chờ đợi sự thay đổi từ bên trong chế độ cộng sản. Nhiều người, trong đó có những vị lão thành mà tôi rất quý mến, cho rằng, hay hy vọng rằng, những người sẽ thay thế những người lãnh đạo quốc gia hiện nay đang còn trẻ, được đi nước ngoài nhiều, hiểu biết về dân chủ nhiều hơn thế hệ trước và do đó sẽ dễ dàng chấp nhận dân chủ. Tuy nhiên có hai câu hỏi: Cho đến bao giờ thế hệ "trẻ" này sẽ được nắm quyền? Và có gì bảo đảm là họ sẽ từ bỏ những đặc quyền, kể cả mất quyền lãnh đạo, để chấp nhận dân chủ? Phải chăng những hy vọng trên phát xuất từ niềm thất vọng về đối lập dân chủ hiện nay?

Thật ra chúng ta có nhiều lý do để lạc quan.

Làm chính trị trước hết là phải cố gắng nhận định đúng những vấn đề của đất nước, kể đến là đầu tư suy nghĩ để đưa ra một dự án nhằm giải quyết những vấn đề đó, và sau cùng là tìm cách thuyết phục người dân chấp nhận dự án đó.

Đối lập dân chủ đã đi qua hai giai đoạn đầu. Giai đoạn thứ ba cũng có rất nhiều cơ may thành công. Dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, phát triển đất nước trên nền tảng kinh tế thị trường và sáng kiến cá nhân đã là một đồng thuận của đại khối dân tộc. Phương thức đấu tranh bất bạo động đã được hầu hết mọi người chấp nhận. Đối lập dân chủ hiện nay chưa lớn mạnh là do chúng ta thiếu niềm tin. Chúng ta vẫn chưa thật sự tin tưởng vào sức mạnh của tư tưởng và lòng dân, dù đã chứng kiến những gì đã xảy ra tại các nước Đông Âu. Đây là một vấn đề tâm lý và văn hóa.

Văn hóa là nền tảng của quốc gia. Văn hóa cao thì quốc gia tiến bộ, văn hóa thấp thì quốc gia lạc hậu. Nghĩ cho cùng, những nhà tư tưởng mới chính là những nhà lãnh đạo quốc gia. Phần đông những nhà chính trị chỉ là những kẻ thừa hành. Họ lèo lái quốc gia theo những hướng đi do những nhà tư tưởng đã vạch ra. Chỉ trong một vài bối cảnh đặc biệt, một số chính trị gia phải đảm nhận vai trò tư tưởng, vì đất nước thiếu vắng những nhà tư tưởng.

Thành công trong chính trường rất khó, nó đòi hỏi phải có khả năng chuyên môn chính trị cao. Thành công trong lãnh vực tư tưởng còn khó hơn, nó đòi hỏi phải trông xa thấy rộng, phải có viễn kiến. Thành công trong cả hai lãnh vực tư tưởng và chính trị thì vô cùng khó, ít người đạt được, dù có khả năng chính trị cao và có viễn kiến. Những tư tưởng mới lạ nào cũng đều bị phản đối trong lúc ban đầu, vì nó xúc phạm đến niềm tin, lễ lối suy nghĩ của nhiều người. Đây là một khó khăn mà rất ít người làm chính trị có thể vượt qua. Họ không những bị phản đối từ bên ngoài mà ngay cả bên trong tổ chức. Chỉ có những tổ chức có trình độ cao, có lý tưởng, gắn bó với nhau mới có thể thành công trong cả hai lãnh vực chính trị và tư tưởng.

Vô Xuân Minh

(1): Sơn Nam, *Người Việt có dân tộc tính không*, An Tiêm, 1969, trang 82.

(2): "*Le courage politique est celui d'oser dire avant les aures, et mieux que les autres, contre l'opinion du moment, ce qu'on pense.*" của Jean-Francois Deniau, trong *Ce que je crois*, Bernard Grasset, 1992, trang 68.

Phạm Duy - Người nghệ sĩ tự do

Phổ Tịnh

Phạm Duy là một trong những tên gọi ăn sâu trong trí nhớ người Việt. Mỗi người Việt Nam chúng ta trong năm thập kỷ qua đều khắc ghi hình ảnh Phạm Duy gắn liền vào những kỷ niệm nào đó của đời mình. Hơn năm mươi năm qua, sự có mặt của Phạm Duy đã rất bền bỉ, liên tục. Không như rất nhiều người nhạc sĩ sáng tác khác, ông luôn gây chú ý trong công chúng qua những hoạt động âm nhạc của mình. Có điều thường ít được chú ý: Phạm Duy rất gắn bó với sinh hoạt nghệ thuật đương thời. Ông luôn có mặt trên tiền trường của sinh hoạt âm nhạc Việt trong hơn năm mươi năm qua. Điều này có ý nghĩa gì?

Sinh hoạt văn nghệ cũng như muôn nghìn dạng hoạt động xã hội khác, là tổng hợp từ những sinh hoạt thường ngày của mỗi cá nhân hay một tập thể. Điều kiện sinh hoạt của mỗi cá nhân hay tập thể sẽ quyết định giá trị của những hoạt động của họ. Xã hội phong kiến có những quy định không thành văn về những quyền hạn và vai trò của người nghệ sĩ đối với nó. Chẳng hạn, người nghệ sĩ nho gia phải trọng nghiệp "húy kị" trong khi viết: không được viết những từ kiêng kị trong thời mình sống, tên cúng cơm của vua là một húy kị đầu tiên phải nhớ. Đến cả mục đích sáng tác của người làm văn làm thơ cũng thế, "văn là để chớ đạo lý". Các xã hội chuyên chế độc tài ở thế kỷ XX cũng có những húy kị của chúng. Một húy kị lớn lao của xã hội này là: văn nghệ không phải là để nói về những hạnh phúc và đau khổ của con người bình thường; văn nghệ là để phục vụ chính trị, và tùy mục tiêu chính trị giai đoạn mà có những sáng tác kịp thời để phục vụ phong trào. Khi lãnh đạo cho phép được cởi trói thì tha hồ tự do viết trong khuôn khổ được phép; hề không biết điều, không biết tự chế mà đi quá đà là bị chính trị trừng phạt, nghĩa là tước quyền ăn nói đi. Hoạt động văn nghệ ở đất nước chúng ta ném đủ mùi vị của tình cảnh đáng buồn: nó luôn luôn là một đứa trẻ đại khờ trước những ông hộ pháp ghê gớm là chính trị.

Xã hội Việt Nam bước vào thế kỷ XX hoàn toàn chưa hề được tạo điều kiện để

bảo đảm rằng mọi công dân cùng có ý thức chính trị để đóng góp phần mình vào hoạt động quốc gia. Các chế độ chính trị nối tiếp nhau luôn tìm cách khống chế quyền tự do của công dân, xem như một điều kiện để củng cố quyền lực chính trị của nhà cầm quyền. Chính trị đã đồng nghĩa với quyền lực thống soái. Hệ quả của tình trạng hoạt động văn nghệ ở những xã hội như thế? Xã hội thì bị kìm hãm trong lạc hậu, địa vị người công dân thì nhỏ bé như con ong cái kiến. Trong một xã hội như thế, người nghệ sĩ muốn làm tròn vai trò là một phát ngôn nhân của xã hội thì thật là khó, vì nó đòi hỏi một nỗ lực lớn lao ở người nghệ sĩ: ý thức trách nhiệm với xã hội và sự đảm lược cá nhân. Văn nghệ sĩ và trí thức trong một xã hội như vậy thường bị đẩy vào tình cảnh là họ phải chấp nhận một thứ hợp đồng bất thành văn với tầng lớp chính trị cầm quyền. Họ trở thành những kẻ phục tùng chính trị lãnh đạo kiểu này hay kiểu khác.

Trong hoàn cảnh xã hội - chính trị như thế, người nhạc sĩ sáng tác đứng ở đâu? Ở miền Bắc trước 1975 thì người nhạc sĩ sáng tác chỉ được phép hát về thi đua sản xuất, chống Mĩ cứu nước. Thế thôi. Đi chệch ra khỏi quỹ đạo sáng tác đó là có vấn đề. Sự chỉ huy văn nghệ đã thật là chu đáo, như người cha nghiêm khắc đối với những đứa con thơ. Người nhạc sĩ sáng tác trong xã hội miền Nam trước 1975 xem ra cũng không may mắn hơn. Không khí chính trị luôn luôn có những cơn bão rình rập: chế độ kiểm duyệt và mào lưới mật vụ luôn là những trấn áp những công dân không chịu khuất phục trước đường lối chính sách cai trị của nhà cầm quyền. Người ta đành chọn giải pháp cầu an bằng thứ văn nghệ phi chính trị, vô can với sinh mệnh xã hội lúc nào cũng như khăn trương. Văn nghệ phi chính trị - mà có thời bị gán cho một thuộc từ không mấy dễ chịu: *văn nghệ viễn mơ* - thường lẫn tránh vai trò phát ngôn nhân của xã hội mình đang sống. Xã hội thì chiến tranh tàn phá không thấy chút ánh sáng nào ở cuối đường hầm, con người thì phân hóa, khổ đau. Thế nhưng thống kê các tác phẩm âm nhạc ra đời trong hai mươi năm đó sẽ thấy

nổi lên một chủ đề lớn tuyệt đối: lời rên rỉ của những con người lạc lõng li cách khỏi những vấn đề chung của xã hội. Nhạc là để lẫn trốn vào cái tôi bản chất, để mà rên rỉ.

Phạm Duy cũng như bao nhiêu người khác trong xã hội đó, cũng đã có những bài hát rên xiết về con tim đơn côi rướm máu (*Mùa thu chết, Tình ca mùa thu, Bao giờ biết tương tư, Trả lại em yêu...*), ông cũng từng đêm đi đến các hộp đêm, phòng trà để ca hát quay cuồng mua vui cho khách du hí. Tuy vậy, đó chỉ là một nửa Phạm Duy, con người xã hội của ông phải kiếm cơm áo cho một gia đình đông con, mà ông thì chỉ hoàn toàn lấy ca nhạc làm phương tiện sinh sống, như anh công chức hay anh lính phải làm việc để lĩnh lương, như anh kí giả phải viết lách - thậm chí chữ bới loạn ngôn - để nuôi thân.

Nhưng còn một con người Phạm Duy khác đã từng làm nên những công trình sáng tác lớn lao, những sáng tác mà dù thời gian có qua đi, chúng vẫn ở lại với lòng người Việt Nam, những sáng tác của Phạm Duy vẫn sống trong lòng người. Sáng tác của Phạm Duy xứng đáng làm tiêu biểu cho một thời đại trong lịch sử âm nhạc Việt Nam hiện đại. Cùng thời với ông có không biết bao nhiêu là nhạc sĩ, cơ man những nhạc phẩm ra đời. Nhưng không phải nhạc phẩm nào cũng có thể được thừa nhận là những nhạc phẩm lưu lại trong lòng người những xúc cảm lâu bền.

Con người Phạm Duy trần tục sẽ qua đi, nhưng con người nghệ sĩ Phạm Duy sẽ còn lại qua thời gian. Đó là Phạm Duy của kho tàng tác phẩm đồ sộ vào bậc nhất trong số các nhạc sĩ sáng tác Việt Nam hơn nửa thế kỉ qua. Nhưng lại là một Phạm Duy còn xa lạ với công chúng. Bảo rằng Phạm Duy là một người xa lạ, là một cách nói quá. Nhưng nó phản ánh một sự thực là: người ta không muốn, không chịu tìm đến Phạm Duy và hiểu ông như một người nghệ sĩ tự do.

Người nghệ sĩ tự do là một người dám sống là mình, sống chân thật với những yêu ghét thật của lòng mình. Khi sáng tác, người nghệ sĩ tự do dám sống thật với cuộc sống chung quanh mình, cảm xúc thật sự trước những sự việc buồn vui xảy ra quanh mình, và sáng tác về những tâm cảnh về cuộc đời có thật quanh mình. Người nghệ sĩ tự do là người muốn gìn giữ tư thế độc lập (autonomy) của mình trước chính trị. Họ chỉ chấp nhận vai trò làm người chứng của thời họ sống chứ không muốn tự biến

tác phẩm của mình thành những chiếc loa cổ động cho một thể lực nào, nhất là thứ chính trị bất nhân.

Rất khó nhận diện người nghệ sĩ tự do trong một xã hội độc tài. Chỉ khi họ bị chính trị thóa mạ, bắt bớ, đàn áp, công chúng mới chợt nhận ra họ. Victor Hara bị bách hại sau đảo chính quân sự ở Chile năm 1973 là một thí dụ về ý đồ triệt tiêu người nghệ sĩ tự do trong một thể chế chính trị độc tài. Không có một dấu hiệu gì cho thấy là đã chấm dứt hiện tượng đối nghịch giữa chính trị áp bức và nghệ sĩ trong những xã hội thiếu dân chủ. Trong xã hội liên tiếp chịu ách độc tài, phần thường dành cho những người nghệ sĩ tự do thường là nhà tù, là sự khủng bố, là sự bức hại. Hãy nhớ ngày Gia Long thống nhất đất nước, những người trí thức - nghệ sĩ Tây Sơn (Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích chẳng hạn) đã bị làm nhục, bị khủng bố như thế nào! Hai người trí thức - nghệ sĩ này bị bức hại chẳng phải vì họ phù Tây Sơn mà thôi, mà chính là vì họ là những người không câu nệ, không phải là bọn nho sĩ hương nguyên, uốn lưng, cúi gối.

Người nghệ sĩ tự do là một khái niệm còn khá xa lạ với xã hội Việt Nam, mặc dù trong xã hội đó người ta nói đến mòn mỏi hai chữ "tự do". Bởi vì một sự thực mỉa mai là: chưa bao giờ xã hội Việt Nam hiện đại là một xã hội tự do thật sự. Làm gì có tự do của người nghệ sĩ khi mà đất nước liên tiếp bị thống trị bằng những chế độ chính trị thiếu vắng dân chủ? Sự đàn áp đã man những người nghệ sĩ của phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm tại Hà Nội (1955-1957) và những trấn áp phong trào văn học đổi mới (1986-1990) là những minh chứng hùng hồn cho địa vị người nghệ sĩ tự do trong xã hội độc tài cộng sản.

Có hay không người nghệ sĩ tự do trong xã hội miền Nam trước đây? Họ sợ về những bắt bớ, đàn áp người nghệ sĩ dưới chính thể gọi là cộng hòa không phải là ít ỏi gì, mặc dù không ở cấp độ nghiêm trọng như biến cố Nhân Văn - Giai Phẩm ngoài Bắc. Những vụ bắt bớ, đàn áp nghệ sĩ trong Nam là những bằng chứng về sự chà đạp tự do của người nghệ sĩ. Cái chết đặc biệt của người nghệ sĩ trí thức Nhất Linh là một điển hình để lên tiếng tố cáo sự đàn áp nghệ sĩ trong xã hội miền Nam những năm cuối chế độ Cộng Hòa I. Hiện tượng cấm đoán lưu hành các tác phẩm của Nhất Hạnh và Trịnh Công Sơn vào thời Cộng Hòa II là một thí dụ khác.

Để làm người nghệ sĩ tự do, không phải chỉ có ý thức về hiện thực chung

quanh anh, mà còn phải có đảm lược để làm phát ngôn nhân cho xã hội anh đang sống. Trong hai mươi năm văn nghệ miền Nam 1954-1975, không nhiều lắm những người sáng tác âm nhạc có đủ ý thức về những lừa dối hào nhoáng mà chính trị đã phơi bày hằng ngày. Nhìn lại hai thập niên của chế độ cộng hòa ở miền Nam, có thể thấy là thập niên đầu (1954-1964) là giai đoạn đi tìm một mô hình mới cho văn nghệ. Trên báo chí, chẳng hạn tạp chí *Bách Khoa, Mai* và *Sáng Tạo*, đã liên tục có những đợt đặt vấn đề quan điểm sáng tác. Trong những đợt thảo luận, phỏng vấn này, giới sáng tác âm nhạc đã không chứng tỏ sự có mặt của mình trên diễn đàn văn nghệ. Phải buồn bã nói ra một sự thực là giới nhạc sĩ sáng tác thời cộng hòa I chỉ là những kẻ đi bên lề văn nghệ. Trừ Phạm Duy. Sang đến thập niên sau (1965-1975), một lần nữa, vấn đề thái độ và quan điểm sáng tác của người nghệ sĩ lại được đặt lại trong sinh hoạt văn nghệ Sài Gòn. Hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ là những đấu trường gay gắt của văn nghệ. Trên sách báo luôn diễn ra những tranh luận về những vấn đề lí luận văn nghệ. Thế nhưng sáng tác âm nhạc giai đoạn này chỉ dễ dãi chấp nhận thân phận làm thằng mò cho chế độ chính trị cầm quyền đang chủ động trong chiến tranh, hoặc là anh làm cái loa cho "quốc gia" hoặc là anh "nằm vùng" cho Việt cộng. Hoàn toàn thiếu vắng người nghệ sĩ tự do. Trừ Phạm Duy và Trịnh Công Sơn và những nhạc sĩ trong nhóm sáng tác Du Ca. Phong trào sáng tác văn nghệ Du Ca trong những năm 1963-1975 là những tiếng hát trung thực nhất của những người nghệ sĩ tự do ở thành thị miền Nam vào những ngày sôi bùng. Họ đã tiếp nối tiếng hát mời gọi phản tỉnh từ một thời thể tột tệ mà điệu buồn blues của Trịnh Công Sơn trong tập ca khúc đầu tiên của ông, *Thân Thoại - Quê Hương - Thân Phận* (1966). Sau 1975, nhiều nhạc sĩ "nằm vùng" đã vỗ ngực kể lể về phong trào "hát cho đồng bào tôi nghe" tại thành thị miền Nam trong thời chiến tranh khốc liệt, ra cái điều là mình cũng có ý thức cách mạng. Họ không ngờ làm thế họ đã tự thủ nhận vai trò làm cái loa cho một trong hai thứ chính trị đã có thành tích áp chế đất nước. Dòng nhạc đấu tranh một thời vang lên khắp giảng đường, nơi sân chùa, nơi quảng trường biểu tình, dấu cho có mang lửa đấu tranh, nhưng vẫn là thứ sản phẩm của đơn đặt hàng của quyền lực chính trị. Chẳng có vinh dự nào cho những kẻ tình nguyện

bán rẻ tự do và quyền độc lập tư tưởng của người nghệ sĩ cả.

Có một thời một số người thiếu ý thức về một nghệ thuật tự do trong một xã hội dân chủ, nên đã tỏ ra bất công với Phạm Duy và Trịnh Công Sơn, chỉ vì họ cố tình đánh tráo những tiêu chuẩn giá trị, nhằm mục đích phủ nhận tính cách của hai người nhạc sĩ này. Người ta muốn đổ vạ cho hai người nhạc sĩ đã dám đứng ra thách giữa bao nhiêu bất trã của một thời nhiều nhượng, mà hát về những thao thức khắc khoải của lương tâm trước một cuộc chiến quải gở đã hủy hoại bao nhiêu sinh lực của đất nước một cách mù quáng. Người ta bảo như thế là "đâm sau lưng chiến sĩ", là làm tiêu mòn ý chí chiến đấu của người lính. Cùng lúc, guồng máy tâm lý chiến bên kia giới tuyến lại cho rằng những bài "tâm ca" (của Phạm Duy) hay những bài hát về thân phận da vàng (của Trịnh Công Sơn) là những nọc độc của guồng máy tâm lý chiến đế quốc Mĩ!

Nguyên nhân của tình trạng tha hóa văn nghệ nói chung và của sinh hoạt sáng tác âm nhạc nói riêng, nằm ở cả hai phía: người văn nghệ và cơ chế chính trị - xã hội. Chính trị đã không đủ khiêm tốn để nhìn nhận vai trò của văn hóa - văn nghệ trong việc nâng cao trình độ hiểu biết về con người và xã hội, để nuôi lớn thế hệ mai sau. Đẩy lùi văn hóa - văn nghệ xuống địa vị một món hàng thặng dư của xã hội, chính trị cả hai miền Nam Bắc lúc ấy đã đẩy lùi luôn việc giáo dục dân trí - cụ thể là giáo dục ý thức công dân trong cộng đồng đất nước. Người trí thức - nghệ sĩ phải chia sẻ trách nhiệm về sự thất bại trong việc xây dựng một sinh hoạt văn hóa - văn nghệ đích thực, phản ánh những bi hoan của con người Việt Nam ở nửa sau thế kỉ XX. Xã hội Việt Nam nửa sau thế kỉ XX có một khiếm khuyết rất lớn, là đảm lược của một thế hệ trí thức - nghệ sĩ. Trong một cộng hòa quốc của Platon, người thi sĩ còn được choàng vòng hoa trước khi bị tổng cổ đi; nhưng trong cả mấy cái cộng hòa của Việt Nam ở thế kỉ XX này, địa vị người nghệ sĩ chưa hơn một tên tôi đòi của chính trị. Trong tình cảnh tối tăm, ánh lửa Nhân Văn - Giai Phẩm hay ánh lửa Nhất Linh, Quảng Đức là những đốm sáng cực kì hiếm, nhưng đủ nối liền lại ngọn lửa truyền thống kẻ sĩ như đã từng được thắp sáng lên từ gác Khuê Văn nơi Văn Miếu..

Gần đây, khi đọc một số bài viết về Phạm Duy trên các sách báo trong nước cũng như ở bên ngoài, có thể nhận thấy hai

lối tiếp cận phản văn hóa: lối thứ nhất là triệt để phủ định bất cứ điều gì liên quan đến Phạm Duy; lối thứ nhì là người viết dựa vào những cảm nhận chủ quan của họ, tùy theo những kỉ niệm khác nhau về những bài hát Phạm Duy trong đời họ.

Đánh giá Phạm Duy theo kiểu thứ nhất là lối hành xử của chính quyền cộng sản trong nước. Họ đã kiên trì từ bao nhiêu năm nay trong chính sách xóa sạch, giấu sạch. Gần đây, họ chỉ thị cho bộ máy truyền thông xóa bỏ hoàn toàn cái tên Phạm Duy; họ sỗ toet hết mọi giá trị của một người sáng tác liên tục và bền bỉ trong suốt hơn nửa thế kỉ. Nói cho ngay, họ cũng cố công chắt lọc lại chút ân huệ, và biện luận là dù sao thì Phạm Duy cũng có đóng góp "nhất định" vào giai đoạn kháng chiến chín năm bằng mấy chục bài hát nổi tiếng, nổi tiếng đến nỗi người dân quê - tức là "nhân dân" của họ - cũng thuộc nằm lòng. Nhưng ân tình cũng chỉ đến thế thôi. Sáu năm gần gũi trong thời kháng chiến không đủ cứu Phạm Duy khỏi lưỡi dao xử trảm của chế độ cộng sản. Giới cầm quyền cộng sản đã thực hiện chính sách quen thuộc của những chính thể độc tài: tên tuổi Phạm Duy phải bị xóa sạch khỏi trí nhớ của cái gọi là nhân dân. Năm 1994, khi kỉ niệm 50 năm bài hát tân nhạc Việt Nam, cái tên Phạm Duy cố tình bị gạt khỏi danh mục những nhạc sĩ được vinh danh sự nghiệp. Đảng cộng sản để lộ chân tướng là những con người hẹp hòi thiển cận khi họ đã chọn thái độ như thế đối với người nghệ sĩ Phạm Duy. Bây giờ chỉ còn sự phán xét của thời gian. Mà thời gian thì thuộc về lịch sử chứ không bao giờ nằm trong tay thiểu số cầm quyền. Nó thuộc về khối quần chúng bảy mươi lăm triệu người đang sống đời này. Lịch sử sẽ gạn đục khơi trong, để cho thấy lối nhìn nhận Phạm Duy trên đây là một thất bại. Như số phận của bao nhiêu chính sách khủng bố văn nghệ xưa cũng như nay.

Một lối tiếp cận khác là nhìn Phạm Duy qua ngả kỉ niệm riêng tư của cá nhân, hay của một nhóm người. Cách nhìn nhận này cũng nguy hiểm không kém, và lại tự mâu thuẫn: người ta cố tình cắt lìa sự nghiệp sáng tác Phạm Duy ra nhiều đoạn rời, và họ sẽ khen chê tùy thích theo chủ quan của mình. Thái độ như thế nguy hiểm vì nó không dựa trên một thứ luận lí nào cả, mà chỉ dẫn đến những xuyên tạc hay, ngộ nhận trầm trọng, vì thiếu hẳn những cơ sở thảo luận chung. Chẳng hạn, một anh trí thức du học từ những năm 50, nay viết về Phạm Duy, chỉ nhớ đến hình

ảnh một Phạm Duy áo trấn thủ, hát bên ánh đuốc bập bùng giữa núi rừng Việt Bắc. Rồi cho đó là giá trị, là đỉnh cao. Sau đó chỉ còn là một Phạm Duy tuột dốc, sa đọa. Một thí dụ khác, Phạm Duy sau 1989 đã nhìn thấy một kỉ nguyên mới của đất nước, và ông hát cho một ngày mai khi dân chủ đa nguyên về với đất nước (*Bài ca dân chủ, Bầy chim bồ cưu*). Những người bạn đã một thời nghĩ tưởng rằng Phạm Duy "mặc kaki chống cộng đến chiều" bỗng nhiên cảm thấy có sự gì không ổn nơi người nhạc sĩ già này. Còn rất nhiều những thí dụ như thế, để minh họa cho một sự không đồng điệu giữa người nghệ sĩ và những người muốn ông dừng lại ở những mốc thời gian thuộc về dĩ vãng. Phạm Duy còn vươn tới những sáng tạo mới, không ngừng. Thế mà người khen hay chê ông chỉ dừng lại ở một cột mốc thời gian, thì cơ sở gặp nhau giữa người sáng tác và "phê bình" (!) sẽ rất chông chênh.

Qua những phân tích trên đây, có thể nhận thấy một số điểm rất đáng lưu ý trong việc tiếp nhận sự nghiệp âm nhạc Phạm Duy:

Trước hết, Phạm Duy sáng tác liên tục và bền bỉ trong suốt năm mươi năm qua. Ông đã sống gắn bó với hiện thực cuộc đời Việt Nam qua những thăng trầm, vinh nhục... Tâm tình trong nhạc Phạm Duy là hiện thân của những tâm tình Việt Nam trong nửa thế kỉ qua. Đời ông là một hành trình dài qua rất nhiều chặng. Biết ông ở thời trai trẻ không có nghĩa là sẽ hiểu ông ở tuổi về già. Biết ông khi ở trong nước không hẳn là có thể hiểu ông trong giai đoạn lưu vong hiện nay. Để hiểu một con người động đậy thì cái nhìn tĩnh tại là một cái nhìn lệch lạc.

Phạm Duy là nhạc sĩ sáng tác đa dạng, một phần vì thời gian sáng tác của ông quá nhiều, một phần nữa là ông luôn luôn tìm tòi sáng tạo, luôn tự vượt mình. Hiểu ông qua những bài tình ca không hẳn là sẽ hiểu ông qua tâm ca, hoặc thiền ca, hoặc nhục tình ca. Hiểu dân ca kháng chiến không đủ để hiểu ông của trường ca hay rong ca. Nói cách khác, sự nghiệp sáng tác đồ sộ của Phạm Duy sẽ không dung được những cách đánh giá phiến diện, một chiều, giản lược.

Phạm Duy đã luôn xông xáo trên tiền trường sân khấu văn nghệ Việt Nam trong suốt hơn bốn thập niên. Ông là một trong số nhạc sĩ Việt Nam đếm được trên đầu ngón tay, đã xây dựng cho mình một quan điểm sáng tác rất nghiêm chỉnh, đứng

THỜI SỰ...TUA TỨC...THỜI SỰ...

Đảng, một đảng ly khai của Quốc Dân Đảng cách đây vài năm không được ghé nào cả. Liên sau đó, tổng thư ký Quốc Dân Đảng, ông Ngô Bá Hùng (Wu Po Hsiung) từ chức và chức vụ này được ông Chương Hiếu Nghiê (John Chang), phó thủ tướng, lên thay. Tuồng nên nhắc lại là ông Chương Hiếu Nghiê là "con rơi" của cựu tổng thống Tưởng Kinh Quốc. Sau khi tổng thống Lý Đăng Huy thắng cử trong tháng 3-1996, ông Nghiê được bổ nhiệm làm ngoại trưởng trong chính phủ do ông Liên Chiến (Lien Chan) đảm nhận kiêm với chức vụ phó tổng thống. Đầu tháng 9 vừa qua, ông Nghiê được giao thêm chức vụ phó thủ tướng trong chính phủ mới do ông Tiều Vạn Trường (Vincent Siew) điều khiển.

Sự thất bại của Quốc Dân Đảng làm Bắc Kinh lo ngại vì Dân Tiến Đảng chủ trương biến Đài Loan thành một nước độc lập. Sang năm tới, Đài Loan sẽ có tổng tuyển cử quốc hội và vào năm 2000 sẽ có bầu cử tổng thống mới. Người "thừa kế" hiện nay của ông Huy là phó tổng thống Liên Chiến nhưng ông này không được dân chúng ủng hộ. Điều an ủi cho Bắc Kinh là Dân Tiến Đảng được các nhà kinh tài có vốn đầu tư ở lục địa hỗ trợ và đảng này cũng đang trải qua một khủng hoảng trầm trọng trong hàng lãnh đạo.

Kim Đại Trung đắc cử tổng thống Đại Hàn

Bằng một tỷ số khít khao, ứng cử viên đối lập Kim Đại Trung (Kim Dae Jung) đã đắc cử tổng thống Đại Hàn nhờ sự chia rẽ của phe thân chính quyền. Khi ra trước quốc dân vài ngày trước cuộc bầu cử để nhận lời đã quản lý sai lầm đưa đất nước tới khủng hoảng, tổng thống Kim Vịnh Tam (Kim Young Sam) hiểu rằng ông đã hy sinh ứng cử viên của đảng ông, nhưng ông không có chọn lựa nào tốt hơn quyết định can đảm đó vì thực tế đã quá rõ ràng. Thị trường chứng khoán và đồng won của Đại Hàn đã sụt giá hơn 50% trong vài ngày.

Đây không phải là cuộc bầu cử tổng thống dân chủ đầu tiên của Đại Hàn. Đại Hàn đã có bầu cử dân chủ từ hơn 30 năm qua nhưng đây là cuộc bầu cử lương thiện đầu tiên. Đã không có việc bỏ tiền mua phiếu và cũng không có ứng cử viên hay

đoàn thể nào tổ giác gian lận.

Đại Hàn là quốc gia được thành lập từ năm 1948 tại phía Nam bán đảo Triều Tiên sau thỏa thuận chia cắt Triều Tiên giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Một nước cộng sản đã được thành lập tại Bắc Triều Tiên với dân số hiện nay là 20 triệu người, bằng một nửa dân số Đại Hàn, hay Nam Triều Tiên.

Triều Tiên là tên gọi từ thế kỷ 15 của một quốc gia được thành lập từ thế kỷ 10 do sự thống nhất ba vương quốc trên bán đảo này, phía Nam sông Áp Lục. Triều Tiên đã mang nhiều quốc hiệu khác nhau trong một lịch sử nhiều biến động được ghi chép từ đầu công nguyên. Triều Tiên tiến triển rất nhanh gần như cùng nhịp độ với Trung Hoa và luôn luôn giữ được độc lập, không như Việt Nam bị người Tàu đô hộ trong hơn một ngàn năm. Ngay từ các thế kỷ 12 và 13, văn hóa và tư tưởng Triều Tiên đã đạt tới mức độ rất cao và từ thế kỷ 15 đã biết in sách. Trong thời cực thịnh của nhà Nguyên, Triều Tiên đã chống trả với sáu đợt xâm lăng của quân Nguyên và sau cùng đi tới chấp nhận một chế độ bảo hộ, dù vua Triều Tiên vẫn giữ được ngai vàng.

Nhưng Triều Tiên đã bối rối trong cuộc tiếp xúc với phương Tây từ thế kỷ 17 trở đi và lại gặp quá nhiều áp lực từ ngoại bang: Âu Châu, Nga, Trung Quốc và nhất là Nhật, quốc gia mà chính Triều Tiên đã góp phần khai hóa nhưng đã duy tân nhanh chóng rồi trở nên một cường quốc đầy tham vọng vào cuối thế kỷ 19. Từ 1910 trở đi, Triều Tiên bị Nhật chiếm đóng cho tới hết thế chiến II.

Sau thế chiến II, Triều Tiên giành lại được chủ quyền nhưng lại bị chia cắt và đã phải trải qua một cuộc chiến ngắn nhưng vô cùng ác liệt (1950-1953). Nhờ một nền văn hóa cao và một vốn liếng nhân văn hùng hậu, Đại Hàn (hay Nam Triều Tiên) đã bắt đầu dân chủ hóa từ thập niên 1960 và từ năm 1965 trở vươn lên vô cùng mạnh mẽ, trở thành cường quốc kinh tế. Đại Hàn đã phát triển quá nhanh để có thể lãnh mạnh, như một lực sĩ dùng thuốc kích thích quá nhiều trong mục đích lập thành tích mà quên cả sức khỏe. 70% tài sản quốc gia được tập trung khoảng 30 đại tổ hợp do các gia đình quyền thế nắm giữ. Trong điều kiện đó, dân chủ không thể thực hiện đầy đủ được, dù các chính đảng

được tự do hoạt động và tham gia bầu cử. Và khi sức mạnh kinh tế tập trung tới mức độ đó thì kinh tế thị trường cũng chỉ là hình thức.

Từ mùa hè năm nay, và nhất là trong tháng 12-1997, kinh tế Đại Hàn khủng hoảng nặng. Các đại tổ hợp (chaebol) mắc nợ quá nhiều (trung bình gấp bốn lần tổng số vốn và dự trữ), các ngân hàng mượn tiền và cho vay một cách liều lĩnh nên đều đứng trước đe dọa phá sản. Đại Hàn cũng có chung một bệnh khác của các nước Châu Á là đầu cơ quá đáng vào nhà đất.

Kim Đại Trung đắc cử tổng thống ở tuổi 73, đạt tới cao điểm của một đời hoạt động chính trị hoàn toàn cống hiến cho dân chủ. Ông đã xuất hiện như một lãnh tụ sinh viên ngay từ thập niên 50 và một khuôn mặt chính trị lớn từ thập niên 1960. Năm 1971, ông làm ngạc nhiên mọi người khi chỉ thua Phác Chánh Hy (Park Chung Hee) 7% trong cuộc bầu cử tổng thống. Ông bị bắt giam nhiều lần, bị kết án tử hình sau cuộc nổi dậy tại Kwangju năm 1980 và chỉ sống sót nhờ can thiệp quốc tế. Ông cũng đã bị ám sát hụt và đáng đi vẫn còn mang dấu tích của vết thương.

Vấn đề nan giải nhất mà Kim Đại Trung đang phải đương đầu chưa chắc đã phải là vấn đề kinh tế bởi vì khi xin Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) tài trợ 57 tỷ USD để cứu vãn, Đại Hàn đã phải chấp nhận những cải tổ căn bản do IMF áp đặt. Hai vấn đề nan giải của ông là xã hội và văn hóa. Về mặt xã hội, Kim Đại Trung sẽ phải giải quyết vấn đề hàng triệu công nhân mất việc làm do chính sách thắt lưng buộc bụng. Vấn đề này nhức nhối với Kim Đại Trung vì cử tri của ông phần lớn là công nhân. Đại Hàn cũng đang trải qua một cuộc khủng hoảng đạo đức lớn, với hai cựu tổng thống bị kết án tù vì tham nhũng và tổng thống Kim Vịnh Tam mà ông sắp thay thế cũng có thể bị ra tòa, con trai ông này đã bị kết án tù ba năm. Dân chúng Đại Hàn đã mất đi rất nhiều niềm tin vào nhân sự chính trị. Cho tới nay các cựu tổng thống Đại Hàn đều chịu một kết cuộc bi đát. Lý Thừa Văn (Syng Man Rhee) bị lật đổ và phải sống lưu vong tới chết, Phác Chánh Hy bị ám sát, Toàn Đẩu Hoán (Chun Doo Hwan) và Lô Thái Ngu (Roh Tae Woo) bị ở tù, Kim Vịnh Tam mất hết uy tín trong những ngày cuối và có

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

thể phải ra tòa. Kim Đại Trung sẽ gặp phải những khó khăn rất lớn để khôi phục lòng tin và đồng thuận dân tộc.

Một vấn đề khác đầy bất trắc mà có lẽ Kim Đại Trung sẽ phải giải quyết trong nhiệm kỳ của ông là vấn đề thống nhất Triều Tiên.

Với những khó khăn ấy, Kim Đại Trung sẽ vô cùng vất vả, nhưng ông có nhiều triển vọng để trở thành nhân vật lịch sử lớn nhất của bán đảo Triều Tiên trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.

Thay đổi trong bộ phận đầu não đảng cộng sản

Đại hội ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã quyết định một số thay đổi lớn trong bộ chính trị.

Thượng tướng Lê Khả Phiêu, thường trực bộ chính trị, đã được chỉ định làm tổng bí thư đảng thay thế ông Đỗ Mười. Các ông Đỗ Mười (80 tuổi), Lê Đức Anh (79 tuổi) và Võ Văn Kiệt (74 tuổi) rời bộ chính trị và ban chấp hành trung ương đảng để được phong làm cố vấn. Hai cựu cố vấn Phạm Văn Đồng (92 tuổi) và Nguyễn Văn Linh (86 tuổi) từ bỏ mọi chức vụ, dù là hình thức.

Bốn nhân vật khác được bổ sung vào bộ chính trị. Đó là các ông:

- Phạm Thanh Ngân, trung tướng, phó chủ nhiệm tổng cục chính trị quân đội (mà ông Lê Khả Phiêu là chủ nhiệm).

- Nguyễn Minh Triết, phó bí thư thành ủy Sài Gòn. Ông Triết trước đây là bí thư tỉnh ủy tỉnh Sông Bé.

- Nguyễn Phú Trọng, phó bí thư tỉnh ủy Hà Nội, cựu tổng biên tập *Tạp Chí Cộng Sản*.

- Phan Diễn, chánh văn phòng trung ương đảng. Ông Phan Diễn từng thay thế ông Nguyễn Văn An trong chức vụ bí thư tỉnh ủy Nam Định.

Ông Phan Thanh Ngân là ủy viên trung ương đảng từ đại hội VII năm 1991. Ba người còn lại đều chỉ mới vào trung ương đảng từ đại hội VIII, tháng 6-1996. Như vậy họ đều được thăng thưởng nhanh chóng.

Lý do thăng thưởng của họ không do thành tích, cả bốn người đều rất ít được biết tới và không có thành tích nào đáng kể. Cả bốn nhân vật này đều là những người bảo thủ cứng rắn, chống dân chủ

hóa. Riêng ông Nguyễn Minh Triết được coi là trong sạch và khá cởi mở về kinh tế.

Với thắng lợi của tướng Lê Khả Phiêu và sự bổ sung bốn ủy viên bộ chính trị mới, có thể nói là ban lãnh đạo cộng sản đã chọn đường lối co cụm chống dân chủ vào giữa lúc mà các áp lực dân chủ hóa từ cả trong lẫn ngoài nước đang gia tăng. Một cuộc đọ sức gay go bắt đầu và Việt Nam chắc chắn sẽ sống những ngày rất sôi động.

Đòn ngầm đều cang đối với Công giáo

Một văn thư gần đây do Tổng Cục Du Lịch tại Hà Nội mang số 05/TCDL, đề ngày 26 tháng 11 năm 1997 và đóng dấu "mật", gởi các sở du lịch và các công ty lữ hành quốc tế trong nước "về 200 năm sự kiện La Vang", đã lọt ra nước ngoài. Nguyên văn thư như sau:

"Ngày 13-14-15 tháng 8 năm 1998, giáo phận Huế tổ chức lễ kỷ niệm 200 năm sự kiện La Vang tại Huế. Theo công văn 414/NC ra ngày 26 tháng 11 năm 1997 của chính phủ, tổng cục du lịch đề nghị các đơn vị không quảng cáo tổ chức các cuộc du lịch, không chở khách nước ngoài đến La Vang nhân sự kiện này.

Đề nghị các đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành. Đây là thông tin nội bộ, chỉ đồng chí giám đốc biết để xử lý công việc, không phổ biến".

Văn kiện này do phó tổng cục tổng cục du lịch Bùi Xuân Nhài ký.

Mặc dầu đóng dấu mật, nhưng văn thư đã được chuyển ra nước ngoài ngay một tuần sau đó. Cách hay nhất hiện nay để các tài liệu của chính quyền cộng sản lọt ra ngoài là được đóng dấu "mật", hay hơn nữa "tối mật". Tài liệu này không cần một bình luận nào.

La Vang là một địa điểm cách Huế 30 cây số về phía Bắc. Theo truyền thuyết của người Công Giáo thì trong giai đoạn cấm đạo, người Công giáo đã chạy đến đây lánh nạn, và trong ba ngày 13, 14 và 15 tháng 8 năm 1798 Đức Bà Maria đã hiện ra an ủi một số tín đồ Công giáo lâm nguy. Từ đó La Vang trở thành địa điểm hành hương lớn nhất của Công giáo Việt Nam. Mỗi năm vào dịp kỷ niệm, hàng chục ngàn người Công giáo đổ về đây. Năm 1998, kỷ niệm 200 năm phép lạ La

Vang, chắc chắn số người hành hương sẽ còn tăng lên gấp bội.

Đảng tăng cường kiểm soát thông tin

Đầu tháng 12-97, bộ nội vụ ra thông cáo sẽ thành lập một trung tâm thông tin báo chí trực thuộc bộ để kiểm soát việc đưa tin ra báo chí. Trung tâm này sẽ là "phát ngôn viên" của bộ. Ngoài ra, theo báo Quân đội Nhân dân, trung tâm nói trên còn "nhiệm vụ theo dõi báo chí để lấy các tin có liên quan đến an ninh, trật tự công cộng và công an-cảnh sát để trình lên cấp trên". Tờ báo cũng cho biết là riêng về trung tâm báo chí và thông tin này, Bộ nội vụ sẽ làm việc cùng với Ủy ban văn hóa tư tưởng trung ương của đảng và Bộ văn hóa-thông tin. Đây là một biện pháp nhằm tăng cường hơn nữa kiểm soát của đảng cầm quyền trên báo chí. "Đây là một dấu hiệu đáng ngại" đó là phản ứng về tin này của một phóng viên của báo *Vietnam Investment Review*, tờ báo Anh ngữ của Bộ kế hoạch và đầu tư.

Hàng không VN bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tiền tệ Đông Á

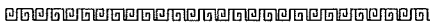
Trong ba tháng 9, 10, 11 vừa qua, số lượng hành khách của hãng Vietnam Airlines đã bị giảm xuống rõ rệt vì ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và tiền tệ tại các nước trong vùng. Lý do là vì đa số các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không Việt Nam là với thủ đô các nước này. Ngoài ra số lượng khách du lịch thăm viếng Việt Nam cũng bị giảm vì việc phá giá tiền tệ tại các nước Đông Nam Á đã lôi kéo du khách về những nơi này vì có giá rẻ hơn trước. Một nhân viên Vietnam Airlines cho biết thêm là số khách trên các chuyến bay nội địa cũng bị giảm sút những không cho biết chính xác hơn. Trong vòng 11 tháng năm 1997 Vietnam Airlines đã chuyên chở 2,4 triệu khách hàng so với 2,5 triệu khách hàng của cả năm 1996. Như thế có nghĩa là số khách hàng năm 1997 có thể tăng lên chút ít so với năm 1996.

Tưởng nên nhắc lại là trong 4 năm qua, mức độ tăng trưởng hành khách của hãng mỗi năm là 30 %. Viễn tượng cho

năm tới có nhiều triển vọng u ám hơn.

Nhà nước tiêu xài quá trớn

Theo báo Vietnam Investment Review, một dân biểu đã tuyên bố là: "Nhà nước nên dùng tiền để đầu tư hơn là cho phép các tiêu xài hoang phí làm thâm thủng công quỹ". Thiếu hụt ngân quỹ năm nay vào khoảng 4,8% tổng sản lượng quốc gia (Tổng sản lượng này là 20,7 tỷ USD, theo ước lượng của Ngân Hàng Thế Giới). Bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng tuyên bố đã dự trù giảm 15% chi tiêu của bộ máy hành chính nhưng không cho biết rõ chi tiết chương trình "thắt lưng buộc bụng" này. Sang năm tới mục tiêu các dân biểu đòi hỏi là phải giảm thâm thủng này xuống thành 4 hay 3,5% tổng sản lượng quốc gia nhưng chưa ai biết rõ phải làm thế nào.

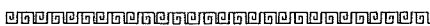


Lê Khả Phiêu thay Đỗ Mười

(Tiếp theo trang 12)

...Thay thế Đỗ Mười bằng Lê Khả Phiêu, đảng cộng sản có lẽ sẽ có được một tổng bí thư dẫn đạo và mưu lược hơn, nhưng đồng thời cũng sẽ có một tổng bí thư "nhiều vấn đề" hơn. Ông Lê Khả Phiêu bị một thành phần trong đảng, thân phe Võ Văn Kiệt, chống đối rất mạnh mẽ. Trong việc chuẩn bị Đại Hội VIII, theo tờ báo chui rất thạo tin nội bộ đảng cộng sản *Người Sài Gòn*, ông Lê Khả Phiêu đã không được Quân Khu 9, đơn vị gốc của ông bầu làm đại biểu đi dự Đại Hội VIII, và còn bị la ó. Sau đó ông đã phải đi dự đại hội với tư cách đại biểu của quân ủy trung ương. Ông cũng chỉ được bầu vào Trung Ương Đảng với một số phiếu khiêm nhường. Lê Khả Phiêu sẽ gặp nhiều vấn đề trong đảng, nhưng chính cá nhân ông cũng sẽ đặt ra cho đất nước nhiều vấn đề khó giải quyết.

VLN



**Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến nó**

Thời điểm của một giải thích

Nguyễn Gia Kiểng

Cuộc đột nhập vào nhà tù Thanh Cẩm, việc chiếu cuốn phim về Đoàn Viết Hoạt trên các đài truyền hình Âu Châu, giải thưởng Ngòi Bút Vàng của Hiệp Hội Báo Chí Thế Giới, v.v... những biến cố thuận lợi dồn dập trong vài tuần lễ vừa qua đã đưa nhân vật Đoàn Viết Hoạt lên một tầm vóc quốc tế và đồng thời cũng đem lại cho cuộc vận động dân chủ Việt Nam một khí thế mới.

Đây là thời điểm tốt để trả lời cho một câu hỏi thường được đặt ra. Tại sao thành lập Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt? Nhiều thân hữu thắc mắc tại sao lại lấy tên một người, nhất là người đó còn sống, còn có thể thay đổi ý kiến, mắc phải những sai lầm hay bỏ cuộc, nhất là đang trong vòng kiểm tỏa của chính quyền cộng sản, thay vì lấy một danh xưng an toàn hơn như Hội Yểm Trợ Tù Nhân Chính Trị chẳng hạn. Khi chọn tên Đoàn Viết Hoạt cho một hội có mục đích bảo vệ và yểm trợ những người mắc nạn vì dân chủ, chúng tôi đã rất đắn đo.

Trước hết, không phải là vì cảm tình cá nhân. Lê Văn Đăng, người có sáng kiến thành lập Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt và đặt tên cho nghĩa hội chưa bao giờ gặp Đoàn Viết Hoạt. Trong anh em Thông Luận chỉ có một mình tôi tiếp xúc với Đoàn Viết Hoạt vài lần trước 1975. Liên lạc giữa chúng tôi và Đoàn Viết Hoạt chỉ thực sự gần bó một thời gian sau khi Đoàn Viết Hoạt ở tù ra lần đầu, năm 1988.

Lý do cơ bản là chúng tôi thấy tên một nhân vật có lợi hơn là một danh nghĩa chung chung. Trong thời đại truyền thông này những gì có thể xuất hiện trên một màn ảnh truyền hình dễ phổ biến hơn là một ý niệm trừu tượng. Một trăm ngàn người bỏ mình trên biển cả khi vượt biên tìm tự do hay mười ngàn tù nhân chính trị quần quai trong các nhà tù là những thảm kịch ghê gớm, nhưng trong thế giới vội vã này đó là những con số; Đoàn Viết Hoạt là một người, một khuôn mặt và một thảm

kịch cá nhân dễ nhớ và dễ gây một xúc động kéo dài. Và để thành một biểu tượng.

Đoàn Viết Hoạt là một biểu tượng lý tưởng. Anh còn khá trẻ, nghĩa là còn nhiều tương lai, anh được đào tạo tại Hoa Kỳ, quốc gia dân chủ nhất thế giới; anh là người hiểu rộng, nhìn xa, đã đề ra một lập trường tranh đấu đi trước giai đoạn và đã chứng tỏ sự đúng đắn của nó. Anh có một quá khứ không ai phiến trách được, một sự dũng cảm và một sự kiên trì khó ai bì kịp. Anh cũng là giáo sư đại học, một hình ảnh trí thức vừa dễ tranh thủ cảm tình của dư luận thế giới vừa dễ thu hút sinh viên học sinh Việt Nam, tiềm năng lớn nhất và chưa được khai thác được của cuộc vận động dân chủ. Anh cũng là một tù nhân lương tâm tiêu biểu nhất vì ít ai đã ở tù lâu hơn anh trong thời gian qua. Những đức tính này đủ để Đoàn Viết Hoạt xứng đáng làm một biểu tượng.

Đi nhiên, Đoàn Viết Hoạt không phải là người duy nhất xứng đáng. Chúng ta may mắn có nhiều, rất nhiều khuôn mặt khả tín và khả kính như Đoàn Viết Hoạt. Đáng lẽ sự thân mật đã khiến chúng tôi nghi trước hết đến Nguyễn Đan Quế, nhân vật đầy can trường và nghị lực, gần gũi với chúng tôi trước cũng như sau năm 1975, có nhiều bạn thân trong Thông Luận đã từng tranh đấu với anh và ở tù chung với anh. Nhưng ngay khi Nguyễn Đan Quế được dư luận biết tới thì gia đình và thân quyến anh đã thành lập Cao Trào Nhân Bản tại hải ngoại với một phương thức đấu tranh riêng, việc xây dựng hình ảnh cho anh trở thành tế nhị vì chúng tôi không còn chủ động được mà còn có thể gây mâu thuẫn và hiểu lầm. Và lại Hoạt và Quế đều đáng quý như nhau. Nguyễn Đan Quế vẫn giữ trọn vẹn chỗ đứng tình cảm trong anh em chúng tôi.

Xây dựng biểu tượng là điều rất công phu và cũng mang nhiều rủi ro. Không ai có thể chỉ dựa trên quá khứ của mình, dù

quá khứ đó vinh quang đến mức nào. Đoàn Viết Hoạt đã tiếp tục phấn đấu ngay khi anh đang ở trong tù, anh tiếp tục lên tiếng với dân tộc và dư luận thế giới trong vòng lao lý cho đến khi nhà cầm quyền cộng sản phải đem anh vào giữa rừng sâu và cô lập anh hoàn toàn. Nhưng điều đáng quý hơn nơi Đoàn Viết Hoạt là anh biết lắng nghe, biết đặt lòng tin vào các chí hữu, biết ủy nhiệm. Anh đã viết và gửi ra nhiều bài từ trong tù nhưng lần nào anh cũng phối hợp chặt chẽ với anh em ở ngoài về nội dung cũng như về thời điểm của những lời kêu gọi. Đoàn Viết Hoạt có bản năng mạnh nhưng cũng biết đắn đo và biết làm việc có tổ chức.

Thành quả vừa đạt được là do cố gắng từ nhiều năm qua của nhiều hội đoàn và cá nhân ủng hộ, nhưng Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt đã có vai trò của nó. Việc có một tổ chức mang tên Đoàn Viết Hoạt đã lôi kéo sự chú ý đặc biệt của tổ chức Ký Giả Không Biên Giới, đã khiến họ tìm hiểu rồi quý trọng Đoàn Viết Hoạt. Sự cảm phục Đoàn Viết Hoạt đã khiến họ xuất bản một cuốn sách mang tên anh. Đến lượt họ lôi kéo chú ý và sự hỗ trợ nhiệt tình của ký giả nổi tiếng Patrick Poivre d'Arvor của đài truyền hình TF1, Pháp. Những hỗ trợ này sau đó đã tranh thủ thêm sự quan tâm của chính phủ Pháp.

Một lý do quan trọng cho việc dùng tên Đoàn Viết Hoạt là một triết lý hành động: chúng ta cần tôn vinh những con người của ngày hôm nay. Những anh hùng của thời xa xưa có thể gọi cảm cho chúng ta, nhưng chỉ những anh hùng của hôm nay mới giúp chúng ta vượt qua được những thử thách trước mắt. Chúng ta cần tạo ra và nhân lên những anh hùng của hôm nay, giữa chúng ta. Mỗi giai đoạn đều cần những biểu tượng. Các dân tộc đã giành được dân chủ đều nhờ đã có những biểu tượng sống. Chúng ta cần rất nhiều những biểu tượng sống. Đoàn Viết Hoạt và nhiều người khác nữa. Chính khi tôn vinh những con người gần gũi với chúng ta và nhận ra rằng họ không khác chúng ta bao nhiêu, chúng ta sẽ tự tin hơn và sẽ quý trọng lẫn nhau hơn. Chúng ta sẽ đánh giá cao hơn chính mình và nâng cao phẩm chất của cuộc đấu tranh vì dân chủ. Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt đã hoạt

động từ bốn năm nay. Nó đã là một nguồn hỗ trợ tinh thần và vật chất đối với các anh em đang gian lao vì dân chủ dù đang ở tù hay bị quản chế, hay bị phân biệt đối xử. Với những phương tiện rất eo hẹp, nó đã tạo ra một kích thích lớn đối với anh em dân chủ trong nước và góp phần quan trọng nuôi dưỡng và tăng cường ngọn lửa đấu tranh, bởi vì điều quan trọng không phải chỉ là sự trợ giúp mà là cách trợ giúp và tấm lòng kèm theo.

Đoàn Viết Hoạt không phải là sở hữu của Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt, mà là tài sản chung của mọi người và mọi tổ chức dân chủ. Ngược lại Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt cũng không phải của Đoàn Viết Hoạt, mà là một công cụ chung của cuộc đấu tranh vì dân chủ và nhân quyền.

Nó đang cần, và mong đợi, sự đóng góp của mọi người hưởng ứng cuộc vận động dân chủ.

Nguyễn Gia Kiểng
(Chủ tịch Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt)

Hội viên tích cực: 200 FF/năm
hoặc 40 USD, hoặc 60 DM.

Hội viên ân nhân: 500 FF/năm,
hoặc 100 USD, hoặc 150 DM.

Chi phiếu xin đề: Vietnam Libertés -
Fondation Doan Viet Hoat,
và gởi về địa chỉ:

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt,
11 mail Le Corbusier -
77185 Lognes - France

Cahier du colloque sur la francophonie et les droits de l'Homme

Chúng tôi đã cho in các bài tham luận trong ngày Hội thảo về Pháp thoại và nhân quyền ngày 12-10-1997 tại Salle Raymaond Aron, Đại Học Paris IX thành một hồ sơ dày 40 trang, viết bằng tiếng Pháp.

Giá bán là 50 FF kể cả bưu phí.

Ngân phiếu xin đề Vietnam
Fraternité, và gửi về:

Thông Luận
124 bis rue de Flandre
75019 Paris - France

Giới thiệu sách mới

* Nhà xuất bản Springer-Verlag, Heidelberg, Đức Quốc, sẽ cho ra mắt cuốn sách *Hạt cơ bản và những tác dụng của chúng, Khái niệm và hiện tượng* (Fundamental particles and their interactions, concepts and phenomena), dày 650 trang, 120 hình, do hai người Việt Nam, Giáo sư Phạm Xuân Yêm và Hồ Kim Quang, viết bằng tiếng Anh.

Đây là công trình nhằm trình bày những tiến bộ đáng kể của môn vật lý hạt cơ bản trong vài thập kỷ vừa qua và những tác dụng của những tiến bộ này trên cả hai lãnh vực lý thuyết và thực nghiệm. Cuốn sách giáo khoa này dành cho các sinh viên có trình độ cử nhân, quen thuộc với ngành cơ học lượng tử (quantum mechanics), thuyết tương đối và ngành điện động học cổ điển (classical electrodynamics).

Giáo sư Phạm Xuân Yêm, Tiến sĩ Quốc Gia Đại Học Paris, Pháp, Giám Đốc Nghiên Cứu tại Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp (Phòng Thí Nghiệm Vật Lý Lý Thuyết và Năng Lượng Cao của Đại học Paris VI-VII).

Giáo sư Hồ Kim Quang, Ph-D về Vật Lý tại Đại Học Massachusetts Institute of Technology (MIT), nguyên là Giáo Sư Đại Học McGill, hiện nay là Giáo Sư Vật Lý tại Đại Học Laval, Quebec, Canada.

* Tòa soạn Thông Luận mới nhận được Tuyển tập truyện ngắn "Sau cuộc chiến" do các tác giả Lê Minh Văn và Xuân Đỗ gởi tặng. Sách do nhà xuất bản Rạng Đông ở Virginia, Hoa Kỳ, phát hành. Mười bốn truyện ngắn của Tuyển tập thể hiện những mảnh đời Việt Nam chìm đắm hoặc nổi trôi theo cơn lốc của biến cố 75. Nhưng, dưới góc nhìn qua tình người khoáng đạt của các tác giả, một lối ra hình như đã hé lộ trên những bế tắc và hy vọng đã chớm nở sau cuộc tương tàn.

Sách dày 250 trang, giá 85 FF, có bán tại các nhà sách Nam A và Khai Trí ở quận 13, Paris.

Độc giả có thể đặt mua bằng cách gửi bưu phiếu hay ngân phiếu 100 FF (giá sách và cước phí) đề tên M. ou Mme Lê về địa chỉ:

M. Le Van Minh (Appt. 44)
9, rue de la Mare à Guillaume
94120 Fontenay-sous-Bois

Bạn đọc viết...

Hội nhà báo Việt Nam rất cay cú

Ông là người mà giới nhà văn, nhà báo cấp tiến ở Việt Nam biết nhiều và quý trọng. Tôi là nhà báo, tuổi đời, tuổi nghề vào bậc đàn em, đàn cháu ông. Qua một đồng nghiệp, tôi đọc bài viết của ông, thông báo về việc giáo sư Đoàn Viết Hoạt (ĐVH) được hội nhà báo thế giới tặng giải Ngôi Bút Vàng. Cuối bài viết ông hỏi: Please message to me after receiving this one, OK?

Là người xa lạ nhưng xin ông cho phép tôi coi đó là câu hỏi đặt ra cho chính mình. Dạ thưa, "OK ĐVH. He is the best friend of mine" và xin được phúc đáp. Tôi là nhà báo trẻ mới vào nghề gần 8 năm, sau khi tốt nghiệp đại học. Chỉ chưa đầy một năm hành nghề, tôi và nhiều bạn bè cùng lứa đã nhận ra ở Việt Nam không hề có tự do báo chí và nghề báo cũng như nghề công an và bộ đội, đều là công cụ của chuyên chính vô sản. Chúng tôi chỉ được viết những gì mà ban biên tập yêu cầu. Ban biên tập lãnh hội những ý kiến của ban tư tưởng văn hóa thành ủy yêu cầu. Ban tư tưởng văn hóa thành ủy thừa lệnh trước yêu cầu của ban tư tưởng văn hóa trung ương. *Yêu cầu của yêu cầu.* Lũ phóng viên chúng tôi là những tên nô lệ cuối cùng của những cái đầu gia trưởng, bảo thủ, khinh rẻ trí thức. Ông có buồn, có đau cho chúng tôi không?

Do vậy, tôi rất kính trọng những người cầm bút trung thực, dũng cảm, quyết liệt, bất chấp tù đầy đã hành động và đòi cho bằng được quyền tự do báo chí như giáo sư ĐVH. Giáo sư ĐVH là niềm tự hào của những người cầm bút Việt Nam chân chính ở trong và ngoài nước. Không dễ gì giáo sư ĐVH được Hội báo chí thế giới, đại diện cho 15.000 tờ báo trên thế giới đánh giá cao như vậy. Trước việc này, tôi biết hội nhà báo Việt Nam rất cay cú như bị quả direct vào mặt. Song, họ vẫn lạnh lùng, vừa căm vừa điếc, coi như không có gì xảy ra. Vô cảm là thuộc tính của những người lãnh đạo đất nước, lãnh đạo hội nhà văn, nhà báo.

Tôi xin được phép thưa lại với ông vài điều ông đề cập trong bài viết về việc: "Ngày chủ nhật 2-11-1997, một toán phóng viên đài truyền hình Pháp đã bất ngờ đổ bộ vào nhà tù Thanh Cẩm. Dĩ nhiên họ không gặp được ĐVH, nhưng đã quay phim được cả trại tù, tù bên ngoài

cũng như bên trong trước sự ngỡ ngàng của đám cai tù. Họ rút lui an toàn trước khi ban giám thị kịp có phản ứng".

Tôi hơi tiếc cho đoàn quay phim của Pháp. Là người đã nhiều lần đi viết bài về các trại tù, tôi biết các cai tù tha hóa, chỉ cần dúi "phong bì" cho họ là muốn gặp tù nhân nào cũng được. Bạn tôi, quay phim tài liệu, đến một trại giam nọ, anh đã quay được toàn bộ cảnh sinh hoạt của người bác họ, một tù nhân chính trị bị giam đã gần 10 năm (tù không án), tôi phục sát đất. Anh ghé tai: "Mất cho ban quán giáo 5 vé đấy (500 USD)". Giá như đoàn làm phim của Pháp có cái phong bì dày gấp 5 lần bạn tôi, chắc rằng sẽ quay được giáo sư ĐVH.

Ông nói rất đúng, chính quyền cộng sản Việt Nam đặc biệt cảnh giác. Song, thưa ông, những người thừa hành, từ cấp cao nhất trở xuống đều chịu "ăn". Họ gọi "tham nhũng là quốc nạn" đâu có sai. Xin chép một câu thơ dân gian, ông đọc cho vui:

*Thanh tra, thanh lý, thanh gì
Cứ có "phong bì" là nó thánh kiu*

Là thế hệ lớn lên sau năm 1975 ở miền Bắc, những năm gần đây do "bùng nổ thông tin", chúng tôi mới biết lớp cha chú làm nghề cầm bút bị bắt rất nhiều, chỉ vì họ đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do sáng tác. Điển hình là hai nhà thơ Phùng Cung và Tuấn Nguyễn (PC ngót 12 năm, TN gần 10 năm và đều là tù không án. Còn nhiều tên tuổi khác nữa...).

Hiện nay chính quyền không ngừng khủng bố. Họ trắng trợn bắt bớ, soát nhà các nhà thơ, nhà văn, nhà báo: Bùi Minh Quốc, Hoàng Tiến, Xuân Đài... Theo chỗ tôi biết thì nhà thơ Bình Minh Quốc, nhà văn Bảo Cự còn được "lãnh" lệnh quản chế.

Mong ông và các nhà báo ở nước ngoài lên tiếng về sự vi phạm nhân quyền này đối với những người cầm bút lâu năm tôi vừa nêu trên. Cảm ơn ông đã cho tôi biết việc làm của đoàn quay phim Pháp. Bao giờ chúng tôi có băng hình đó để coi? Hy vọng là không quá muộn? Đây là bài viết đầu tiên bằng ngòi bút tự do của mình, có gì sơ suất mong ông thứ lỗi.

Nguyễn Văn Thông
(Hà Nội)

Mục lục

1. Những dự tính cho năm mới
Vũ Thiện Hân
3. Đảng cộng sản họp ban lãnh đạo..
Thông Luận
4. Lợi nhuận, con dao hai lưỡi
Huỳnh Hùng
5. Mô hình phát triển Đại Hàn bị phá sản
Nguyễn Phi Phụng
8. Khủng hoảng kinh tế và bất ổn tại Á Châu
Trần Bình Nam
10. Dùng đảng nửa đời nửa ý
Bùi Tín
12. Lê Khả Phiêu thay Đỗ Mười...
VLN
13. Ba điều cần phải làm...
Tôn Thất Thiện
15. Cơ cấu của giai cấp thượng lưu trong các nước Nho giáo
Diệp Tường Bảo
18. Sức sống thời gian, sức sống không gian
Nguyễn Thanh Giang
21. Dân chủ đa nguyên
Nguyễn Văn Hòa
23. Về khai phá tư tưởng
Võ Xuân Minh
24. Phạm Duy - Người nghệ sĩ tự do
Phổ Tịnh
27. Tin tức thời sự
30. Thời điểm của một giải thích
Nguyễn Gia Kiểng
32. Bạn đọc viết

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập